

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Mộng Giác (IV)

Tiểu sử

Mất ngày 2.7.2012 tại Westminster, California.

Tác phẩm

Nỗi buồn khoả của Kim Dung – Qua cầu gió bay
Bóng thuyền say – Xuôi dòng



Tranh Đinh Cường vẽ khi được tin
Nguyễn Mộng Giác từ trần

Mục Lục

Nói chuyện với Nguyễn Mộng Giác - 2

Hương đêm – 6

Phòng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác – Lê Quỳnh Mai – 11

Ngon cỏ khô trên thung lũng mùa Xuân – 18

Những chặng đường của Tạp chí Văn Học – Hoàng Khởi Phong - 23

Nguyễn Mộng Giác và văn học hải ngoại – Đỗ Quý Toàn – 30

Chuyện Giác và tôi – Tạ Chí Đại Trường – 33

Phụ đính:

Giác & tôi

Từ biệt nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Tác giả *Mùa Biển Động* đã qua đời

Một chữ thành – Nhớ Nguyễn Mộng Giác

Chiều tà, rửa tay gát kiếm: Nguyễn Mộng Giác

Tiếc thương Nguyễn Mộng Giác...-

Không định viết rồi cũng phải viết vài hàng...

Tiểu sử và tác phẩm Nguyễn Mộng Giác

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”).

Nói chuyện với Nguyễn Mộng Giác

LTS: Đầu tháng 7 năm 2008 đã có một cuộc trao đổi giữa nhà văn Nguyễn Mộng Giác với Phạm Phú Minh và Trần Doãn Nho, tại nhà riêng của ông, thành phố Westminster, Nam California. Đây không phải là cuộc nói chuyện giữa ba người, mà diễn ra như là buổi phỏng vấn, chia làm hai phần, phần đầu do Phạm Phú Minh, phần sau do Trần Doãn Nho, đặt câu hỏi. Tòa soạn xin đăng lại dưới đây nội dung của phỏng vấn ấy; và để cho gọn, bài không trình bày dưới hình thức vấn đáp, mà chỉ trình bày phần trả lời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

Tôi tên thật là Nguyễn Mộng Giác, sinh năm 1940 tại huyện Bình Khê, bây giờ đổi thành huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Thời kháng chiến chống Pháp 1946 đến 1954, tỉnh Bình Định thuộc Liên khu 5, gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Tôi đi học tiểu học và trung học tại vùng kháng chiến. Sau Hiệp định Genève 1954, chuyển qua học trường quốc gia, từ lớp Bảy qua học lớp Đệ Tứ tại trường trung học Cường Để, Quy Nhơn, sau đó vào học Võ Tánh, Nha Trang, rồi học năm chót của bậc trung học tại trường Chu Văn An, Sài Gòn.

Đậu tú tài 2 xong, tôi học một năm tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, rồi ra Huế học Đại Học Sư Phạm ban Việt Hán. Ra trường năm 1963 tôi dạy tại trường Đồng Khánh, Huế, hai niên khóa, rồi đổi vào Quy Nhơn làm hiệu trưởng trường Cường Để, rồi làm Chánh sở Học chánh tỉnh Bình Định cho đến năm 1974 thì vào Sài Gòn làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục tại Bộ Giáo Dục.

Sau Tháng Tư 1975 tôi bị cho nghỉ việc, đến 1981 thì vượt biên, và định cư tại tiểu bang California Hoa Kỳ từ 1982 cho đến nay.

Công việc viết lách

Tôi gia nhập làng văn hơi chậm, vào năm 1970, lúc đó đã bước vào lứa tuổi 30. Thời điểm xuất hiện trên văn đàn rất quan trọng đối với nhà văn. Nếu một người cầm bút xuất hiện ở lứa tuổi mười tám đôi mươi thì mọi chuyện như quá trình sáng tác hay tư tưởng sẽ diễn tiến bình thường. Còn những người bắt đầu viết văn chậm như tôi thì sẽ rơi vào hiện tượng này: Tuy mới vào làng nhưng mình lại không thuộc giới những nhà văn trẻ nữa, mà cũng không thể thuộc vào lớp lớn cùng lứa với mình, vì “tuổi nghề” mình còn mới mẻ. Khi tôi bắt đầu viết thì những tác giả cùng lứa tuổi với tôi như Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đình Toàn chẳng hạn, đã thành danh rồi. Và cùng “khởi hành” với tôi là lớp người rất trẻ, thua tôi khoảng 10 tuổi. Do chỗ lẩn cấn này, mình sẽ có cảm tưởng mình là kẻ đứng bên lề, luôn luôn ở vai trò biên tế.

Như đã nói ở phần tiểu sử, sau hiệp định Genève năm 1954 tôi đổi từ vùng Việt Minh sang vùng quốc gia. Việc này có ảnh hưởng lớn về tâm lý. Về đi học lại trong vùng quốc gia, tôi nhận thấy bạn bè cùng lứa họ khác hẳn mình, so với mình họ hồn nhiên, vô tư và cả ngây thơ nữa. Bởi vì họ không trải qua những kinh nghiệm ghê gớm như mình suốt chín năm trong vùng Việt Minh. Chẳng hạn phong trào “rèn cán chính cơ,” cải tạo tư tưởng đã len lỏi vào trường học. Học sinh chúng tôi cũng phải theo những khóa cải tạo, hàng ngày ngồi trước trang giấy trắng cố moi óc tìm cho ra và ghi xuống những “tội lỗi” của mình.

Tôi nhớ lúc hết khóa, ban đêm trong một gian đình giữa đồng vắng, giữa những cây đuốc cháy bập bùng, thằng Nhánh, con một địa chủ, 12 tuổi bạn cùng lớp của tôi, cầm bản phân tình vừa khóc vừa thú nhận đã có lúc muốn hiếp dâm cô con gái của tá điền, hoặc có lúc đã cầm cái gương soi lên trời để làm dấu hiệu cho máy bay địch oanh tạc!

Đã sống qua những cảnh ngộ như thế, khi về thành phố tôi thấy mình đã già quá giữa những bạn học mới. Cũng vì tâm trạng này, tôi không tham dự những sinh hoạt ồn ào biểu tình xuống đường của học sinh sinh viên sau này tại những nơi tôi theo học.

Sau 1954, tiếp tục đi học tại các trường vùng quốc gia, tôi gặp trở ngại về vấn đề học ngoại ngữ (Pháp văn, Anh văn) vì trình độ yếu so với lớp mình đang theo học. Nhưng chính vì chỗ yếu này đã khiến tôi và những người khác cùng cảnh ngộ phải cố gắng rất nhiều để bắt kịp. Riêng tôi, nhờ sự cố gắng này mà về sau tôi có thể đọc tiểu thuyết tiếng Pháp, và đam mê một tác giả Nga là Dostoievsky qua các bản dịch tiếng Pháp.

Một tác giả ngoại quốc khác cũng làm tôi say mê sau này khi lớn hơn, đó là Kim Dung. Tác giả truyện chường này đã gây cho tôi một ấn tượng mạnh khi viết về chính và tà, làm liên tưởng đến sự va chạm giữa cộng sản và tự do ở Việt Nam.

Kim Dung trình bày nổi giằng xé bản khoán giữa chính và tà, trong chính có tà, trong tà có chính. Đó có thể là tâm trạng của một số tướng tá VNCH, họ lớn lên trong cuộc kháng chiến chống Pháp, họ không theo kháng chiến mà lại theo Pháp, sau này khi cuộc chiến đã trở thành đấu tranh giữa tự do và cộng sản thì họ vẫn mang tâm trạng không ổn giữa con đường chính nghĩa hay không chính nghĩa lúc đầu. Cảm hứng từ quan niệm chính tà lẫn lộn của Kim Dung, tôi viết một số bài, và gửi cho ông Nguyễn Hiến Lê đọc, không ngờ ông cho đăng lên báo Bách Khoa. Người dẫn tôi vào văn đàn chính là ông Nguyễn Hiến Lê.

Về các sáng tác trước 1975, tôi nhận thấy các cây bút miền Trung có khuynh hướng hiện thực, bám sát cuộc chiến tranh, khác với những nhà văn miền Bắc di cư và nhà văn miền Nam. Các cây bút miền Trung có vẻ coi tình thế đất nước quan trọng hơn là những khuynh hướng văn học nhập cảng từ Paris. Điển hình như nhà văn Võ Phiến, đã tỏ ra nóng ruột: Tại sao tai họa cộng sản sờ sờ ra đây mà mọi người làm như chẳng thấy gì cả, cứ đi viết những thứ phù phiếm!

Khuynh hướng hiện thực đó có mặt trong những sáng tác của tôi trong thời kỳ đầu. Các truyện ngắn “Bão Rớt,” “Tiếng Chim Vườn Cũ,” tôi viết theo lời kể của Lữ Quỳnh về những thảm cảnh của Thừa Thiên. “Qua Cầu Gió Bay,” đăng bốn kỳ trên tạp chí Bách Khoa khai thác tâm trạng của người nữ tù binh, do Hoàng Khởi Phong kể. Truyện dài Đường Một Chiều, kể một vụ án mạng mà người phạm tội không biết là mình phạm tội, được giải thưởng Văn Bút năm 1974. Tôi viết chậm mà lại bắt đầu trễ, mới từ 1970 đến 1975 là đã phải ngưng. Có lẽ vì còn “ám ức” nên tôi đã tiếp tục viết Sông Côn Mùa Lũ vào những năm từ 1977 đến 1981.

Việc sáng tác Sông Côn Mùa Lũ

Tôi bắt đầu có ý định viết Sông Côn Mùa Lũ vào năm 1977. Hôm ấy tôi tình cờ gặp anh Nguyễn Thành Hải, trước kia làm nhà xuất bản Nhị Khê, anh ấy và tôi ngồi uống cà phê nói chuyện văn nghệ, viết lách. Sau 1975, giới cầm bút chứng kiến cuộc đổi đời, thấy được tâm trạng người trí thức miền Nam, nhưng tôi nói với Hải viết trực tiếp về đề tài này không được, rất nguy hiểm. Bèn nảy ra ý viết về thời Tây Sơn, cũng là cảnh đổi đời, mượn tâm trạng giới trí thức thời Tây Sơn để soi sáng cho thời nay.

Có ý định rồi mới bắt đầu tìm tài liệu. Tôi đến thư viện quốc gia cũ, đường Lê Thánh Tôn, sau 75 vẫn mở cửa cho công chúng, tìm đọc thư của các giáo sĩ Thiên Chúa Giáo đi truyền đạo tại Việt Nam thời ấy, và nhất là hai cuốn quan trọng là Hoàng Lê Nhất Thống Chí và Lịch Sử Nội Chiến Việt Nam của Tạ Chí Đại Trùng.

Tài liệu thì rất nhiều, nhưng vẫn không đủ cho nhu cầu viết tiểu thuyết. Ví dụ thời ấy ăn mặc ra sao? Xưng hô như thế nào? Các chi tiết về khung cảnh cũng không tìm thấy. Hoàng Lê lại viết bằng chữ Hán. Tôi phân vân không biết viết như thế nào. Viết như Ngô Tất Tố trong Bút Nghiên được chăng? Hay là viết theo cách đối đáp trong tuồng hát? Cuối cùng chính Nguyễn Du đã cho lối thoát: Tôi đọc lại Truyện Kiều thì thấy ngôn ngữ của Nguyễn Du đâu có khác bây giờ bao nhiêu, mọi cái đều trong sáng, bình thường. Tôi thấy công việc trở nên giản dị, mình cứ viết bình thường với ngôn ngữ thời nay.

Thai nghén từ 1977, đến 1978 thì bắt đầu viết và hoàn tất vào năm 1981. Trong thời gian này, tôi cố tình cho mọi người biết công việc viết lách của mình, tôi viết một cách công khai. Thịnh thoảng vẫn trao đổi với Nguyễn Thành Hải. Sau khi viết xong, tôi nhờ ông Thanh Tuệ (nhà xuất bản An Tiêm trước 1975) đóng bản thảo thành bốn quyển bìa đồ gáy da, trông rất đồ sộ.

Suốt thời gian sau 1975, Hội Văn Nghệ ở thành phố Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc rằng hội không phân biệt cũ mới, anh em nhà văn của Sài Gòn cũ có tác phẩm cứ đem đến để được xét xuất bản. Một hôm tôi bỏ bốn tập Sông Côn Mùa Lũ vào một thùng giấy, đeo xe đạp đến nhà xuất bản Văn Nghệ, gặp ông giám đốc Hà Mậu Nhai. Thoạt tiên khi nghe tôi nói muốn xuất bản sách, ông giám đốc rất niềm nở, bảo hãy làm đề cương đi rồi bắt đầu viết, nhưng khi nghe bản thảo đã có sẵn rồi thì ông khựng lại, nhất là khi thấy bốn quyển bản thảo đồ sộ thì ông tỏ ra bối rối. Ông gọi người thư ký vào, bảo lượng định việc ấn loát. Sau khi tính toán, người thư ký cho biết sách sẽ vào khoảng 2,000 trang, nếu in 1,000 cuốn thì phải tốn trên hai tấn giấy. Ông Nhai bảo tôi số lượng giấy quá lớn không thể có để in ngay được, đề nghị tôi gửi bản thảo lại cho ông đọc, khi nào thuận tiện sẽ in. Trong thâm tâm tôi thì đang có ý định vượt biên, việc mang bản thảo đến nhà Văn Nghệ chỉ là tạo ra một cái cớ để có được một thứ giấy chứng nhận nào đấy, phòng khi tôi đi rồi công an xét nhà thì tập bản thảo khỏi bị tịch thu vì có giấy tờ hợp lệ. Tôi bèn nói tôi cần có một hợp đồng xuất bản với nhà Văn Nghệ, và cần chi phí để đánh máy toàn bộ tác phẩm. Kết quả là ông giám đốc Hà Mậu Nhai bằng lòng làm hợp đồng. Có được tờ giấy “an toàn” cho nhà tôi giữ tập bản thảo nếu lỡ tôi đi không lọt bị bắt và bị khám nhà, ít lâu sau tôi có đường dây vượt biên.

Sau khi tôi và đứa con trai đi rồi, bản thảo Sông Côn Mùa Lũ vẫn còn giữ tại nhà. Khi đến Mỹ tôi đã có một số cố gắng để chuyển bản thảo qua, trong đó có việc nhờ Hà Thúc Đạo, nhưng đều không thành công. Đến năm 1990 nhà tôi là Diệu Chi cùng cháu út qua Mỹ do tôi bảo lãnh, đã đem được nguyên bộ bản thảo qua như một phép lạ. Nhà tôi bỏ bốn tập vào trong va li, cùng với một số sách giáo khoa mà con tôi đang học, khi công an xét hỏi đó là cái gì, nhà tôi bảo mình là nhà giáo, đó là tập hồi ký của đời dạy học. Thế mà không hiểu sao họ cho qua không thắc mắc. Thời gian đó công an chỉ hay để ý tìm bắt những thứ quý giá như đồ cổ chẳng hạn không cho đi ra nước ngoài, còn những thứ như giấy tờ sách vở thì chắc không để ý mấy. Tôi đón nhà tôi tại phi trường Los Angeles, khi nghe nói cả bộ bản thảo được mang theo an toàn, tôi cảm thấy lạnh cả người, và nghĩ ngay là có Ông Trên phủ hộ.

Ai xem tập bản thảo cũng tưởng là bản chép lại sau cùng, sau nhiều lần sửa chữa trong bản nháp, nhưng thật ra thì đó là bản duy nhất, tôi chỉ viết một lần, không sửa chữa. Cao Xuân Huy nhận phần đánh máy toàn bộ bản thảo để chuẩn bị in. Hai nhà xuất bản Văn Nghệ của ông Võ Thắng Tiết và Thanh Văn của anh Châu Văn Thọ cùng chung vốn in bộ này. Hai cuốn đầu in xong vào năm 1990, hai cuốn sau xong năm 1991.

Về chuyến vượt biên

Tôi vượt biên thành công với đứa con trai, vào tháng 11 năm 1981, sau bốn lần thất bại, trong đó có một lần tôi dự định vượt biên tại Long Xuyên, có ghé thăm ông Nguyễn Hiến Lê ăn với ông một bữa cơm tiễn biệt, đó là lần cuối cùng tôi gặp ông.

Chuyến đi thứ năm, sau năm ngày và sáu đêm trên biển chúng tôi được một giàn khoan dầu của Tây Đức và Hòa Lan vớt, sau đó được đưa vào đảo Kuku (tiếng Nam Dương có nghĩa là cái móng tay) thuộc Indonesia. Với tâm trạng một người vừa thoát khỏi cuộc sống đè nén của chế độ cộng sản, các vết thương từ cuộc sống ấy hãy còn mới mẻ, với cảm giác được tự do, tôi bắt tay ngay vào việc viết lách. Bây giờ nhìn lại, tôi thấy thời gian hai tháng trên đảo Kuku này là thời kỳ hoàng kim trong đời viết văn của mình.

Trong tâm trạng “sống lại” đầy mới mẻ mà tôi vừa nói, tôi tìm gỗ làm một cái bàn viết dã chiến ở sườn núi, hằng ngày mang giấy bút lên đây ngồi viết, viết trong sự tĩnh mịch xa hẳn xã hội, chỉ nghe tiếng gió rì rào, tiếng những đàn khỉ chí chọe đây đó, và đôi khi những đám mây ngưng đọng ngay trong tàng cây trên đầu mình. Tôi viết say sưa, hầu như mỗi ngày một truyện ngắn, buổi chiều xuống núi truyện được người vượt biên trong trại chuyền nhau đọc. Lúc bấy giờ tôi viết với tâm trạng không mưu cầu một cái gì cả, không một ý định nào cả, tôi viết hồn nhiên để bộc lộ chính mình vậy thôi. Trạng thái này trước đây chưa hề có, và sau này cũng không bao giờ gặp lại, thật là một giai đoạn khinh khoái lạ thường của việc viết lách.

Tại đây tôi đã viết xong những truyện sau này in trong Ngựa Nản Chân Bon và Xuôi Dòng, và tập I của bộ Mùa Biển Động.

Còn nhớ một vài kỷ niệm, đó là khi viết truyện ngắn “Ngựa Nản Chân Bon” tôi lấy ý trong Thánh Kinh, một vài vị linh mục ở lán bên cạnh đọc được, đến tìm tôi vì tưởng tôi là tín đồ Công Giáo. Rồi khi ngôi chùa trên đảo xây cất xong, bà con Phật tử trong các lán lại nhờ tôi làm một câu đối để khắc vào chùa, tôi đã viết hai câu như sau:

Vượt biển tìm tự do, sống chết hai hàng lệ úa
Lên non tạ Phật tổ, sắc không một mảng mây bay

Sau hai tháng ở đảo Kuku, chúng tôi được chuyển sang đảo Galang. Sang chỗ mới, tôi tiếp tục viết, nhưng không còn cái đà như tại Kuku viết là viết thôi, hoàn toàn với cái hồn nhiên của một kẻ vừa thoát được sống tự do, được làm chủ đời mình. Qua Galang, mọi việc bắt đầu có chủ đích. Tại đây ai cũng cần chứng tỏ mình là nạn nhân của chế độ cộng sản và... cần đi Mỹ. Ai cũng ước ao được đi Mỹ, đến nỗi khi phái đoàn của các nước khác như Pháp, Đức... đến phỏng vấn để cho tị nạn, người ta trốn lên núi để khỏi gặp phái đoàn.

Tại Galang có một tờ báo dành cho người tị nạn do Linh Mục Dominici, tên Việt là Đỗ Minh Trí chủ trương. Tôi giúp viết cho tờ báo ấy, và ngưng việc viết truyện lần tiếp tục Mùa Biển Động. Tôi cũng liên lạc được các văn hữu ở Mỹ, trong đó có nhà văn Võ Phiến, ông khuyên tôi nên cố gắng xin đi Mỹ, con cái sẽ có tương lai hơn.

Và tôi đã đến Mỹ, vào tháng 11 năm 1982. Thoạt đầu tôi cộng tác với vài tờ báo của bạn bè. Và tôi bắt đầu viết văn trở lại.

Đánh giá các tác phẩm của mình

Đọc lại tác phẩm của mình, đó là một việc rất ngán đối với tôi, vì mình sẽ thấy nhiều khiếm khuyết quá về mặt kỹ thuật. Vì nhận ra nhiều chỗ hở, chỗ vụng, nên cảm thấy không bằng lòng với tác phẩm. Cũng giống như một người kia sắm một chiếc xe hơi mới, bị người ta gạch một đường trên lớp sơn còn bóng loáng. Anh ta đem xe đi sơn lại, mới y như trước, người ngoài không nhận thấy gì, nhưng chính anh ta thì vẫn bứt rứt, vì biết chiếc xe đã bị vết sẹo, dù bây giờ không còn nhìn thấy nữa.

Lúc chưa bị đau yếu, tôi có ý định sẽ viết một bộ Văn học sử Việt Nam hải ngoại và một cuốn trường thiên tiểu thuyết về cuộc sống của người Việt tại hải ngoại. Nhưng rồi đổ bệnh, sức khỏe kém, tôi biết ý định ấy không còn thực hiện được nữa.

Bây giờ nhìn lại, tôi thấy miền Nam trước 1975 đã có được một cơ chế tôn trọng tự do phát biểu. Trước hiện tượng nhiều nhà văn tại Việt Nam ngày nay khi sắp qua đời mới công bố những lời tự biện hộ cho chính những gì không thật mình đã viết, hoặc những việc không phải mình đã làm, tôi thấy thật là một thảm kịch.

Nếu có một lời nhắn nhủ cho lớp trẻ, tôi sẽ nói: Nếu có ý định làm gì, thì nên làm ngay. Đừng đợi có điều kiện tối hảo mới làm, như kiểu tự hứa: “Khi có điều kiện, tôi sẽ làm việc này việc kia...” mà nên bắt tay làm ngay.

Cuối cùng, tôi mong mọi người mạnh khỏe, và tận hưởng các thú vui của đời sống.

Hương đêm

Chàng do dự ở chân cầu thang khi thấy phòng nàng kín cửa. Tuy nhiên bên trong vẫn le lói ánh đèn. Chàng ngập ngừng chưa biết phải làm gì, thì cửa lớn phòng nàng xịch mở. Giọng nàng gọi xuống hơi run và nghẹn, như đã biến đổi vì một nỗi xúc động hoặc cố gắng lớn lao :
- Anh đợi em một chút. Em sẽ xuống ngay!

Như một phép lạ, tất cả cửa sổ hai bên barrack đều mở. Ánh đèn thủy ngân nơi đầu dốc giúp cho chàng thấy nhiều đôi mắt xoi mói nhìn về phía chàng. Thời gian chờ đợi như dằng dặc. Cuối cùng, nàng mở cửa, cẩn thận vịn hai thanh gỗ cầu thang chậm chạp bước xuống. Chàng ngạc nhiên vì nàng dám mặc chiếc áo hồng quá trẻ trung so với khuôn mặt sầu muộn nhăn nhuc và cuộc sống khép kín lâu nay. Từ các tầng gác hai bên barrack nhiều tiếng người khúc khích.

Chàng khó chịu, giục:

- Chúng ta đi đi !

Nàng đáp nhỏ “ạ”, rồi vội vàng bước nhanh cho kịp chàng. Tiếng xuyết xoa chòng ghẹo không để cho họ yên suốt quãng đường ngắn từ phòng nàng lên tới đầu dốc, chỗ có ngã rẽ đi xuống đường nhựa chính. Nàng cố đi xích gần chàng hơn, nói trong hơi thở:

- Anh! Hãy quàng lấy vai em!

Chàng ngỡ ngàng ngược nhìn nàng, không hiểu. Đôi mắt van lơn cầu khẩn ướm sáng dưới ánh đèn thủy ngân. Chàng đưa tay ôm chiếc vai nhỏ, cảm thấy nàng đang run và dưới làn vải hồng mịn màng là một đôi vai ốm. Chàng bóp nhẹ vai nàng, lòng phân vân giữa thương xót và ngỡ ngàng. Khi xuống đến đường nhựa và không còn nghe những lời đùa cợt độc ác nữa, nàng đưa tay gỡ nhẹ tay chàng, liếc nhìn lên như sợ chàng giận, rồi cúi xuống đi xa ra một chút.

Chàng lại thấy nàng giữ thái độ dè dặt xa cách như những lần trước. Chàng định hỏi cho ra lẽ, nhưng nàng đã hỏi trước:

- Anh đã đi ký giấy nợ chưa?

Chàng đáp gọn:

- Rồi.

- Còn những nợ nần khác?

Nàng cố lấy giọng đùa nghịch tự nhiên, hỏi tiếp:

- Nhất là nợ nần vương vấn với các cô, thì dây dưa lắm. Dứt không hết đâu!

Chàng im lặng không nói gì, trí mãi suy nghĩ đến thái độ khác thường của nàng đêm nay.

Chàng chỉ nghe nàng hỏi loáng thoáng:

-...hay có xe chờ ra đến tận cầu tàu?... còn thân nhân thì phải đi bộ thôi. Chao ơi! Xa thế làm sao đi bộ được!

Chàng hơi giận, hỏi hơi xẵng tiếng:

- Sao đêm nay em khác thường vậy?

Nàng cúi cúi bước, không đáp. Chàng cũng không biết hỏi gì thêm. Họ lặng lẽ đi qua quán cà phê bên đường.

Giọng hát Thái Thanh vô tình lấp đầy khoảng trống ngại ngùng:

“Nghìn trùng xa cách, gửi đến cho người . Còn gì đâu nữa mà khóc với cười. Mời người lên xe, về miền quá khứ. Vĩnh biệt thương yêu... “^[SEP:SEP]Lòng hai người chùng lại. Lời hát ngày càng xa nhưng âm thanh tha thiết chới với hòa với sương đêm và ánh đèn thủy ngân xanh xao, thấm lên từng làn da thớ thịt họ. Chàng đi gần nàng hơn, và nàng bạo dạn nắm lấy tay chàng, bóp nhẹ. Hai bên đường, sương đêm nạm kim cương lên khắp vùng cổ ướn. Nàng cúi xuống ngắt một cành hoa dại màu tím nở muện ngay dưới chân đèn đường. Chàng kiến nhẫn dừng lại chờ. Nàng xinh xắn, linh hoạt khác thường trong bộ áo hồng, tinh nghịch xoay xoay cành hoa trên tay phải, mỉm cười bảo chàng:

- Ít lâu nữa, có thể là một hai tuần, hoặc một hai tháng ở Cali, có ai hỏi anh: “Này, cậu có biết Trân Châu, cái cô từ Thái Lan chuyển qua Galang một lượt với cậu đó, cậu nhớ không?”, anh sẽ đứng đỉnh đáp: “Trân Châu nào hè? Chưa từng bao giờ quen!”

Dường như để nói được câu khôi hài ấy, nàng đã dùng hết sức cố gắng, đã dốc hết can đảm để nói lên nỗi bất hạnh ô nhục, nên nói xong, Trân Châu cảm thấy rã rời. Nàng sợ ánh đèn thủy ngân quá sáng có thể soi rõ dấu vết ô nhục còn sót lại trên thân thể mình, sợ cả ánh nhìn thương xót quen thuộc của Đức, nên vội bước về đoạn đường có bóng tối phía trước. Đức bối rối không biết phải nói gì trước nỗi đau khổ quá lớn lao, chỉ trách nhẹ:

- Sao em chua chát với anh quá vậy?

Trân Châu thì thào :

- Em chỉ nói sự thực.

- Không. Em đừng nên vợ dũa cả nắm.

Nàng đột ngột dừng bước. Họ đã đến chỗ chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua con suối cạn, nước chảy róc rách. Bóng cổ thụ che bớt ánh đèn đường chói chang trên Main Street, dành cho họ một khoảng tối âm u vừa đủ cho những lời tâm sự chân thành. Trân Châu đề nghị:

- Mình dừng lại ở đây đi anh!

Chàng nhìn lên phía dốc cạnh siêu thị, e ngại nói:

- Ngay giữa nơi xe cộ, anh sợ ồn.

Nàng sợ phút can đảm qua đi, vội nói:

- Không đâu. Xe cộ hết chạy vào giờ này rồi. Anh, cho em dựa vào thành cầu.

Đức nhường chỗ cho nàng, nhận xét:

- Độ này em không được khỏe! Anh đi rồi, em nhớ lo ăn uống điều hòa hơn, nhất là rau tươi và sữa.

Giọng Trân Châu hơi run run vì cảm động:

- Không. Chưa bao giờ em thấy khỏe bằng lúc này. Có khỏe mới dám đương đầu với sự thực.

Anh thấy không, hôm nay em dám bỏ cái áo tím than cũ kỹ, và dám quàng vai anh đi điều trước thiên hạ.

Đức bắt đầu hiểu thái độ khác thường của Trân Châu lúc này. Chàng ái ngại nhìn nàng, thấy đôi mắt Trân Châu lóe lên ánh giận dữ thách thức. Chàng tìm cách nói để nàng bình tĩnh lại:

- Em giận họ làm gì! Họ chỉ hiếu kỳ.

Trần Châu vội ngừng phất lên, định nói gì đó. Cái gì độc địa, dữ dội. Cái gì chua chát tàn nhẫn. Nhưng nghĩ sao, nàng thôi không nói. Bàn tay phải nàng run run vì không được bấu chặt vào thanh sắt lan can cầu như bàn tay trái, nên để che giấu xúc động. Trần Châu xoay tít cành hoa dại. Một lúc sau, nàng nói nhỏ, như một lời than van:

- Cả anh nữa, anh thấy không, đối với em, anh cũng là một người hiếu kỳ.

Đức định phản đối, nhưng Trần Châu đã vội vã nói tiếp:

- Anh cho em nói hết đã. Em muốn nói nhiều, nói cho đến tận cạn, để ngày mai anh thành thoi ra đi, không còn cảm thấy bị ràng buộc vướng víu vì em. Em không muốn là cục nợ, là gánh nặng cho bất cứ ai. Em đã chuẩn bị ròng rã mấy ngày nay để được nói hết với anh đêm nay. Anh, nói thực với em lần cuối đi, vì sao anh thương em?

Đức bị hỏi bất ngờ, nên chưa biết phải đáp thế nào. Trần Châu cười nhẹ, giọng nói hơi vỡ :

- Đấy, anh xem, anh có trả lời được đâu!

Đức vội nói:

- Không. Em đừng hiểu lầm. Vì không còn là lúc để khách sáo đầu môi chót lưỡi nữa, nên anh thành thật nhận rằng đáp câu em hỏi khó lắm. Đúng, ban đầu, khi em được khiêng bằng bằng ca lên trại, anh tìm xem mặt em vì tò mò. Em biết đấy, trước một kẻ tuần nạn, chỉ có cha mẹ hoặc vợ chồng, con cái kẻ đó là đau đớn thực sự. Những kẻ khác thì thương hại và mừng rỡ. Không tàn nhẫn đâu. Họ mừng rỡ vì tai họa trước mắt đã có kẻ gánh chịu chưa đến lượt mình, hoặc vì nạn nhân đã gánh hết tai họa rồi, không còn phần rủi nào dành cho họ nữa.

- Rồi sau đó...

- Sau đó anh nghe được những gì người cùng ghe với em kể lại. Anh tự thấy xấu hổ vì đã tò mò chen lán chạy đi xem mặt em hôm đầu tiên. Anh cảm...

Nàng ngắt lời chàng, hỏi dồn:

- Họ đã kể gì với anh?

- Mỗi người một cách, đôi khi mâu thuẫn với nhau. Nhưng anh đủ trí phán đoán để bỏ đi những phần thêm thắt không thể có thực. Chẳng hạn họ kể ban đầu bọn cướp biển có vẻ tử tế.

- Anh, họ nói đúng đấy. Không bịa đặt đâu.

Chàng ngỡ ngàng không tin tai mình, hỏi lại:

- Em điên rồi sao? Chúng tử tế mà lại...

- Không. Chúng chỉ tử tế lúc đầu. Lúc đó ghe em vì hết dầu nên trôi giạt hai ngày đêm rồi. Gặp được ghe lạ, dù có sợ hãi tặc, nhưng vẫn mừng vì còn hy vọng tìm cái gì nổi để bám. Đến gần càng mừng hơn, vì ghe lạ không che bằng số trước mũi. Khi biết mình cần dầu Chúng mới nổi lòng tham, đòi đủ mười lượng vàng.

- Anh cũng có nghe kể chuyện này. Đúng là bọn cướp biển không chuyên nghiệp. Nhưng ông chủ ghe kể là ông nói hết cả nước miếng, mà hành khách không ai chịu đóng góp cả.

- Ông ấy giấu, không nói hết. Hành khách không chịu góp vì biết rõ gia đình ông ấy có mang theo nhiều vàng, trong khi họ chỉ giấu ở gấu quần, thắt lưng, mỗi người một chỉ để hộ thân mà thôi. Họ phân bì, nên cho số một lượng vàng chủ ghe bỏ ra là quá ít. Vì thế chỉ được tổng cộng có một lượng rưỡi. Bọn Thái Lan tức giận, không tin cả ghe chỉ có bấy nhiêu. Vì thế chúng thành bọn cướp. Chúng áp lại gần, bắt đàn ông con trai cởi hết quần áo rồi phải nhảy xuống nước, chỉ được phép bấu tay vào mạn ghe. Đàn bà con nít được ở lại, nhưng bị lục soạn rờ rẩn không thiếu chỗ nào.

- Rồi có tìm ra đủ số chưa?

- Không. Chỉ có em đại dốt đem nộp cái nhẫn một chỉ ngay từ đầu, còn ai cũng tìm cách giấu được. Nhất là gia đình chủ ghe, hình như lão đã giấu dưới lớp hắc ín trám ghe. Tụi cướp đe ba cụ già lấy thêm được bốn chỉ nữa, cộng với cái nhẫn của em là năm chỉ. Chúng giận, đập phá tứ tung, nhưng vẫn chưa làm quá. Chúng hẹn trong vòng một giờ, nếu không nộp đủ năm lượng vàng, sẽ bỏ mặc cho trôi giạt chứ không bán dầu.

- Sau đó nghe nói chỉ được ba lượng. Ai chịu góp thêm một lượng nữa thế?

- Không có ai cả! Lão chủ ghe lấy của mình, nhưng giả vờ như nhặt được của hành khách nào đó giấu dưới gầm ván lót. Như vậy vẫn còn thiếu hai.

Chàng do dự một lúc, mới lấy đủ bạc, e dè hỏi:

- Rồi... do đâu chúng ra thêm điều kiện...

Nàng im lặng, không trả lời ngay. Đức cảm thấy hối hận, định nói qua chuyện khác thì Trân Châu đã đáp:

- Chúng trở về ghe bàn luận lâu lắm, có lẽ do dự. Nửa muốn tàn sát cả ghe, nửa muốn bỏ đi, thật lâu, mới thấy một tên qua đưa điều kiện mới.

Chàng không muốn đi xa thêm, vội hỏi:

- Lúc đó, cả ghe đã biết âm mưu lừa gạt của chúng chưa?

Trân Châu định trả lời, nhưng ánh đèn pha một chiếc xe hơi từ đầu dốc chiếu thẳng vào hai người. Nàng lúng túng đưa tay lên che mặt. Chiếc xe chạy chậm lại để qua cầu, và đám thanh niên đứng trên xe đập mạnh vào thùng xe để chọc ghẹo họ. Ai đó la lớn:

- Coi chừng nghe em! Nó xạ lắm, đừng dại tin!

Đức nhăn mày tức giận, nhìn theo dấu xe chạy khuất.

Trân Châu cười tự nhiên, tay phải lại xoay cành hoa tím. Nàng nhìn Đức nói:

- Họ lắm rồi. Đáng lý họ phải bảo anh đừng vội tin lời em. Anh không nghe thiên hạ bảo em học được của bọn hải tặc phép làm thuốc lú để mê hoặc anh hay sao?

Đức không ngờ Trân Châu dám nhắc lại những lời gièm pha độc ác đau lòng như vậy. Chàng tức giận, nói giữa cơn khích động tột độ:

- Thật vô ơn bội bạc! Họ không biết em đã đem thân làm vật hy sinh để cứu mạng sống của họ hay sao! Họ quên đã van lơn, khóc lóc cầu khẩn em như thế nào. Nếu bọn hải tặc lừa gạt, quăng trả em về rồi chạy luôn chứ không đưa dầu, thì đó không phải là lỗi của em. Có dầu hay không, em vẫn là cứu tinh của họ.

Nàng cười chua chát, không đáp ngay. Chàng giận đến nghẹn lời, tự thấy tốt hơn hết là nên im lặng để khỏi nói lấp bắp khó hiểu. Đêm thật mênh mông. Nước dưới chân cầu chảy róc rách, lâu lâu có tiếng một loài chim đêm kêu chirp chirp nhip hai. Lâu lắm về sau, Trân Châu mới nói thật nhỏ, gần như một lời thì thào:

- Chắc anh đã nghe không thiếu những lời người cùng ghe trách móc em. Không có dầu, tiếp tục chịu đói khát, trôi giạt trên biển cả trước khi được tàu Mỹ cứu, họ không oán bọn hải tặc mà lại đổ oán cho em. Họ bảo em dùng dằng mãi mới chịu qua, làm bọn cướp giận. Thậm chí họ còn bảo em không chịu khó chiều ý chúng. Cũng may lúc được quăng trả về, em ngất đi, không phải nghe những câu nói ấy. Anh hiểu giùm em, suốt cuộc hành trình, em nhận được gì đâu, để sẵn sàng làm người tuấn tiết! Gia đình "anh ấy" báo tin gấp quá, em chỉ kịp đem theo một bộ quần áo và cái khăn mặt. Em sắp bước lên cyclo mẹ em mới chạy theo dúi thêm chiếc nhẫn. Suốt mấy ngày đói khát, có ai sẵn sàng chia cho em nửa ngụm nước, một muống cháo? Người ta dẫm lên em mà đi. Xin lỗi anh, họ đá ỉa cả lên người em mà không thấy cần phải xin lỗi. Họ tự nhận khôn ngoan đã giấu được vàng, và chê em dại dột. Em đem thân hy sinh cho họ ư? Nhất định không!

Đức lấy làm lạ hỏi:

- Thế vì sao cuối cùng em lại nhận?

- Vì nét mặt sợ hãi máu của một em bé. Nó dễ thương quá. Má đỏ hồng, nói bi bô cả ngày. Tự nhiên em thấy mình không đáng gì, so với em bé. Cứu tinh của cả ghe (mà thật ra đã được là cứu tinh đâu) không phải là em. Anh lắm rồi, không phải em, không phải em! Đó là sự thực. Anh đừng chịu khó trả nợ cho ai cả. Đừng nhọc nhằn ấy nấy vì thương hại em. Hãy yên tâm mà đi, anh Đức ạ.

Giọng Trân Châu càng ngày càng nhỏ, run run. Cuối cùng nàng bật khóc. Đức đưa tay ôm lấy nàng, thân thể nhỏ nhắn vẫn không thôi run rẩy vì khóc thổn thức, nhưng qua cách dựa. ngoan

ngoãn vào thân chàng, Đức biết Trân Châu vẫn giữ được lòng tin cậy và tình thương yêu đối với chàng. Đức im lặng để cho nàng khóc thỏa thuê. Chàng biết những giọt nước mắt cũng cần thiết cho cuộc phục sinh chẳng khác nào máu thịt của đời sống. Tuy nhiên lòng chàng lộn cộn những điều khó chịu.

Cho đến lúc nàng bình tĩnh trở lại, Đức hỏi lơ lửng :

- Em thì chắc sắp qua Colorado rồi chứ gì?

Trân Châu giật mình ngược lên hỏi:

- Anh nói gì ạ?

Đức ngập ngừng nói:

- Em... em sắp qua với "anh ấy"!

Nàng thờ dãi, rồi nói:

- Chắc... chắc còn lâu lắm. Hoặc chẳng bao giờ nữa!

- Sao thế?

Trân Châu do dự thật lâu, mới chậm rãi đáp:

- Từ mấy tháng nay, anh ấy không thư từ gì cả.

- Nhưng hình như em có nhận được đầy đủ giấy tờ bảo lãnh rồi cơ mà! Hôm trước JVA gọi em lên có việc gì thế?

Trân Châu buồn rầu đáp:

- Họ cho biết anh ấy đã đổi ý.

Đức kinh ngạc xoay người Trân Châu lại để nhìn thẳng vào mắt nàng. Tâm trạng chàng phức tạp, pha lẫn tức giận và hy vọng mơ hồ. Chàng cố dần xúc động hỏi:

- Nhưng... nhưng em có hiểu vì sao không? Chẳng lẽ vì chuyện ấy?

Trân Châu gạt đầu. Đức vội vã hỏi:

- Nhưng anh ấy đã biết, trước khi làm giấy bảo lãnh kia mà.

Nàng lúng túng chưa biết phải trả lời thế nào. Đức đã bỏ tay khỏi vai Trân Châu. Nàng dần xúc động bằng cách xoay xoay cành hoa dại, một lúc lâu, mới ngược lên nhìn thẳng vào mắt chàng, cố nói thật chậm:

- Vì có người viết thư qua mách anh ấy rằng khi em... khi em bị nạn, có thấy... có thấy... em đưa tay ôm lấy lưng tên hải tặc. Đó, sự thật ghê tởm của đời em đó, anh tin không?

Sức cố gắng của nàng chỉ được đến đó. Nàng rũ xuống như một cuống hoa héo. Đức kịp ôm lấy nàng, hôn thật nhiều lên khuôn mặt trắng nhợt đẫm nước mắt. Chàng nói cho nàng nghe, mà cũng để nói cho mình:

- Cảm ơn em, cảm ơn nỗi ô nhục và thử thách em chịu đựng lâu nay. Cảm ơn tình yêu của anh, kẻ tuần nạn thay cho anh. Sự chịu đựng của em làm anh ngợp. Trân Châu! Trân Châu! Có nghe anh nói không?

Nàng khẽ gạt đầu tuy vẫn chưa thôi khóc. Ánh đèn thủy ngân ở đầu dốc chiếu lên khóe mắt nàng: những giọt lệ lóng lánh. Có tiếng xe sắp chạy qua cầu. Nàng gỡ tay chàng đứng thẳng dậy, nói khẽ:

- Có lẽ em phải về thôi. Chắc ngày mai... ngày mai em không tiễn anh ra cầu tàu được.

Chờ cho chiếc xe Jeep hiệu Toyota qua khỏi, Đức mới đề nghị :

- Để anh đưa em về barrack.

Trân Châu vội gạt:

- Thôi! Khởi cần phải trên chọc họ nữa.

- Nhưng ít ra cũng cho anh đưa em đi một đoạn.

Nàng vẫn cứng cổ :

- Thôi, anh Đức ạ. Em muốn mình chia tay ở đây, trên chiếc cầu nhỏ này.

Thấy chàng có vẻ thất vọng, Trân Châu đưa cành hoa tím dại nàng vẫn cầm từ đầu đến giờ về phía Đức, cố lấy giọng tinh nghịch nói:

- Em làm chuyện ngược đời, là tặng hoa cho anh. Anh thấy không, này giờ em xoay xoay hoài, hai cái hoa nhỏ xíu bé bỏng vẫn không rụng. Màu tím đẹp dễ sợ, chỉ tiếc không thơm. Tên hoa gì vậy anh?

- Anh cũng chẳng biết. Nó mọc đầy hai bên đường rừng.

- Em đặt quàng cho nó cái tên Forget-me-not. Anh cầm lấy. Mai anh đi bình yên. Chúc anh vui! Không chờ Đức nói, Trân Châu vội vã quay về phía dốc. Đức thần thờ nhìn theo, nhìn cái dáng nhỏ nhắn, cô độc của người con gái dưới ánh đèn đường. Chàng nhìn lên cánh hoa "Forget-me-not" hồi lâu, rồi thử đưa lên mũi. Chàng kinh ngạc tìm thấy một mùi thơm thanh khiết như hương hoa quỳnh, phảng phất thoang thoảng trong sương khuya.

Galang, tháng 11, 1982

Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Mộng Giác Lê Quỳnh Mai

LQM: *Tập I (Những đợt sóng ngầm) và tập II (Bão nổi) trong 5 tập của trường thiên Mùa Biển Động vừa xuất hiện năm 1984-1985 đã gây nhiều sóng gió. Xin ông cho biết hơn 7 năm hoàn thành bộ sách, nhân vật và tình tiết trong truyện có bị ảnh hưởng gì bởi những biến cố đó không?*

NMG: Đây là niềm thích thú trong việc viết trường thiên Mùa Biển Động. Khi cuốn 1 và 2 ra đời, tôi chưa viết cuốn 3,4,và 5, dàn bài chung thì có, hình thành ra sao thì chưa. Nhờ cuốn 1 và 2, tôi đã có hứng thú viết phần sau. Phản ứng của một số độc giả lúc bấy giờ nghĩ rằng tôi viết bộ truyện này với ý định phê phán quân lực VNCH, hay có một ý định nào đó đối với chế độ Ngô Đình Diệm. Nhưng sau này, độc giả thấy rằng dự đoán đó sai và toàn bộ Mùa Biển Động đã có một chủ ý khác hơn là những thiên kiến ban đầu.

Các phần viết về cuộc di tản trên quốc lộ 1, và cuộc rút quân ra khỏi Quảng Trị, Thừa Thiên trong bộ truyện Mùa Biển Động dựa vào hai cuốn hồi ký- Ngày N+ của Hoàng Khởi Phong, và- Tháng Ba Gãy Súng- của Cao Xuân Huy.

LQM: *Còn các biến cố khác như Biến Động Miền Trung, Tết Mậu Thân, Mùa Hè Đỏ Lửa, ông có mặt tại Huế lúc đó hay chỉ dựa vào các tài liệu khác?*

NMG: Tôi có mặt từ 1960- 1965 khi những gì xảy ra ở Huế về phong trào Phật Giáo. Đây là thời gian tôi học ở Sư Phạm Huế và hai năm dạy học ở trường Đồng Khánh. Nhưng khi biến động Phật Giáo xảy ra ở miền Trung, tôi đã được đổi vào Qui Nhơn, không có mặt ở đó, nên tất cả những gì xảy ra ở Huế, tôi đều tìm hiểu qua nhân chứng tại chỗ, qua thân nhân, qua bạn bè, qua sách báo, không trực tiếp.

LQM: *Trường thiên Mùa Biển Động toát lên thân phận bi thảm của con người Việt Nam. Theo ông, đó là do- cộng nghiệp- hay do -tính tình- như ChamFord đã viết; Tính tình là số mạng?*

NMG: Khi một người viết về đề tài nào, viết tới hay không, phần nhiều là do người đó có cùng cộng hưởng với những thân phận, với những đau buồn của nhân vật, với thời thế, với không gian mà mình tham dự vào để mình viết tới hay không. Mỗi lần nghĩ đến thân phận xót xa của những người bị đau khổ trong chiến tranh và nhất là các phụ nữ, trẻ em, tôi không quên được và có một sự xúc động lạ lùng. Những xúc động mạnh đó đã ảnh hưởng và thúc đẩy tôi viết. Cho nên gọi là cộng nghiệp cũng có thể đúng, cũng đúng cho động cơ sáng tạo của người viết văn.

LQM: *Năm nhân vật nữ trong Mùa Biển Động đều là người Huế. Có phải khi sáng tạo ra họ, ông đã nghĩ đến câu: Học trò xứ Quảng ra thi, thấy cô gái Huế chân đi không đành?*

NMG: Lý do đơn giản vì bộ trường thiên Mùa Biển Động lấy cuộc đời chìm nổi của ba gia đình xuất thân tại Huế, nên đương nhiên các nhân vật phải là người Huế. Thành thật mà nói thì đời sống riêng của tác giả cũng có ảnh hưởng đến lối lựa chọn, mô tả nhân vật. Tôi là học trò xứ Quảng ra Huế thấy cô gái Huế là nhà tôi, và chân đi không rời, nên cuối cùng ở Huế. Việc này đã ảnh hưởng đến lối viết của tôi.

LQM: *Trong Mùa Biển Động, nhân vật Tường hoạt động cho lý tưởng, sau cùng thất vọng ê chề. Vậy ông có đồng ý với Oscar Wilde rằng: Ở đời có hai điều bất hạnh, bất hạnh thứ nhất là không thành, đạt ước mơ; bất hạnh thứ hai thì thậm hơn là ước mơ thành đạt?*

NMG: Ý kiến của Oscar Wilde là ý kiến rất thâm thúy có vẻ như châm biếm đối với những người quá kỳ vọng ở lý tưởng. Thường khi người ta đạt được lý tưởng, thì thấy lý tưởng chỉ là một mớ thực tế lộn nhồn tầm thường. Có nhiều người công kích tại sao tôi lại cho một nhân vật (Tường) thiên tả theo cộng sản trở thành nhân vật chính của truyện. Thật ra, tôi dựa vào một số bạn bè để cấu tạo nên nhân vật này. Nhưng nhân vật Tường giống đoạn đầu mà không giống đoạn sau. Ít ra trong đoạn đầu cũng có phần đúng là cái động cơ thúc đẩy cho một số sinh viên và giáo sư Huế thay nhau tranh đấu lúc bấy giờ, họ xem đó là động cơ lý tưởng. Nhưng cái lý tưởng mà họ nghĩ bên cộng sản cung cấp, thật ra chỉ là một cái gì mà sau này họ cảm thấy tất cả sự ê chề, thất vọng. Đó là cái ám ảnh họ suốt đời cho đến ngày nay.

LQM: *Đoạn tả cảnh âu yếm giữa Tường và Nam trong Mùa Biển Động hấp dẫn như cảnh Michael Douglas và Glenn Close trong phim Fatal Attraction. Nhưng họa sĩ Võ Đình lại dung chữ- CHAY- khi nhắc về NMG (Rừng Mắm Văn Nghệ, VĐ, xb 2000). Xin ông cho biết ý kiến?*

NMG: Một số bạn bè như anh Võ Đình, Thế Uyên, Nguyễn Mạnh Trinh cũng xếp tôi vào loại viết chay. Nhưng xếp như vậy bởi vì họ không đọc kỹ! Tôi coi việc phân biệt chay với mặn (hay rõ ràng hơn là đề cập đến dục tính trong tiểu thuyết) không phải là một ý niệm về đạo đức hay luân lý. Tình yêu theo đúng nghĩa của nó phải là tình yêu cộng thêm dục tính. Rất bình thường không có gì phải tránh né.

LQM: *Trần Vũ dựa vào tác phẩm Sông Côn Mùa Lũ, viết thành truyện ngắn Mùa Mưa Gai Sắc(Cái Chết Sau Quá Khứ, xb 1999) đã tạo nhiều tranh luận.Để viết Sông Côn Mùa Lũ, ông đã xử dụng đến khoảng 50 tài liệu.Theo ông, tài liệu nào chính xác và quan trọng nhất?*

NMG: Có hai loại tài liệu mà tôi dung để viết bộ trường thiên tiểu thuyết về xã hội Việt Nam cách đây gần hai thế kỷ.

Những tài liệu mà một người viết tiểu thuyết cần là tài liệu liên quan đến lối sống, lối suy nghĩ trong đời sống thực tiễn lúc bấy giờ, ví dụ đàn ông đàn bà ăn mặc như thế nào, sinh hoạt thế nào, đồng tiền họ dung là đồng tiền gì, cách tổ chức làng xã ra sao.Khi tìm tài liệu như vậy, mới thấy người viết tiểu thuyết Việt Nam rất khó khăn trong việc viết tiểu thuyết lịch sử. Ở Pháp có thể sờ thấy áo của Napoléon, nhưng Việt Nam thì không. Cuối cùng nguồn tài liệu duy nhất có thể tin cậy được về thời kỳ này là cuốn Phủ Biên tạp Lục của Lê Quý Đôn, vì ông Lê Quý Đôn theo chân quân Trịnh vào chiếm Phú Xuân, trong vòng 6 tháng, ông giữ vai trò lo về việc bình định phát triển của vùng mới chiếm, đồng thời ông cũng ghi nhận lại được hết những sinh hoạt của miền Nam, nên đó là tài liệu gốc quan trọng về sinh hoạt của thế kỷ 18 ở Đàng Trong. Một nguồn tài liệu khác là thư từ giao dịch của các giáo sĩ về thời đó. Còn tài liệu nhận định tổng quát về thời kỳ này, theo tôi, cuốn của nhà sử học Tạ Chí Đại Trường quan trọng nhất, cuốn Lịch Sử Nội Chiến.Đó là những tài liệu chính mà tôi đã xử dụng.

LQM: *Ông bỏ thời gian 7 năm để viết trường thiên I Mùa Biển Động dài 1860 trang, và gần 4 năm để viết trường thiên II Sông Côn Mùa Lũ dài 1942 trang.Bao giờ ông cho ra mắt trường thiên III?*

NMG: Nếu bắt người đọc từng ấy trang, từng ấy dòng đã là một sự tra tấn quá lớn đối với độc giả,cho nên hành hạ người ta thêm thì không nên vì bây giờ thì giờ quý giá. Nhưng nếu còn sức và sự đam mê như trước, tôi sẽ cố gắng viết hai công trình tạm gọi là khá tham vọng: một bộ sách về văn học hải ngoại và một bộ trường thiên về đời sống hải ngoại.

LQM: *Truyện dài Bóng Thuyền Say(Giải ThưởngTrung Tâm Văn Bút Việt Nam, 1974), sau khi tái bản, được đổi thành Đường Một Chiều(Văn Nghệ xb, 1989).Xin ông cho biết tại sao lại có sự thay đổi này?*

NMG: Sờ dĩ có sự thay đổi vì tác phẩm này bị khó khăn về vấn đề kiểm duyệt. Sau khi được giải thưởng Văn Bút, nhà xuất bản Nam Giao đề nghị đổi tên là Bóng Thuyền Say để dễ dàng việc xin giấy phép. Khi tái bản, tôi lấy lại tên cũ là Đường Một Chiều.

LQM: *Ông có đồng ý với nhận xét của nhà phê bình lý luận Nguyễn Hưng Quốc tiếp trong Tạp Chí Văn Học số 158: Văn Học Việt Nam là một nền văn học nghiệp dư?*

NMG: Mỗi nền văn học của một dân tộc, có số phận riêng của nó. Có muốn hoàn toàn chuyên nghiệp như nền văn học của các nước tân tiến cũng không được, vì người viết không thể nào dùng văn chương để nuôi sống mình, bắt buộc phải nghiệp dư.Theo tôi, quan trọng không phải

là nghề mà mình sống được bằng văn chương, mà quan trọng là sự quan tâm của người viết đối với việc hoạt động văn học. Như ông Võ Phiến chẳng hạn, một công chức của thời Saigon cũ và một cựu công chức của Los Angeles, nhưng ông chỉ xem việc mưu sinh là nghiệp dư và chữ nghĩa mới là nghề chính, điều đó mới quan trọng.

LQM: *Tản Đà than rằng- Văn chương hạ giới rẻ như bèo- Một nhân vật trong truyện Một Ngày Như Mọi Ngày của ông đã phát biểu- Sách văn học bán ế lắm-(Ngựa nắn chân bon,xb 1988, trg 47).Xin ông cho biết về tình hình xuất bản sách văn học hiện nay?*

NMG: Lời phát biểu của tôi tuy là hậu sinh, nhưng có khác gì lời của Tản Đà. Đó là sự thực đúng từ cổ chí kim.Trong 25 năm sinh hoạt về xuất bản, báo chí cũng như sáng tác ở hải ngoại, thời kỳ tạm gọi là toàn thịnh của sinh hoạt chữ nghĩa là thời kỳ 1985-1990.Thời kỳ này số tirage, số ấn hành của mỗi cuốn sách cao nhất. Ví dụ nhà xuất bản Văn Nghệ in sách của Nguyễn Hiến Lê, Võ Phiến hay của tôi đến 2000 ấn bản và tiêu thụ hết trong một hai năm.Tình trạng này càng ngày càng xuống. Hiện nay, sách tương đối có nhiều người mua, họ cũng chỉ in khoảng 1000 ấn bản, nhất là thơ và truyện ngắn họ chỉ in 500 ấn bản. Tức là số ấn hành xuống một phần tư. Lý do chính vì số độc giả càng ngày ít đi, lớp trẻ không đọc được vì không biết tiếng Việt hoặc không đủ sức đọc tiếng Việt.Lớp già càng ngày càng mất dần. Tình trạng này xảy ra cho các sắc dân ở Bắc Mỹ, không riêng gì Việt Nam. Có một thời kỳ trong lịch sử Mỹ, người ta bàn nên dung tiếng Anh hay tiếng Đức để làm quốc ngữ, nghĩa là tiếng Đức thời bấy giờ quan trọng, nhưng bây giờ vai trò ấy trong xã hội Mỹ không còn nữa. Một sắc dân nhập cư trong xứ lạ có nền văn hóa lớn và mạnh như Âu Châu hay Hoa Kỳ, thì tiến trình bị hội nhập không thể tránh khỏi. Theo tôi, dù cố gắng nhưng không thể tồn tại mãi một nền văn chương hải ngoại.

LQM: *Ở truyện ngắn Mẹ Trong Lòng Người Đi(Ngựa Nắn Chân Bon, trg 1), ông trích dẫn bài Trẻ Thơ của Huyền Không: Chùa xưa mái ngói cũ- Trèo lên nắm cây sào- Đêm khuya rồi không ngủ- Kéo rụng bao nhiêu sao?/ Xin ông cho biết tiểu sử, tác phẩm của tác giả này.*

NMG: Đây là 4 câu thơ của Huyền Không, tức thầy Thích Mãn Giác, trụ trì chùa Việt Nam tại Los Angeles. Tôi vô tình đọc được trong một tờ báo Phật Giáo tại đảo tị nạn Galang. Trong cái nghịch ngợm có tất cả sự trong sáng của tôn giáo và sự đam mê của văn nghệ. Theo tôi, không có ngây thơ không có đam mê thì không có văn chương không có nghệ thuật. Bốn câu thơ này đến vào giữa khung cảnh của trại tị nạn, tôi đọc là rất thích.Sang đến Mỹ tôi mới biết Huyền Không là bút hiệu của thầy Thích Mãn Giác.

LQM: *Nổi bản khoán của cả một thế hệ thể hiện trong những tác phẩm của ông (Nổi Bản Khoán của Kim Dung) đã dẫn độc giả đến một cảm giác bơ vơ. Có phải đó chính là cảm giác bơ vơ thật sự từ đáy lòng của nhà văn Nguyễn Mộng Giác không?*

NMG: Thông thường tác phẩm đầu tiên của một người viết, trình độ nghệ thuật hay cách diễn tả còn sơ sài, vì đó là tác phẩm chập chững của người mới vào đời. Gần như tác phẩm đầu nói được chất chung của cả một văn nghiệp. Đối với tôi, tiểu luận Kim Dung rất mỏng, viết rất rời

rạc, lại là cuốn nói lên được tất cả những ý chính trong những tác phẩm của tôi. Cái bản thảo trong thời đại của chúng ta tóm gọn trong câu hỏi: *Thế nào là chánh, thế nào là tà?* Qua Kim Dung, nhân vật chính mà chúng ta tưởng là chính nhân quân tử thực ra là Ngụy quân tử như Nhạc Bất Quần, nhân vật tưởng như tà thì trong cách suy nghĩ của họ rất là quân tử. Kim Dung không phải là người không phân biệt được chánh tà, nhưng ông muốn tìm một cái chánh chính xác, và một cái tà đúng nghĩa của nó, không có chuyện nhập nhằng mạo danh. Đây là câu hỏi áp dụng rất đúng cho thời đại chúng ta, những dân tộc sống với một chế độ đàn áp như chế độ cộng sản và tìm một lối thoát ra. Khi tìm câu trả lời, thì nhiều người đã dùng y phương pháp cộng sản để tìm một giải pháp, như vậy đâu có khác gì cộng sản. Theo tôi, nỗi băn khoăn đó vẫn còn trong đời sống hải ngoại.

LQM: *Nhà thơ Phùng Quán đã trả một giá rất đắt khi viết: Người làm xiếc đi trên dây rất khó nhưng không khó bằng làm nhà văn, đi trọn đời trên con đường chân thật... Ông cũng diễn tả ý trên trong truyện Trở Lại Gánh Xiếc (Ngựa Nằn Chân Bon, trg 106). Để làm một nhà văn chân thật, ông đã phải trả giá thế nào?*

NMG: Thật ra không có nhà văn giả dối. Tại giả dối vì họ viết bài báo để sống với đời, hay những bài nghị luận hùng hồn để đọc trước công chúng. Sáng tác một tác phẩm giả dối thì nó giả và sượng, độc giả biết ngay. Nhưng chân thật thế này thế nọ thì cũng quá đáng, vì đó là cái giá phải trả của người viết, phải sẵn sàng chấp nhận chuyện đó.

LQM: *Truyện ngắn Bầu Oí Thương Láy Bí Cùng (Ngựa Nằn Chân Bon, trg 122) có câu: Đôi mắt nghệ sĩ có thể nhìn suốt chín cõi- Nhìn như thế, ông thấy đời buồn hay vui?*

NMG: Trong tác phẩm tôi có cái nhìn bi quan về đời sống đa số nhân vật nam hay nữ đều có những số phận bất hạnh không tìm ra hạnh phúc. Nhưng trong đời bình thường, tôi thấy sướng hay khổ đều do mình, nếu chấp nhận giới hạn đừng nhiều cao vọng, đừng chờ đợi nhiều người khác, thì cuộc sống cũng dễ dàng chứ không khó khăn như người ta tưởng. Tuy nhiên tôi không giải thích được tại sao đời sống bình thường đơn giản bên ngoài và đời sống tôi diễn tả trong tác phẩm có sự khác biệt.

LQM: *Nhà văn Phan Nhật Nam viết: Sống thật phiền. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp viết: Cuộc sống thật buồn. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết: Được sống lương thiện khó biết mấy(Tìm Nơi Không Gió, bx 1987, trg 50). Theo ông đời có đáng sống không?*

NMG: Câu tôi viết: được làm người lương thiện khó biết mấy. Đó là hoàn cảnh sống ở Việt Nam, nhất là từ sau 1975. Người lương thiện quá khó sống, bị đẩy sang bên lề, phải lưu manh lùn lợt mới sống nổi. Ở Việt Nam người lương thiện không có đất sống. Khi mới qua Mỹ, một người bạn dạy học ở Qui Nhơn, lái xe từ Dallas xuống Houston đón lên chơi, anh khoe là bảy năm qua Mỹ mà chưa bị phạt lần nào, hai vợ chồng có việc làm, nhà cửa đàng hoàng, con cái học đại học. Một người bạn quá chân thật và hiền lành, mà sống được như vậy, thì xứ Mỹ là đất có chỗ cho người lương thiện. Theo tôi đó là thước đo trình độ văn minh của một quốc gia nơi nào người lương thiện sống được thì nơi đó đáng sống.

LQM: *Truyện ngắn Lễ Sống của ông có câu: Ước vọng bay lên cao, nhắc chân lên khỏi mặt đất là ước vọng của loài người không phân biệt lớn nhỏ. Kể đã lên cao rồi còn muốn lên cao nữa! Họ không biết bong bóng lên cao quá sẽ nổ hay sao?(Ngựa Nằn Chân Bon, trg 80). Theo ông, giáo dục tôn giáo hay pháp luật có kèm giữ được quả bóng không cho nó bay lên cao quá không?*

NMG: Tôi muốn nói đến tham vọng nhiều hơn là ước vọng, bởi vì ước là vọng, thường không đạt được, không đạt được thì bao giờ cũng đẹp. Còn tham vọng người ta có thể có được trong tay nếu có quyền thế. Kinh nghiệm qua lịch sử, người đạt được tham vọng thường vong thân và chịu những họa. Câu tôi nhắc trong Sông Côn Mùa Lũ: Làm sao biết dừng lại, dừng lại ở giới hạn mà mình phải dừng lại, điều đó khó vô cùng. Trong Tứ Thư của Đạo Nho gọi là tri chí, có nghĩa là biết dừng lại. Theo tôi, nhờ có tôn giáo, luật pháp, qui ước xã hội, nên con người ta biết đâu là lần ranh phải dừng lại. Nhờ vậy, đời sống có giới hạn và trật tự. Cũng như trong cách cư xử người với người theo truyền thống hay phong tục, phải có những lần ranh nào đó để cư xử với nhau, đó mới là điều quan trọng.

LQM: *Ông khẳng định qua lời viên trung úy rằng: Không thể chấp nhận được cuộc sống không có ý nghĩa (Ngựa Nằn Chân Bon, trg 138). Có phải là điều nhân bản mà ông muốn gởi đến độc giả?*

NMG: Theo tôi đó là một ước vọng. Tất cả mọi người đều có quyền sống. Nhưng nếu đời sống có ý nghĩa thì cuộc đời sẽ đẹp hơn. Tôi đã dùng ý này trong một đoạn đối thoại trong Mùa Biển Động, khi Ngữ bàn với bạn bè về chuyện vượt biên: Quê hương không phải đơn giản là nơi ta sinh ra lớn lên, nơi có bà con thân thuộc, mà quê hương là nơi mình cảm thấy có ích. Nếu mình không cảm thấy có ích cho quê hương nữa, mình là người bị đối xử như khách lạ, thì nó không còn là quê hương. Mình sống trên quê hương của mình mà là kẻ tha hương. Đó là điều tôi vẫn nghĩ về vai trò và ý nghĩa của cuộc đời.

LQM: *Theo thống kê tỉ lệ đổ vỡ trong các gia đình Bắc Mỹ lên đến hơn 50%. Điều đó cũng thể hiện trong một số truyện ngắn của NMG(Chủ Nhật Buồn, Giếng Ước). Theo ông tiên đoán vào thập niên tới, gia đình có còn quan trọng và cần thiết nữa hya không?*

NMG: Có hai thời điểm khác nhau: Thứ nhất là gia đình người Việt Nam trong đời sống tị nạn. Qua kinh nghiệm gia đình của một người bạn thân viết văn khi hai vợ chồng đi đến đổ vỡ, nạn nhân không phải là vợ hay chồng không thôi mà còn là mấy đứa con. Tôi đã từng chứng kiến sự đau khổ của những đứa con này, tuy đời sống qua được, nhưng vết thương đó không bao giờ lành. Cho nên trong bất cứ hoàn cảnh nào, hạnh phúc vẫn là một ân huệ đối với trẻ con, và đổ vỡ ở bất cứ thời đại nào cũng là hình phạt đối với nó. Thứ hai sang thế kỷ mới, theo tôi, định nghĩa gia đình phải khác vì đời sống đã khác. Tình trạng người chồng đi làm lo cho cả nhà, người vợ lo việc con cái nội trợ như trước thập niên 50) không còn nữa. Hai vợ chồng cùng đi làm, con cái gởi nhà trẻ, phải sắp xếp mọi thứ thì đã là một mẫu gia đình khác. Mẫu gia đình cha sống với mẹ kế, mẹ sống với chồng kế, con cái cuối tuần này ở với cha, cuối tuần kia ở với

mẹ, càng ngày càng phổ biến. Tình trạng gia đình đã thay đổi, ý kiến của tôi thì còn quá sớm để tiên đoán.

LQM: Ông có nhắc đến tài tử Brigitte Bardot, Cyd Charisse (*Đêm Cuối Năm, Xuôi Dòng*, xb 1987, trg 15). Ông có mê điện ảnh không? Phim nào ông thích nhất? Nam nữ tài tử nào là thần tượng của nhà văn Nguyễn Mộng Giác?

NMG: Lẽ dĩ nhiên khi mới lớn ai cũng mê điện ảnh, sưu tầm những tờ chương trình là thú vui của thời trẻ. Mỗi lứa tuổi, thì tôi có mẫu tài tử lý tưởng khác nhau. Mới lớn tôi rất mê Tarzan, lớn hơn thì mê hình ảnh anh chàng cướp biển do Burt Lancaster đóng, thời sinh viên thần tượng của tôi là James Dean trong vai trò của người nổi loạn, bây giờ đến tuổi này, tôi vẫn xem phim trên cable. Phim bây giờ thiên về kỹ thuật quá nhiều, phần nhân bản quá ít, như phim kiếm hiệp chỉ chú trọng đến phần kiếm và không quan tâm đến phần khí. Theo tôi, đó là khuyết điểm của điện ảnh hiện đại.

LQM: Nữ danh ca Thái Thanh được nhắc đến trong truyện *Hương Đêm* của NMG (*Xuôi Dòng*, trg 74). Ông nghĩ gì về tiếng hát vượt thời gian của làng âm nhạc Việt Nam?

NMG: Cho đến bây giờ tôi vẫn không thay đổi ý kiến về giá trị giọng ca Thái Thanh. Có những ca sĩ mới sau này hoặc ca sĩ ở Việt Nam hát lại những bài nhạc Thái Thanh hát, nhưng không ai vượt qua được giọng ca vừa thanh cao, vừa trong trẻo, và đặc biệt là tình của Thái Thanh gửi vào lời ca. Tôi rất thích nghe Thái Thanh hát, và có tất cả những băng nhạc này.

LQM: Truyện *Nguyễn Mộng Giác* nhắc đến một số danh họa như Picasso, Modigliani. Ông có mê hội họa như nhà văn Doãn Quốc Sỹ không?

NMG: Tôi trưởng thành tại vùng nông thôn ở Liên Khu 5 trong thời kỳ kháng chiến. Chúng tôi sống và lớn lên trong thời trẻ đầy gian nan ảnh hưởng chiến tranh, cơ hội học hỏi tiếp cận hội họa không có, nên kiến thức căn bản để thưởng thức hội họa không được bao nhiêu. Sau Genève, qua vùng tiếp quản quốc gia học tiếp và đi dạy, cơ hội cũng ít. Ở Huế được tiếp cận với một số họa sĩ trẻ như Rừng, Đinh Cường, nên quen lặn với họa. Nhưng cái tình của tôi đối với hội họa không có gì quan trọng. Sau 75 trong giai đoạn cực khổ nhất của đời sống, tôi khám phá ra vai trò của hội họa của Đường Thi rất quan trọng. Những câu cổ động của thơ Đường, hoặc màu sắc là liều thuốc làm đời sống bớt gian khổ. Trong giai đoạn 75-82, hội họa và thơ Đường là hai món ăn tinh thần quý giá đối với tôi. Tất cả những kiến thức hiểu biết đều nhờ gian đoạn này. Vì vậy mới vẽ vài câu về hội họa trong truyện ngắn.

LQM: Khi trở Về Việt Nam, ông có thấy lại con chim Mía, một đặc sản của vùng Phú Phong, quê hương của nhân vật chính trong *Sông Côn Mùa Lũ* hay không? Xin ông cho biết cảm tưởng nếu nhìn lại được loài chim này?

NMG: Chim Mía là một đặc sản của vùng Phú Phong, Kiên Thành, quê hương của anh em Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, Nguyễn Nhạc. Muốn bắt nó, người ta giăng lưới theo những đám mía

và gây tiếng động, hàng loạt chim sẽ bay vào lưới. Mỗi con chim vừa đủ một miếng ăn, và rất ngon. Chuyển về Việt Nam năm 1999, tôi đến thăm Điện Tây Sơn và đã thấy lại chim Mía, nhưng không phải chim Mía sống, mà là chim Mía đang nằm trong đĩa nên cuộc tái ngộ hơi bi đát!

LQM: Xin cảm ơn nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Ngọn cỏ khô trên thung lũng mùa Xuân

Nhà người bạn chàng ở khu ngoại ô có cái tên thật thơ mộng: *Thung Lũng Mùa Xuân*. Nhưng chàng đến thành phố đại học này vào cuối mùa đông, hai hôm trước đó lại có một trận bão tuyết làm đổ nhiều cây cối và cột điện, đường sá trơn trượt dơ bẩn vì nắng sớm mùa xuân bắt đầu làm những tảng băng hai bên vệ đường tan đi, khu thung lũng còn giữ nguyên vẻ héo úa tang tóc. Những cây phong còn trơ cành khẳng khiu. Các ngôi nhà cổ xây dọc theo sườn đồi có tường gạch nâu trông ảm đạm hơn dưới ánh sáng vàng vọt của một thứ mặt trời lẠc lỔng.

Người bạn dắt chàng vào nhà theo lối sau, vừa đi vừa nhắc:

- Anh cẩn thận kẻo ngã. Cửa trước bằng còn đóng đầy nên khó mở lắm. Anh coi chừng, đừng bước lên chỗ bằng chưa tan.

Rồi như sợ phật lòng người khách xa, bạn chàng biện hộ giùm cho thời tiết:

- Chẳng hiểu sao năm nay kỳ cục vậy. Đáng lý mọi năm đến độ này thì rừng phong phải bắt đầu nhú lá. Đã vậy lại thêm trận bão tuyết bất ngờ. Báo hại điện bị cúp suốt hai hôm nay, không biết trong nhà đã có điện chưa. Anh vịn lên thanh gỗ mà đi cho chắc. Đã rải không biết bao nhiêu là muối mới được như thế đấy!

Trong nhà, chưa có điện. Chàng bắt đầu run cầm cập. Anh bạn đem cái xách nhỏ của chàng cất vào góc phòng khách, rồi hỏi:- Tôi đun tí nước sôi pha cà phê uống cho ấm nhé!

Chàng không muốn bạn thấy mình yếu đuối, nên cố dẫn cơn run đáp:

- Vâng, tùy ý anh.

- Lúc xuống phi trường, anh tìm ra xe về đây dễ không?

- Nhờ anh dặn kỹ nên tôi chỉ việc đến chỗ giao hành lý và hỏi cô thư ký hãng xe chở khách về New Haven.

- Đêm qua anh ngủ được chứ?

- Vâng, được. Ban đầu còn rán xem xi-nê, nhưng sau ngủ thiếp lúc nào không biết. Lúc tai lũng bùng và có tiếng lao xao bảo chỗ kia là tượng Nữ Thần Tự Do, tôi mới choàng thức dậy. Hóa ra đã đến phi trường New York rồi.

Người bạn bật mãi mà diêm ảm không chịu cháy để thắp cái bếp gaz. Mảng tóc ướt phủ cả lên trán, cái gương cạnh gong nhựa nâu tụt xuống tận chóp mũi. Chàng bắt đầu áy náy đã làm phiền người bạn, nên hỏi:

- Chắc chị và các cháu đi làm cả!

- Vâng. Hai cháu gái đầu đi học xa, còn cháu trai út thì học luật tại đây. Nó nội trú, thứ bảy, chủ nhật mới về. Nhà tôi thì làm chỗ thư viện anh sắp xuống.

Đáp xong, người bạn tiếp tục bật cái diêm quẹt thứ năm, lần này lửa cháy. Bạn chàng vừa thắp cái lò gaz vừa pha trà:

- Tụi mình già hết rồi. "*Lửa lòng đã tắt duyên trần dứt*", nên bật mãi không ra chút tia nóng để pha tách cà phê. Đáng về vườn hết!

- Không đâu! Trông cái cảnh anh đơn thương độc mã mà làm được tờ tạp chí nghiên cứu như vậy, đủ biết lòng anh còn hồi hồi bốc lửa.

- Ôi, chỉ là thứ loé sáng trước khi tắt lịm đấy thôi. Anh nói tôi thêm thẹn!

Tuy khiêm nhượng như vậy nhưng lúc uống cà phê bạn chàng lại say mê nói về nội dung số báo sắp ra. Bao nhiêu người đã gửi bài, bài nào đã dịch xong qua Anh văn, họa sĩ nào đã tự động gửi tranh tới để làm phụ bản. Bạn chàng còn lên tận phòng ngủ lục tẩm check một độc giả bên Âu châu vừa gửi qua để đặt mua báo năm.

Rồi phải tới lúc người bạn thấy phải dừng lại để dành chỗ cho khách. Bạn chàng hỏi công việc chàng định làm ở đây.

Chàng hỏi lại:

- Tôi nghe đại học này vừa mua lại được trọn tủ sách gia đình của bác sĩ Huard, phải không?

- Đúng đây! Khá nhiều sách hay. Hầu hết đều là sách về văn hóa Việt Nam. Tôi lu bu cho tờ báo, nên chưa qua bên thư viện để xem cho hết được! Anh uống cà phê kéo nguội mát. Chưa đủ ngọt thì lấy thêm đường ở cái lọ kia. Bên này tụi tôi uống không đường đã quen, nên quen bằng thói quen uống cà phê có đường hồi ở Việt Nam.

- Anh chị qua đây từ năm nào?

- Tôi, năm 1949. Nhà tôi năm 1953. Anh có thấy tôi nói tiếng Việt ngập ngừng quá không?

- Trờì! Anh mà quên tiếng Việt thì làm sao dịch được truyện Kiều hay như vậy!

Chàng thấy ánh mắt bạn chàng sáng lên ánh vui, khuôn mặt trở nên trẻ trung hẳn đi. Bạn chàng định nói gì đó nhưng cuối cùng lại thôi. Về bối rối thật hồn nhiên nơi một người đàn ông sống tha hương trên ba mươi năm, trôi qua nhiều thăng trầm và cô độc, đối với chàng, giống y như hình ảnh "*một đóa hoa hạnh nở ngoài tường*" trong bài tổng luận truyện Kiều của Chu Mạnh Trinh. Bạn chàng nhìn quanh quất tìm kiếm thứ gì, rồi hỏi chàng:

- Anh định ngủ cho lại sức, hay xuống phố chơi với tôi?

Chàng do dự chưa biết trả lời thế nào. Xuống phố, chàng thích lắm, vì đây là lần đầu tiên chàng đến một thành phố miền Đông nước Mỹ. Nhưng lúc đón chàng ở bến xe, bạn chàng có xuýt xoa xin lỗi đến trễ vì công việc ở sở quá nhiều, xếp đặt xong chạy ra bến xe buýt thì đã trễ mất chuyến thứ ba, phải chờ nửa giờ sau mới có chuyến tiếp. Chàng thành thực đáp:

- Tôi không thấy buồn ngủ. Còn dạo phố thì làm sao anh giải quyết công việc ở sở. Thư viện có gần chỗ anh làm không?

- Gần thôi. Nhưng anh hỏi làm gì?

- Vì tôi muốn xem thư viện ở đây trước. Buổi chiều tan sở, anh ghé lại thư viện đón tôi, rồi đi lăng quăng cũng không muộn.

Bạn chàng thấy tiện lợi, nên đồng ý không chút khách sáo. Nhưng bạn chàng bảo trước:

- Anh lạ, phải có tôi giới thiệu làm thẻ tạm họ mới cho phép lên kho lục sách. Được, bây giờ tôi dẫn anh xuống thư viện.

Rồi bạn chàng lên phòng khách mang xuống một lô tiền đồng 25 xu và 10 xu, đưa cho chàng, ân cần bảo:

- Anh thủ sẵn nắm tiền này, để cần photocopy thứ gì. Buổi trưa đói có thể ăn ngay trong căn-tin thư viện, ở tầng dưới.

Khác với cách kiến trúc tân thời theo hình kỷ hà của các công ốc miền Nam Cali, thư viện đại học này là một tòa nhà cổ thoát trông giống giống như một ngôi nhà thờ. Cửa vào xây bằng đá, thấp và hẹp. Tiền sảnh dài hun hút vòm cung theo kiểu gothic giống y tòa giảng của thánh đường. Bác người Mỹ già ngồi ở bàn tiếp tân vui vẻ chào bạn chàng rồi tiếp tục kiểm soát số sách sinh viên đem trả. Thủ tục phải làm để được lên tận kho tìm tài liệu, đối với những người không phải là sinh viên hoặc giáo sư dạy trong trường như chàng, là phải điền một mẫu đơn, có chữ ký và địa chỉ người bảo lãnh, rồi đứng trước một máy ảnh tự động để nhân viên thư viện chụp hình lưu hồ sơ. Bạn chàng chỉ chỗ thang máy và phòng lưu trữ thư mục sách báo

Đông Nam Á ở tầng 3, phòng số 307. Muốn vào tận kho thì rẽ hành lang phía tay trái, leo lên một cái thang gỗ nhỏ để đến tầng kho thứ nhì.

Chàng phải ghi hết lên tấm giấy nhỏ cho bạn chàng yên lòng ra về, ghi cả bản đồ đường đi từ thư viện đến sở bạn chàng, hoặc từ thư viện ra bến xe buýt gần nhất, "để phòng trường hợp hai người tìm nhau mà không gặp nhau". Thấy chàng cười, bạn chàng nói:

- Biết đâu đấy! Tuy thế nào tôi cũng đến đón anh đúng 5 giờ rưỡi chiều, nhưng phải liệu trước trường hợp bất khả kháng. Ở đời thiếu gì trường hợp tìm nhau mãi mà không thể gặp được nhau!

Chàng gật gù cho bạn vui lòng, nhưng không tin như vậy. Chàng tin rằng hề tìm là phải gặp. Chỉ sợ ta bỏ cuộc nửa chừng vì nỗi ngờ mình ngờ người, còn nếu quyết tâm đi cho đến tận cùng phải có ngày ta gặp được cái ta tìm.

Nhiều người bạn đã từng mỉm cười thương hại, tuy không nói thẳng ra, nhưng chàng hiểu họ nghĩ chàng lắm cảm. Họ nghĩ cái đích cho bao nhiêu lo lắng, khổ nhọc của chàng thật chẳng giống ai, không hợp lý mà cũng không hợp tình. Cuộc sống trước mắt thì sống động phong phú, biến cố này chập chùng biến cố nọ, muốn sống cho trọn đã không đủ thì giờ thì công đâu đi lục đống sách cũ để so bản A với bản B, tìm xem chữ này khác chữ kia ở bộ thảo đầu là có nghĩa gì, ý người xưa muốn nói sao! Bay ngang qua lục địa mênh mông của nước Mỹ để tìm cho ra cách đọc hai chữ nôm bí hiểm. Trời đất hỡi, nếu không chút lòng bao dung thương hại có lẽ người bạn già của chàng đã không sót sáng đến như vậy!

Chàng theo đúng chỉ dẫn của bạn, lên phòng số 307. Trong phòng, chỉ có một người Á Đông và căn cứ theo cuốn tạp chí tiếng Anh bà đang cầm cúi chăm chú đọc, lâu lâu dừng lại ghi chép, chàng đoán bà ta người Phi Luật Tân.

Chàng gật đầu chào, nhưng người đàn bà dường như bị cận thị nặng, hoặc đang chìm đắm trong suy tưởng, không mỉm cười chào lại. Lại thêm một bạn đồng hành trên con đường đi tìm. Chàng nghĩ vậy, nên lòng thấy vui. Trên quầy tạp chí tiếng Việt đặt gần cửa sổ, những tờ báo đến từ mọi hướng: Pháp, Tây Đức, Canada, trại ty nạn Nhật, Hà Nội, một số các trường đại học trong vùng, vài tờ báo biểu ở miền Nam Cali. Nằm riêng một chỗ trang trọng ngay tầm mắt là hai cuốn tạp chí nghiên cứu Việt học của bạn chàng. Chàng đoán sẽ dĩ hai cuốn tạp chí đó nằm được ở chỗ "đặc địa" nhất, không phải do lòng ưu ái của cô nhân viên thư viện, mà do chính bàn tay của bạn chàng.

Bao nhiêu người đã chạm tay đến hai cuốn tạp chí này? Chàng là người thứ mấy?

Có thể là người thứ nhì (sau bạn chàng), vì khi lên tận kho để lục lại số sách quý của bác sĩ Huard, chàng thấy phiếu mượn sách dán ở bìa sau mọi cuốn vẫn còn trắng tinh.

Chàng lục tìm những sách viết về chữ nôm. Bộ *An Nam Dịch Ngữ* chàng muốn kiểm để kiểm chứng lại lối giải thích táo bạo của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, không thấy có ở đây! Có lẽ ở nơi khác, trong tầng kho mênh mông chứa không biết bao nhiêu sách vở quý giá của khắp các nước Đông Nam Á. Chàng tìm những cuốn khảo cứu chữ nôm khác. Một cuốn của Đào Duy Anh. Bộ *Nguyễn Trãi Toàn Tập*. Cuốn phiên âm và chú giải của Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Điềm về *Quốc Âm Thi Tập*... Một bài báo của Đoàn Khách... Chàng lật xem qua một lượt, cuối cùng rút cuốn *Chữ Nôm, Nguồn Gốc Cấu Tạo và Diễn Biến* của Đào Duy Anh ra khỏi kệ, đến gần cái bàn gỗ gần cầu thang để xem kỹ hơn. Chàng hy vọng chính chàng là người đầu tiên đến đây để mở cuốn sách này từ khi phu nhân bác sĩ Huard thuận bán tủ sách quý giá của người chồng quá cố cho đại học Yale.

Chàng đã làm! Trên tấm phiếu mượn, đã có tên một người đến trước. Dòng viết bic nguệch ngoạc trên tấm phiếu: *March 12/84, Jacqueline Nguyen*.

Bạn chàng vỗ vập hỏi:

- Thế nào? Có tìm được gì không?

Chàng hỏi lại:

- Hình như ở đại học này ngoài anh ra, còn có một người nữa hết sức chăm chú đến Việt học. Bạn chàng trở mắt nhìn chàng, không tin ở tai mình. Giọng trả lời của bạn chàng pha lẫn hãnh diện và chua chát:

- Anh nói đùa! Nếu có một người thứ hai, tôi đã không vất vả với tờ tạp chí như anh đã thấy. Ông giáo sư trưởng ban nghiên cứu Đông Nam á rất ủng hộ việc tôi làm, nhưng ông ấy là giáo sư sử học, lại chuyên về Mã Lai. Một số người khác chú ý về Việt Nam, nhưng chú ý về cái phần đất nước chúng ta liên quan đến Mỹ, tức là chiến tranh Việt Nam. Một số nhỏ phản chiến vỡ mộng xem Việt Nam là một kỷ niệm buồn, không thêm lưu ý tới nữa. Tôi như người “*vớt hương dưới đất, hái hoa cuối mùa*”, cô đọc một mình, anh không biết sao?

Chàng ngần ngừ một lúc mới hỏi:

- Vậy anh có biết có cô sinh viên Việt Nam nào đang nghiên cứu văn chương Việt Nam tại đây không?

Bạn chàng quả quyết:

- Chắc chắn là không. Nếu có, ông Scott đã biết.

Xe buýt đã đến. Bạn chàng nhường cho chàng bước lên trước, sau khi cẩn thận dúi vào tay chàng mấy đồng xu tiền xe để bỏ vào hộp. Hầu hết người đi xe buýt là phụ nữ, người nào cũng quần phu-la kín cổ và khuôn mặt hơi tái vì lạnh. Khi đã tìm được chỗ ngồi gần cuối xe, chàng mới hỏi bạn:

- Tôi đọc trên phiếu mượn sách nghiên cứu chữ nôm của cụ Đào, có tên Jacqueline Nguyễn. Ngày mượn là 12/ 3. Cách đây không đầy một tuần. Anh không biết cô ấy ư?

Bạn chàng láu lỉnh nhìn chàng hỏi:

- Anh quen cô này à?

- Không.

- Thế sao anh biết Jacqueline Nguyễn là cô?

- Cứ tưởng tượng người ta chưa chồng cho nó vui. Bà ta có chồng rồi sao?

Bạn chàng phá lên cười, làm cho những người đi xe buýt quay lại ngạc nhiên. Bạn chàng vỗ vai chàng đáp:

- Tôi có biết người đó là ai đâu! Chắc là dân mới đến đây chơi như anh. Vì nếu ở đây lâu, thế nào tôi cũng biết. Nếu tôi không biết, nhà tôi phải biết. Người Việt ở đây chỉ một nhóm, chúng tôi lại là dân kỳ cựu nhất, nên không muốn cũng hóa thành “thổ công”.

Về tới nhà, chờ cho chàng hỏi hết những câu xã giao cần thiết để làm vui lòng bà chủ nhà, bạn chàng mới hỏi vợ :

- Em làm ở thư viện, có biết cô nào tên Jacqueline Nguyễn không?

Vợ chàng đáp:

- Không. Có lẽ cô ấy ở Pháp qua tìm tài liệu cũng chưa biết chừng.

- Sao em biết?

- Thì cứ nhìn cái tên Jacqueline cũng đủ rõ.

Bạn chàng vỗ trán bảo vợ :

- Ờ nhỉ! Nhưng ở Pháp thiếu gì tài liệu văn hóa Việt Nam mà phải lặn lội qua tận đây?

- Sao anh biết cô ấy qua đây tìm tài liệu văn hóa Việt Nam? Biết đâu cô ấy đang học sử, và viết luận án về thời kỳ 1955-1975.

Bạn chàng đành ngồi im, ánh mắt háp háp thật ngây thơ sau đôi kính cận dày. Vợ bạn chàng thật nhạy, mới nghe qua câu chuyện đã nắm bắt được nhiều điều rất có lý. Có lẽ “cô” ấy chỉ là khách lạ ở New Haven, có thể người khách lạ đầu tiên cặm cụi lục tìm tài liệu ở khu rừng sách báo nguyên sơ ở tầng lầu ba thư viện Yale như chàng.

Đêm đầu tiên ngủ ở nhà người bạn già, ở một thành phố cổ kính miền Đông, chàng có niềm hy vọng nho nhỏ, thật vu vơ hy vọng cái cô Jacqueline nào đó còn nấn ná ở lại đây, và còn đủ kiên nhẫn trèo lên tầng thứ ba thư viện Yale một lần nữa, cho chàng được biết mặt. Nhờ niềm n

nước bắt ngờ ấy, mặc dù sở điện lực New Haven chưa kịp nối lại đường dây điện dẫn vào nhà bạn chàng, máy sưởi không chạy được khiến căn phòng ngủ lạnh ngắt, chàng vẫn không cảm thấy nhớ tiếc cái nắng ấm của California.

Chàng không dám thú thực với hai vợ chồng bạn rằng sự siêng năng đến thư viện của chàng không đáng gì tới những thứ dao to búa lớn đại khái như “*lòng đam mê chân lý*”, “*trách nhiệm bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc*.” Không! Chàng thích chữ nôm từ hồi còn đi dạy, ban đầu thích như người khác thích nhậu, thích đánh cờ, thích lâu lâu ghé xóm chị em ta để tìm món mới, thích thịt chó, thích nhổ lông mũi... Thích rất khơi khơi, không mục đích gì!

Thế rồi đến lúc nào không biết, chàng trở thành một thứ chuyên viên “*có thẩm quyền*” về chữ nôm. Ờ, có dán thêm tí nhãn hiệu “*có thẩm quyền*” để lâu lâu được những vị khoa bảng hạ cố đến hỏi cái này, cái nọ, cũng không sao! Chàng cứ làm một thứ chuyên viên tài tử như vậy cả đời, giống y như kiểu các ông họa sĩ ngày chủ nhật ở Âu châu, giống y như Gauguin thời còn ngoan ngoãn làm anh thư ký kế toán sáu ngày trong tuần để thỏa thuê với hội họa một ngày còn lại.

Chàng bay qua tận đây để giải quyết cho được cách đọc hai chữ nôm 双日(*), đối với người ngoài, cũng lắm liệt chẳng khác gì Gauguin bỏ vợ bỏ job sống chết với màu sắc man dã. Nhưng với chàng, thật chân thành với mình, chàng biết công việc ấy vẫn chỉ là cái thú của ngày chủ nhật.

Chàng đến tầng ba của thư viện đúng giờ, về đúng giờ, và giữ được như vậy suốt ba ngày. Đến ngày thứ tư, chàng bắt đầu nản, nên buổi trưa thay vì xuống căn-tin nhét 4 đồng 25 xu vào máy, lấy cái hot dog, chàng lang thang ra phố tìm một quán ăn có đồ nóng. Một tiệm pizza. Ăn xong lại phát phơ một lúc ở vài khu phố cổ, ghé mua một tờ báo. Trở về thư viện, chàng đến học thề đề mục, rút phần Việt Nam tìm xem thử có bao nhiêu sách trên thế giới nói về đất nước mình. Ba giờ chiều, chàng trở lên tầng ba. Giở những sách của bác sĩ Huard liên quan đến chữ nôm, chàng rúng động cả người vì hồi tiếc: đằng sau tập photocopy bài nghiên cứu của Emile Gaspardone đăng trong *Journal Asiatique* năm 1953, trên tấm phiếu trắng tinh của thư viện đại học Yale, lại có tên người mượn Jacqueline Nguyễn. Ngày mượn đọc tại chỗ là 22-3-84. Đúng ngày hôm đó!

Chàng bỏ cả đồng sách đang tra cứu, chạy vội xuống chỗ thang máy. Chờ khá lâu, chưa thấy thang máy đến, chàng định xuống tầng dưới bằng cầu thang thường. Cửa thang máy mở. Chàng lại chạy ngược về. Cô sinh viên Mỹ từ tầng 5 xuống hốt hoảng hỏi chàng: “*What happens?*” Chạy xuống tới tiền sảnh, chàng dáo dác nhìn quanh để tìm cho ra người phụ nữ Á Đông có tên Jacqueline Nguyễn.

Đứng gần máy photocopy góc trái là một người đàn bà Á Đông có khuôn mặt đẹp phúc hậu quý phái, nhưng tuổi tác phải trên 50. Không thể là “nàng”. Để cho khỏi hồi tiếc về sau, chàng đến gần để xem thử bà ta đang photocopy thứ gì. Một cuốn sách dày đặc thứ chữ ngoằn ngoèo, hình như là Mã Lai hay Thái Lan, hay gì gì đấy. Chỗ học phiếu, một phụ nữ Á Đông khác, có đôi mắt nhô và xéch. Mắt nhô và xéch thì không thể mang họ Nguyễn. Ngoài ra, tìm khắp mọi nơi trong thư viện, chỉ toàn người da trắng.

Chàng thất vọng. Nhìn đồng hồ đã 5 giờ 15. Sinh viên Mỹ đã bắt đầu ra về, đứng xếp hàng chờ cái quầy gỗ để trả sách. Chàng nán nà chờ ở cửa ra vào cho đến lúc bác gác cửa đẩy ập cánh cửa nặng bằng gỗ sồi. Thế là hết!

Chàng buồn bã ra đường, rẽ phía tay trái để đến chỗ hẹn với bạn chàng. Lúc băng qua đường, chàng nghe có tiếng ai gọi ới ới sau lưng. Bác gác cửa thư viện! Lạ hơn nữa, hình như ông lão vẫy tay bảo chàng chờ.

Chàng nghĩ có thể mình quên trả tấm thẻ tạm nên đưa tay lên túi áo tìm kiếm. Bác gác cửa đến gần, hỏi chàng:

- Ông là người Việt Nam?

- Thừa vâng.
- Ông tên Tran? T.R.A.N.
- Dạ đúng. Xin lỗi tôi quên trả tấm thẻ.
- Không, lúc này, có một phụ nữ á Đông nhờ tôi nếu có người tên Tran (đến đây bác gác cửa lại đánh vần chữ TRAN theo giọng Mỹ) đến trả thẻ mượn sách thì trao lại giùm cô ấy tấm giấy này.
Chàng run run đưa tay cầm lấy tờ giấy trắng gấp tư, quên cả cảm ơn. Không thể dần được tờ mờ chàng đứng sang góc đường để nhường bước cho đám sinh viên trẻ đang đi tới, giờ tờ giấy ra đọc. "Người lạ" viết:

*Thầy,
Em qua đây tìm tài liệu để làm cho xong cái luận án sử, không ngờ trưa nay thấy thầy đang bước qua cửa thư viện ra đường. Em chạy theo đến góc phố thì không thấy thầy đâu nữa. Trở lại chỗ mượn sách hỏi mới biết đích xác là thầy, khổ nỗi em phải về Pháp ngay chiều nay. Thật tiếc. Mấy hôm trước lên kho sách Đông Nam Á tìm tài liệu, qua kệ sách khảo cứu chữ nôm, em lạng người. Bao nhiêu chuyện cũ lại về! Tự nhiên em nghĩ: Minh cứ thử ghi tên vào đây, biết đâu có ngày thầy tìm tới Yale, và nhất định thầy sẽ nhận ra nét chữ cô học trò giỏi Việt văn ngày trước. Câu hỏi em không dám biết lời đáp là : "Thầy có nhận ra nét chữ em không?" Bên dưới lá thư, không có tên tiếng Việt đầy đủ của người viết, ngoài hai chữ tắt J.N.*

Chàng xúc động hân hoan đến ngộp thở, tuy... tuy chịu thua không thể nhận ra nét chữ ấy là của cô học trò cũ nào, ở đâu. Nội chuyện đó không thôi cũng đủ chứng tỏ tuổi già của chàng đã đến rồi!

Làm sao được! Mặt trời đỏ ối của đông muộn sắp lặn phía sau mái ngói phủ đầy rêu của khu thư viện. Cỏ mùa đông còn héo khô, dù chàng ở trọ tại vùng có cái tên mỹ miều là *Thung Lũng Mùa Xuân*.

New Haven, 3 năm 1984

Những chặng đường của Tạp chí Văn Học Hoàng Khởi Phong

Gửi hương hồn Cao Xuân Huy và Nguyễn Mộng Giác

Khi tôi viết những dòng chữ này, thì ở Nam California gia đình và thân hữu của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đang tiến hành những nghi thức cuối, tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Trước đây gần hai năm cũng tại địa điểm này, cũng những thân hữu này, đã tiễn đưa nhà văn Cao Xuân Huy trong chuyến đi chót cùng của đời anh. Nguyễn Mộng Giác là chủ nhiệm kiêm chủ bút đầu tiên và Cao Xuân Huy là chủ nhiệm kiêm chủ bút cuối cùng của tạp chí Văn Học, một nguyệt san văn chương, xuất hiện ở hải ngoại từ năm 1985 cho tới 2008, khi Cao Xuân Huy lâm vào căn bệnh hiểm nghèo và không thể cáng đáng nổi việc điều hành tờ báo. Nói như thế có nghĩa là tờ Văn Học đã không còn hiện diện trong cõi đời này vài năm, trước khi những người chủ trương quan trọng nhất của tờ báo vĩnh viễn nằm xuống.

Để viết về Văn Học, tôi phải nhắc tới một tờ báo khác với một cái tên dài hơn là Văn Học Nghệ Thuật, và cũng phải nhắc tới căn nhà đầu tiên tôi mua vào năm 1983, trên đường Dapplegrey, thành phố Garden Grove. Đó là một căn nhà 4 phòng ngủ, và đằng sau có một cover patio rất

rộng. Khi mua căn nhà này gia đình tôi chỉ có hai bố con tôi và hai người cháu trai. Tôi không thể hình dung được nửa năm sau, vợ chồng con cái Cao Xuân Huy từ một thành phố ở phía Bắc Cali dọn xuống miền Nam.

Huy và tôi vốn là hai anh em họ “Hồng Bàng”, đã biết nhau từ khi Huy học trung học, và ngay cả sau này khi đã vào quân đội, Huy đã từng ăn dầm nằm dề ở nhà tôi. Năm 1971 ở Pleiku, Huy đi phụ rề với nhiệm vụ chụp hình cho đám cưới của tôi, nhưng rút cục tôi không có một tấm ảnh nào trong ngày cưới. Chẳng những thế tôi còn mất cả chiếc máy ảnh đi mượn, bởi vì anh còn mải uống rượu với những người bạn thân của anh và tôi từ Sài Gòn lên.

Do đó đầu năm 1984 khi anh dọn xuống Nam Cali, nhà tôi tất nhiên là nơi trú ngụ ban đầu cho vợ chồng con cái anh. Chỉ vài tháng sau khi Cao Xuân Huy đổ bộ từ phía Bắc xuống, tới phiên bố con Nguyễn Mộng Giác thiên đô từ Texas qua.

Tôi và Nguyễn Mộng Giác vốn là bạn văn từ những năm đầu thập niên 70, nên khi anh dọn qua Nam Cali, nhà tôi chính là nơi anh sẽ tạm trú trong lúc chân ướt chân ráo mới đến. Rút cục căn nhà đó có một thời gần giống như một trại tị nạn, với số người lớn nhỏ cả thảy 16 người, và được phân phối như sau: Hai bố con tôi một phòng, bố con Nguyễn Mộng Giác một phòng, vợ chồng Cao Xuân Huy một phòng, hai người cháu tôi một phòng. Còn tất cả những cậu con trai bị dồn hết vào trong cái patio được làm thành một phòng ngủ tập thể. Trong thời gian này điều phiền nhiễu nhất cho chúng tôi chính là chỗ đậu xe, bởi vì vỉa hè trước cửa nhà tôi nhiều lắm chỉ có thể chứa được bốn chiếc xe, kể cả driveway, trong khi những người trong nhà có tới bảy chiếc xe, đó là chưa kể tới khách khứa văn nghệ của Giác và tôi, cùng với khách nhà binh của Cao Xuân Huy nườm nượp ra vào. Nhất là những dịp cuối tuần, chúng tôi làm phiên hai bên hàng xóm hầu như suốt từ chiều Thứ Sáu cho tới khuya Chủ Nhật. Thời gian này Cao Xuân Huy chưa chính thức viết, tuy nhiên anh đang ngấm ngấm viết những dòng đầu của cuốn hồi ký làm nên tên tuổi nhà văn Cao Xuân Huy sau này, đó là cuốn “Tháng Ba Gãy Súng”.

Tháng Ba năm 1985, nhà văn Nguyễn Bá Trạc từ San Jose xuống thăm chúng tôi, anh mang xuống miền Nam một không khí sôi nổi như con người anh. Trong lúc ngồi quán cà phê với tôi và Nguyễn Mộng Giác, cùng quan sát cộng đồng biểu tình với rừng cờ quạt biểu ngữ, Nguyễn Bá Trạc nói với chúng tôi có lẽ bọn mình nên làm một cái gì đó, một tờ báo chẳng hạn. Nguyễn Bá Trạc đã từng một mình chủ trương tờ Thời Luận ở trên San Jose, đây là tờ báo sớm nhất trong vùng Bắc Cali từ năm 79, nhưng không thể trụ nổi vì thời gian đó việc buôn bán của người Việt trên San Jose chưa mấy phát đạt, mà tờ Thời Luận là một tờ báo tựa vào quảng cáo nên không thể tồn tại. Do đó tôi trả lời Nguyễn Bá Trạc là tôi không mặn vụ làm báo quảng cáo. Tối đó tại nhà tôi ngoài các gia chủ Nguyễn Mộng Giác, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong còn có thêm Nguyễn Bá Trạc cùng hai thân hữu nữa, chúng tôi bàn thảo về một tờ báo văn học thuần túy.

Sau khi Nguyễn Bá Trạc quay trở lại San Jose, Nguyễn Mộng Giác và tôi càng ngày càng nung nấu ý nghĩ về tờ báo thuần túy văn học này. Trước đó hai năm tờ báo văn chương thuần túy là tờ Văn Học Nghệ Thuật do hai nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều chủ trương sống lây lất chưa đầy mười số thì phải đình bản, và hiện nay trên thị trường chữ nghĩa của người Việt hải ngoại còn duy nhất một tờ Văn, do nhà văn Mai Thảo chủ trương.

Lần họp thứ hai cũng ở nhà tôi, có nhiều anh em văn nghệ hơn, nhưng tựu trung có hai ý kiến: Một là tìm cách quy tụ hết tất cả những cây viết thành danh, bày hàng tất cả những người hiện đang sống bên ngoài đất nước trên trang bìa tờ báo. Ý kiến thứ hai dường như thiếu số tuyệt đối, vì chỉ có mình tôi cho là không cần các tên tuổi lớn, chỉ cần trong vài số đầu chứng tỏ cho

độc giả thấy đây là một tờ báo văn học thuần túy. Ban đầu với những cây viết mới có thể không gây được tiếng vang, nhưng đó là tờ báo, mà những người chủ trương trân trọng từng bài thơ, từng mẩu chuyện. Tôi chủ trương tin vào chính mình, viết cho tới khi không sớm thì muộn độc giả cũng mở vòng tay đón nhận tờ báo.

Rút cục tờ báo xuất hiện với sự tham dự của khá nhiều cây bút đã thành danh ở trong nước. Với sự hiện diện của nhà văn Võ Phiến ở vị trí chủ nhiệm, tờ báo là sự tiếp nối, hay khác đi là sự tục bản tờ Văn Học Nghệ Thuật, và hầu như tất cả mọi thành viên đều cho là với cái tên này, ít nhất tờ báo không mang vẻ cạnh tranh với tờ Văn của nhà văn Mai Thảo. Vị trí chủ bút do nhà văn Lê Tất Điều đảm nhiệm, và Nguyễn Mộng Giác là tổng thư ký. Đó là bộ ba thực sự điều hành tờ báo, phần tôi là chủ nhiệm trên phương diện pháp lý, nghĩa là có bốn phần hàng năm khai thuế. Ngoài ra nhà văn Nhật Tiến tuy không giữ một chức vụ nào, nhưng nhà anh là nơi mỗi tháng nhóm chủ trương họp một lần, ăn với nhau một bữa cơm, nhận báo mới, và đồng thời chọn chủ đề, phân chia bài vở cho số sắp tới. Sở dĩ chọn nhà anh Nhật Tiến vì ông chủ nhiệm Võ Phiến ở hướng Bắc tại Los Angeles, chủ bút Lê Tất Điều ở phía Nam tại San Diego, nhà tôi thì đang là trại tị nạn, và nhất là chị Phương Khanh với các cháu gái con anh chị Nhật Tiến sẽ đãi nhóm chủ trương một bữa ăn đích đáng.

Chỉ sau vài số báo, Văn Học Nghệ Thuật được các cây bút hải ngoại tới tấp gửi bài tham dự, cũng như sự trợ giúp tài chánh của những người coi văn chương như là một ăn tinh thần. Khoa học gia Trương Vũ, là một thí dụ điển hình. Trương Vũ là người của khoa học, ông làm việc tại NASA, nhưng đã có những đóng góp đáng kể cho văn học Việt Nam ở hải ngoại. Năm 1995, hai mươi năm sau khi chiến tranh tàn, nhà xuất bản Cub Stone ở tiểu bang Massachusetts dự định ấn hành một tuyển tập văn học về hậu chiến Việt Nam, quy tụ nhà văn của Việt Nam ở trong nước và nhà văn Mỹ. Chính nhờ sự đóng góp của Trương Vũ trong thành phần chủ biên, khi tuyển tập "The Other Side of Haven" ra đời, nó có thêm tiếng nói của tám cây bút Việt Nam ở hải ngoại, cùng xuất hiện với mười hai cây bút Việt Nam ở trong nước và mười tám cây bút Hoa Kỳ. Nói tóm lại sau khi chiến tranh tàn được hai chục năm, đây là một tác phẩm quy tụ nhà văn của ba phe tham chiến, đã từng tận lực bắn giết nhau ngoài mặt trận. Không riêng gì Văn Học nhận được sự trợ giúp hết lòng của Trương Vũ, sau này khi tờ Hợp Lưu ra đời, anh cũng là một người lúc nào cũng mở hầu bao cứu cấp, mỗi khi hai tờ Văn Học và Hợp Lưu gặp phải những cơn khủng hoảng tài chánh.

Tròn một tuổi do những hoàn cảnh cá nhân, lại xa xôi cách trở nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều rút ra khỏi ban chủ biên, tờ Văn Học Nghệ Thuật đối diện với lần lột xác đầu tiên, trở về với cái tên dự định ban đầu là Văn Học. Trong lần cải tổ này Nguyễn Mộng Giác ở vị trí chủ nhiệm kiêm chủ bút, tôi đảm nhiệm phần vụ cũ của Nguyễn Mộng Giác, nghĩa là tổng thư ký cho tờ báo.

Về công việc thì Nguyễn Mộng Giác vẫn gánh vác nhiều hơn cả, vì anh đang "viết thuê" cho một tờ báo chuyên về quảng cáo, nên có nhiều điều kiện lo cho tờ Văn Học hơn tôi. Thời gian này tôi vẫn là một người làm thợ tiện ca ba, nghĩa là đi làm từ 11 giờ đêm tới 6 giờ sáng, mỗi khi về tới nhà tôi lăn quay ra ngủ tới một, hai giờ chiều mới trở dậy, đi lấy thư với hy vọng có thêm nhiều độc giả dài hạn, có thêm tiền để lo trả nợ nhà in, mua thêm tem để gửi báo. Và rồi mỗi tháng một, đôi lần tôi và Cao Xuân Huy ôm một đồng báo ra bưu điện. Tôi cũng có nhiệm vụ trả lời thư tín của thân hữu và bạn đọc.

Riêng về Cao Xuân Huy, anh không còn là một người lính thuần túy như trước kia, lòng tiếc thương đồng đội cũ, càng ngày càng chìm anh lún sâu vào con đường chữ nghĩa. Đêm đêm khi tôi lên đường kiếm ăn trong xưởng tiện, thì ánh đèn trong phòng riêng của vợ chồng, con cái

anh vẫn còn le lói, và tôi biết anh đang ráo riết hoàn thành những trang cuối của cuốn hồi ký viết về sự sụp đổ của miền Trung và nỗi uất hận của những người lính một đời thiện chiến, giờ đây ngỡ ngác trước những mệnh lệnh chết người.

Năm 1987, để sửa soạn đón gia đình qua đoàn tụ, Nguyễn Mộng Giác thuê một căn chung cư ở Tustin. Anh cũng đón ông Võ Thắng Tiết từ Alaska về chung sống. Tường cũng nên nhắc lại ông Võ Thắng Tiết chính là tu sĩ Từ Mẫn, giám đốc nhà xuất bản Lá Bối trước kia. Sau năm 75 dù không muốn ông cũng phải trở về đời sống bình thường. Năm 1980 ông vượt biên cùng chuyến tàu với gia đình nhà văn Nhật Tiến. Khi đến Mỹ ông chọn nghề làm cua ở Alaska trong ba, bốn năm liền, rồi tích lũy vốn liếng trở về Cali dựng nhà xuất bản Văn Nghệ. Giờ đây sau hơn ba chục năm sống rải rác khắp năm châu, giả như người Việt có một dòng văn học Việt Nam ở hải ngoại, thì phải nói ông Võ Thắng Tiết là một trong những người có công đầu. Bởi lẽ nếu không có bộ phóng của nhà xuất bản Văn Nghệ, thì có thể giờ đây rất nhiều tác giả ở hải ngoại vẫn còn chìm trong bóng tối. Gần hai chục năm sau khi hoàn cảnh buộc phải ngưng hoạt động, nhà xuất bản Văn Nghệ còn tồn tại một kho sách, với mấy trăm đầu sách văn chương và biên khảo. Ông Võ Thắng Tiết cũng xuất bản những cuốn sách vì nhu cầu giải trí, thị hiếu của độc giả, và đồng thời cũng là một nguồn thu không nhỏ để nuôi sống những cuốn sách văn học. Nhưng những đầu sách này được in dưới nhãn của nhà xuất bản Đồng Văn, không phải Văn Nghệ.

Năm 1988 vợ và con gái út của Nguyễn Mộng Giác được đoàn tụ, để được toàn tâm toàn trí lo cho gia đình sum họp, Nguyễn Mộng Giác có ý định rút lui ra khỏi ban chủ biên. Đây là một biến cố lớn của tờ Văn Học, đến độ Trương Vũ từ DC phải đích thân bay về Cali, với ý định thuyết phục Nguyễn Mộng Giác vẫn để tên trong ban chủ biên, còn công việc điều hành thật sự do Cao Xuân Huy và tôi sẽ làm thay. Nhưng anh Giác quyết liệt rút ra, và đề nghị tôi thay thế cho anh Giác. Ban đầu tôi định từ chối, vì nghĩ mình không đủ uy tín. Mặc dù trước đó không lâu cuốn hồi ký “Ngày N+...” của tôi đã gây được một tiếng vang đáng kể trong giới cầm bút, và trước đó một năm cuốn hồi ký “Tháng Ba Gãy Súng” của Cao Xuân Huy được coi như là một hiện tượng của văn học hải ngoại.

Ngoài ra tôi chưa kể tới những trói buộc về sinh kế cho bản thân tôi cùng con và hai người cháu đang ăn học ở Mỹ, đồng thời vẫn phải yểm trợ tài chánh cho toàn bộ gia đình ở quê nhà. Thời điểm đó sau khi đổi tên và thành phần chủ biên Văn Học đã đứng vững được ba năm, với gần bốn chục số báo và ý kiến của Cao Xuân Huy cũng như Trương Vũ là phải duy trì tờ Văn Học bằng mọi giá, mà nhân sự thì chỉ còn hai người có thể cáng đáng là Cao Xuân Huy và tôi. Cuối năm 1988, nếu tôi nhớ không lầm thì Văn Học số 38, thành phần chủ biên giờ đây sẽ gồm: Hoàng Khởi Phong chủ nhiệm kiêm chủ bút, Cao Xuân Huy tổng thư ký, họa sĩ Khánh Trường lo phần trình bày. Nguyễn Mộng Giác, Trương Vũ và Nhật Tiến trong thành phần cố vấn.

Nhìn chung thì ba người trong ban chủ biên giờ đây đều là cựu quân nhân của QLVNCH, mà trong đó Cao Xuân Huy là sĩ quan TQLC, Khánh Trường thuộc binh chủng Nhảy Dù và đã từng ở trong Đại Đội của Phan Nhật Nam là ĐĐT, và tất nhiên cả ba người “lính tầy” chúng tôi không hề có ý định làm một tờ báo mà nội dung cũng như hình thức, quá nghiêm chỉnh và quý phái như hai vị tiền nhiệm vốn là nhà giáo. Ngay trong số đầu trách nhiệm, tôi cho đăng tải truyện ngắn “Pháo đài trên sông Zyangty” của nhà văn Trần Vũ, một cây bút mới thành danh cư ngụ ở Pháp. Nội dung truyện ngắn này quả là một trái bom, vì nó chứa đựng những pha làm tình của hai chị em ruột, sau khi vượt biên mà người chị vì muốn cứu mạng người em, đã bị dày vò, vùi dập bởi hàng chục tên hải tặc.

Số kế đó Văn Học đăng tải truyện ngắn “Có yêu em không” của Khánh Trường. Nội dung của truyện ngắn này còn bạo liệt hơn cả truyện Trần Vũ, khi một người lính mang xác đồng đội về

nhà, trong lúc gia đình lo tang lễ và quàn xác người chết ở dưới, thì trên gác xếp người lính đã làm tình với em gái của người quá cố. Sau hai truyện ngắn này dư luận của giới văn nghệ rộn hân lên. Bản thân tôi khi chọn đăng tải hai truyện ngắn này không phải vì mối quan hệ đặc biệt với hai tác giả, mà vì đó là hai truyện ngắn hay, và tôi vốn không coi tình dục là một cấm kỵ trong văn chương.

Sau hai truyện ngắn này Nguyễn Mộng Giác mời tôi và Cao Xuân Huy đi uống cà phê, anh cũng cảnh báo chúng tôi là muốn thay đổi nội dung và hình thức tờ Văn Học thì nên từ từ, không thể gấp gáp quá e rằng sẽ gặp những phản ứng ngược từ chính những nhà văn đang cộng tác. Trong lần gặp gỡ này tôi đã dấu Nguyễn Mộng Giác vài lá thư của các văn hữu kết án nặng nề nhóm chủ biên mới. Trong phần thư tín với các văn hữu, tôi đã trả lời thẳng thừng về việc không viết tắt những chữ vốn được coi là kỵ húy trong văn chương Việt Nam. Tôi nghĩ rằng văn chương dù có ngôn ngữ riêng, nó cũng phải phần nào dung chứa ngôn ngữ đời thường, vả lại người đọc khi đọc đến những chữ viết tắt đó, ai cũng biết nghĩa đích thực của nó, thì không vì một lý do nào phải viết tắt. Tất nhiên khi quyết định đăng tải những đoạn văn này, tôi cũng đã cố gọt bớt những chữ quá thô tục, nhưng dứt khoát Văn Học không viết tắt bất cứ một chữ nào.

Để không khí nhẹ đi phần nào, hai số kế tiếp Văn Học giới thiệu những cây bút trẻ mới xuất hiện trên vòm trời chữ nghĩa và đang sinh sống ở Pháp và ở Úc, tiếc là ở Canada trong thời điểm đó không quy tụ nổi các cây bút trẻ xuất hiện đủ cho một số báo, nên không thể làm một số riêng biệt cho vùng đất này.

Cũng trong thời gian này ở trong nước, ông Nguyễn Văn Linh tuyên bố mở cửa về kinh tế và cởi trói cho văn nghệ, đã làm thay đổi bộ mặt thiếu sinh động của văn học trong nước, chuyên về minh họa. Chỉ trong một thời gian ngắn văn học trong nước trúng mùa bội thu, trên khắp các cánh đồng. Ở bất cứ bộ môn nào cũng có những thành tựu với các tác phẩm không còn viết theo chiều hướng cũ. Đã có những tác giả ở trong nước quay lưng lại với loại văn chương minh họa đã ngự trị suốt nửa thế kỷ trên những tờ báo chuyên về văn học ở trong nước. Văn Học là tờ báo đầu tiên ở hải ngoại đã lên tiếng cổ vũ cho những tác phẩm này, và sử dụng cụm từ “văn chương phản kháng” đối với các tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ đích thực trong giai đoạn này. Từ số 45 cho tới số 48, Văn Học đăng tải rải rác một số truyện ngắn và thơ được sáng tác trong buổi phôi thai, ngay khi lời tuyên bố của ông Nguyễn Văn Linh vừa ráo miệng, để sửa soạn cho số 49 và 50 là hai số chuyên đề về “văn chương phản kháng” ở trong nước. Hai số báo đó vô hình trung là mục tiêu đánh phá Văn Học, của những tờ báo coi hiện tượng này chỉ là phản kháng giả, hay là một đòn đánh phủ đầu của nhà nước đối với giới cầm bút cả trong cũng như ngoài nước. Tuy Văn Học không chính thức trả lời những bài viết đầy ngôn ngữ quy chụp, nhưng một số tác giả khác không phải trong nhóm chủ trương đã gửi về Văn Học những bài viết giá trị nhận định về hiện tượng này, như là một hình thức gián tiếp trả lời cho những công kích đầy ác ý. Và nếu đúng là chế độ ra đòn như thế, thì quả thật những người cầm bút ở hải ngoại đã trúng đòn, vì cuộc tranh cãi ban đầu ngôn ngữ còn chừng mực, nhưng càng về sau càng tệ hại, đến độ giữa một số anh em cầm bút, đã có thời giao tình với nhau, sau hai số báo này đã không thể hàn gắn được, không thể ngồi chung với nhau trong bất cứ một cuốn sách nào.

Ngoài Văn Học là tạp chí văn chương chính thức công nhận hiện tượng văn chương phản kháng ở trong nước, một số các cây bút độc lập ở rải rác khắp nơi quy tụ lại thành lập nhà xuất bản Lê Trần, mà tác phẩm duy nhất: “Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương” đã quy tụ được 27 nhà văn ở hải ngoại, viết về hiện tượng này, và đồng thời trích đăng tác phẩm của 69 nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia và kịch bản điện ảnh mà tác phẩm của họ gây xôn xao trong nước trong giai đoạn đầu cởi trói cho văn nghệ này. Hầu như tất cả các cây bút chủ chốt của tờ Văn Học đều đóng góp cho cuốn sách này. Nói cho cùng đây là những bài còn dư lại của hai số chuyên

đề 49 và 50, nhưng đó cũng là một hình thức trả lời cho những người đã chỉ trích Văn Học hàng năm trời rỗng rã, với những luận điệu quy chụp, thậm chí còn vu khống.

Năm 1990, tôi bị thất nghiệp. Ở đây tôi xin trình bày về tài chánh của tờ Văn Học, hay bất cứ một tờ báo thuần túy văn chương nào cũng lỗ. Ngoại trừ tờ Văn của Mai Thảo, được một nhà in hào phóng in báo với giá tượng trưng chỉ bằng nửa giá in thị trường, và những người hâm mộ nhà văn Mai Thảo ở rải rác khắp nơi hết lòng ủng hộ. Tất cả những may mắn đó giúp cho Mai Thảo sống khá ung dung với hai nguồn tài chánh chính là tiền già và tiền bán báo. Với tờ Văn Học tuy không lời, nhưng với 700 độc giả dài hạn, lúc nào nó cũng đủ tiền in, tiền tem. Phần lời là báo bán lẻ tại những tiệm sách rải rác trên toàn nước Mỹ và Canada. Nhưng có nhiều tiệm sách không chịu thanh toán nếu như tờ báo không có người đến kiểm kê số báo tiêu thụ hàng tháng. Tại Texas có một tiệm sách suốt hai năm trời không chịu thanh toán tiền báo và sách do Văn Học phát hành, cho tới khi ông chủ bán tiệm cho người khác, thì số tiền báo đã bán được khoảng hai ngàn đô la coi như bị xù.

Ở đây Văn Học lúc nào cũng mang ơn chị Thụy Khuê, người đại diện cho Văn Học ở Pháp và Âu Châu, thỉnh thoảng chị gửi cho một khoản tiền, mà tôi nghĩ cho dù có bán hết báo mà chị nhận phát hành, cũng không thể được con số đó. Dù gì chẳng nữa thì tờ báo coi như hòa, nhưng thỉnh thoảng có những khoản chi bất thường ngoài vụ in ấn, thí dụ một bạn văn thường xuyên gửi bài vở cộng tác, bỗng một hôm đến chơi với anh em vài ngày, thì khoản đãi đằng cơm tây, rượu chất trong thời gian đó phải móc từ túi ông chủ nhiệm.

Tôi đã làm thợ tiện được hơn mười năm, việc thất nghiệp ở Mỹ là chuyện bình thường, nếu chịu khó tìm tòi thế nào cũng có việc làm, nhưng nhân dịp này tôi muốn thay đổi không khí cho bản thân mình, muốn bỏ nghề và thử tìm một con đường nào gần hơn với việc viết lách, nên tôi dồn hết tiền bạc mà sở cũ trả cho tôi đâu khoảng mười ngàn, lên San Jose bỏ thêm vốn vào nhà in Lam Sơn của một ông bạn đã hoạt động được mười năm, tưởng chừng sẽ có lúc chính tôi sẽ đứng ra in tờ Văn Học. Vì quyết định dời lên phía Bắc của tôi, Văn Học lại một phen sắp xếp lại đội hình. Trương Vũ lại một phen từ thủ đô bay về, lần này Trịnh Y Thư là chủ nhiệm kiêm chủ bút, Cao Xuân Huy vẫn là tổng thư ký. Trịnh Y Thư là một khuôn mặt mới của Văn Học. Anh đang du học ở Mỹ thì xảy ra vụ 75, anh có bằng MA và đang làm việc cho một công ty lớn, với số lương hậu hĩnh hơn trăm ngàn đô la một năm. Không phải vì Trịnh Y Thư khá giả mà anh bị anh em dồn anh vào chỗ phải chi tiền. Trịnh Y Thư là một người dịch rất hay, anh là một trong những người dịch Milan Kundera đầu tiên, và “Đời nhẹ khôn kham” là một bản dịch cực kỳ hay cuốn tiểu thuyết của nhà văn gốc Tiệp này. Thời gian này vì ở xa, tôi không có điều kiện để quan sát kỹ những thăng trầm của tờ Văn Học.

Việc làm tiệm in của tôi rút cục không khá, năm 1991 tôi một mình băng qua sa mạc Mojave để tiến sang Texas, tìm một nơi lập nghiệp mới. Trong một năm trời tôi di chuyển qua đủ bốn thành phố lớn nhất của tiểu bang này là Houston, Dallas, San Antonio và Austin, làm đủ các nghề vớ vẩn. Khi thì đứng bán ở cây xăng, khi thì đứng bán cho các tiệm tạp hóa Stop and Go hay tiệm Seven - Eleven. Có lúc lại làm một loại việc khá giống như bốc vác cho một hãng sản xuất phụ kiện điện tử. Năm 1992 khi tôi quay trở lại nam Cali thì mới biết Văn Học lại một lần nữa sắp xếp lại đội hình. Lần này nhà văn Nguyễn Mộng Giác quay trở lại vị trí chủ nhiệm, Trịnh Y Thư là chủ bút, Cao Xuân Huy không thay đổi.

Một năm sau tôi chính thức đi làm báo và phụ trách trang Văn Học Nghệ Thuật cho tờ nhật báo Người Việt, mà lẽ ra tôi đã làm một nhân viên của tờ báo này từ số đầu tiên ra đời từ năm 1978. Tôi nhận chức biên tập viên cho tờ báo này, với mục đích có nhiều thời gian để bắt đầu viết bộ trường thiên Người Trăm Năm Cũ. Tờ Văn Học vẫn hàng tháng có một bữa cơm chung, để các người chủ trương nhận báo mới, hàn huyên với những bạn văn từ khắp nơi về thăm Nam Cali. Bữa cơm chung này trước kia thường được tổ chức ở nhà Nhật Tiến, giờ đây nó

được tổ chức tại nhà Nguyễn Mộng Giác. Đó là căn nhà anh Giác đã mua và ở cho đến khi qua đời.

Đầu thế kỷ 21, khi Internet phát triển cực độ, các trang web ra đời. Các cây viết trẻ đầy sung mãn và am hiểu tường tận kỹ năng điện toán, đã thiết lập hàng chục trang web chuyên về văn học. Đồng thời lứa độc giả văn chương của người Việt ở hải ngoại lớp thì qua đời, lớp thì làm biếng vì tuổi tác, đã khiến cho các tờ báo chuyên về văn học càng ngày càng tiến gần đến việc đình bản các tờ báo in.

Năm 2003, một buổi trưa Nguyễn Mộng Giác và Cao Xuân Huy đến chỗ tôi làm việc. Anh Giác có ý định cho tờ Văn Học đình bản, nên bàn với Cao Xuân Huy và tôi. Tôi chưa có ý kiến gì thì Cao Xuân Huy đã khẳng khái đứng ra nhận trách nhiệm chăm nom cho tờ Văn Học. Và anh đã chăm nom cho nó cho tới khi anh qua đời.

Tất nhiên trong giai đoạn khó khăn này, lại chỉ có một mình xốc vác cho tờ báo, nên Văn Học trước tiên để tiết kiệm tiền in và tiền tem, thay vì phát hành mỗi tháng một số 120 trang, thì giờ đây hai tháng phát hành một số dày tối thiểu là 200 trang và có khi lên tới 250 trang. Trong cơn ngặt nghèo của tờ báo, vẫn là Trương Vũ đã hết lòng khích lệ, yểm trợ cho Cao Xuân Huy. Số Văn Học cuối cùng sau rất nhiều lần trì hoãn đã ra đời vào cuối năm 2008. Thế có nghĩa là một mình Cao Xuân Huy xốc vác tờ Văn Học trong suốt bốn, năm năm sau cùng.

Mặc dù không ở Mỹ lúc Cao Xuân Huy qua đời, song tôi biết khá tường tận diễn tiến căn bệnh của Cao Xuân Huy. Huy phát giác ra mình có một cái u trong mắt một cách tình cờ, khi đang đánh mà chợp mắt với tôi vào năm 2007. Đang xoa bài, đột nhiên anh dụi mắt, rồi lấy tay che đi một con mắt vài lần, rồi quay qua nói với tôi: “Sao kỳ quá, con mắt phải của em chỉ nhìn thấy từ ngực bác trở xuống”. Hôm sau Huy đi khám mắt, hai ông bác sĩ Việt cho hai định bệnh khác nhau, một ông bảo là nấm, một ông bảo là có u nhưng không biết lành hay dữ. Nguyễn Thành Quan là bạn thân của Huy và tôi từ hồi nhỏ, và đã từng là sĩ quan trợ y của QLVNCH thấy vậy chen vào: “Ngày mai mày đi khám lại ở UCLA Medical Center cho chắc ăn”. Hai ngày sau Huy cho biết các bác sĩ của UCLA xác nhận đó là u độc, và ở đây sẽ dùng xạ trị để chữa. Tính Huy ít nói, trong hai tuần chờ đợi đi điều trị anh vẫn đến xoa mà chợp tại nhà tôi, và không bao giờ có vẻ mặt tư lự hay lo âu. Có điều anh dấu tất cả mọi người là căn bệnh của anh là một căn bệnh hiếm, hàng ngàn người bị ung thư mới có một người bị ung thư gần mắt, và quan trọng hơn hết là nếu may mắn xạ trị có thể khỏi luôn, nhưng nếu không chữa được tuyệt nọc thì nó có thể chạy thẳng lên óc, hay xuống gan.

Xạ trị xong vài ngày, anh lại có mặt tại nhà tôi trong những canh mà chợp. Cứ như vậy trong hơn hai năm liền một tuần hai, ba canh mà chợp. Các bạn hữu của Huy ai cũng nghĩ là sức khỏe của Cao Xuân Huy hoàn toàn bình phục. Bề gì thì cũng là Trung oái TQLC, sá kể gì ba cái cancer vớ vẩn. Khoảng giữa năm 2010, sau khi tái khám định kỳ Huy cho tôi biết anh bị di căn xuống gan. Khi nói về án tử của mình, anh không hề đổi sắc, và vẫn một tuần hai bữa mà chợp ở nhà tôi. Thời gian này tôi đang sửa soạn làm đám cưới cho con trai tôi. Hai bố con tôi phải về Việt Nam, vì cô vợ chưa cưới của cháu là người Việt. Đám cưới diễn ra ở Sài Gòn vào ngày 31-10 năm 2010.

Huy bắt đầu được hóa trị vào giữa tháng 7. Anh cho biết sẽ có hai đợt hóa trị, mỗi đợt là 6 tuần, mỗi tuần một liều. Bọn chúng tôi nín thở nhìn Huy mỗi tuần đi chữa bệnh. Trong sáu tuần của đợt hóa trị đầu, tôi không thấy Huy bị những phản ứng xấu như rụng tóc, xuống cân & Và đặc biệt là anh có một tinh thần bằng thép, sống hết như những ngày trai trẻ, không hề một phút bản khoăn lo lắng về bệnh trạng của mình. Sáu tuần lễ đầu qua đi, anh vẫn nhớn nhợ cười đùa

với bằng hữu. Anh vẫn tự mình lái xe lên nhà tôi chơi bài. Hết đợt đầu, anh được nghỉ một tuần để sửa soạn hóa trị đợt hai, cũng sáu tuần lễ nhưng liều lượng gấp đôi. Đầu tháng 10, tôi phải về Việt Nam, lúc đó Huy đã chịu hai liều của đợt hai, ngoài vẻ mặt bình thản bên ngoài, tôi biết anh đau đớn dữ dội bên trong, vì có lần tôi hỏi Huy về bệnh trạng trước khi tôi sẽ đi xa thì được anh cho biết: “Người ta cứ nói đau xé gan xé ruột, không ăn thua gì vì em đang đau xé từng thớ thịt, bất cứ một thớ thịt nào từ trên đầu xuống tới chân giống như bị một bàn tay vô hình xé vụn ra”. Có một điều lạ là anh không bao giờ lộ vẻ đau đớn, đặc biệt là trước mặt vợ và hai cô con gái, lúc nào anh cũng cười và còn bông đùa cho không khí trong nhà bớt căng thẳng.

Ngày 15 tháng 10 năm 2010 tôi chia tay với Huy để về Việt Nam làm đám cưới cho con trai. Trong một bữa cơm tiễn tôi đi tại nhà Nguyễn Kỳ Hùng, cả hai vợ chồng Huy cố tham dự. Lúc này anh đã không lái được xe, khi chia tay ra về tôi thấy Huy lảo đảo, nhưng anh gạt phất tay của một người bạn có ý định dìu anh đi. Anh nói với tôi giản dị: “Khi bác sang chắc là em không còn hiện diện trên cõi đời này. Thôi chúc bạn mọi điều tốt lành”. Đáng lẽ tôi là người sẽ phải nói những lời chúc tụng sức khỏe cho Cao Xuân Huy, thì anh đã chúc tôi trước, mà qua nội dung những lời cuối của anh, những lời chúc tụng của tôi sẽ trở thành vô nghĩa. Sau khi tôi đi khoảng mười ngày thì Huy mất. Anh sinh năm 1947, mất năm 2010 hưởng thọ 63 tuổi.

Năm 2005 Nguyễn Mộng Giác bị ung thư, anh đi mổ lần đầu. Từ đây sức khỏe của Nguyễn Mộng Giác không còn như cũ. Năm 2008 anh về VN để chịu tang cùng an táng bà mẹ, trước khi lên máy bay về lại Mỹ anh bị đột quỵ, rồi kế đó anh bị mổ lần thứ hai vào năm 2009. Những năm cuối cùng của anh giống như là ngọn đèn sắp cạn dầu mà còn bập bùng trong gió. Gần đây anh phải vào ở trong một nhà dưỡng lão, vì không thể tự mình săn sóc cho mình, thành thử chị Diệu Chi có nhà mà hầu như không ở, cứ lẩn quẩn nơi anh nằm bệnh. Mới đây trong dịp trở lại Mỹ vào tháng 4 và tháng 5 năm 2012, tôi hai lần điện thoại để ghé thăm, nhưng không một ai bốc điện thoại trả lời. Tôi cũng lái xe đến bất ngờ hy vọng có ai ở nhà, để tôi chuyên lời thăm hỏi, song không một ai có nhà. Sau cùng việc gì đến đã đến, Anh qua đời vào ngày 3 tháng Bảy, năm 2012 tại nhà riêng, hưởng thọ 72 tuổi.

Sau cùng xin thông báo với các độc giả của tờ Văn Học:

Địa chỉ của tòa soạn hiện nay đã dời lên thiên đường từ năm 2008. Để tiện việc điều hành tờ báo, mới đây hai vị chủ nhiệm đầu tiên và sau cùng cũng đã dời về đó. Cho dù trong khi sống, nhà văn Nguyễn Mộng Giác và Cao Xuân Huy có thể làm phật lòng một số người, vì quan điểm văn chương, hay chính trị. Nhưng nghĩ cho cùng, sự khác biệt về quan điểm không bao giờ là một tội lỗi, càng không thể là một tội ác. Nghĩ cho cùng một nhà giáo hết lòng với học trò của mình, một nhà văn hết lòng với độc giả của mình, một người lính hết lòng với nhiệm vụ của mình sẽ có một chỗ ở nơi thiên đường. Nếu như thiên đường là một nơi có thật.

Sài gòn 8 tháng 7, 2012

Nguyễn Mộng Giác và văn học hải ngoại Đỗ Quý Toàn

Nếu không nhờ có Nguyễn Mộng Giác thì chắc tôi chẳng bao giờ viết xong tập *Tim Thơ Trong Tiếng Nói*. Đó là vào đầu thập niên 1980, tôi đang ở Montréal, với không khí sinh hoạt nghệ

thuật, trí thức kích động trong tinh thần cởi mở nhất, một thành phố đẹp và đáng yêu nhất, theo kinh nghiệm tôi sống 37 năm ở Bắc Mỹ. Nhưng tôi sống và làm việc, kết bạn phần lớn với những người không nói tiếng Việt Nam.

Hồi đó, một trong những niềm vui là mỗi tháng nhận được tạp chí *Văn Học* do Nguyễn Mộng Giác và một số anh em khác trông coi. Tôi được biết đến tờ báo sau khi nhà văn Võ Phiến đã nghỉ, chỉ còn mình Giác gánh lấy công việc nặng nhọc này. Một công việc vừa tốn thời giờ, công sức, vừa lo chạy tiền giấy, tiền in, tiền gửi, mà số tiền thu được nhờ bán báo không bao giờ đủ trang trải chi phí. Lúc đó cũng có tạp chí *Văn* do nhà văn Mai Thảo và sau là Nguyễn Xuân Hoàng phụ trách, nhưng hai tờ báo văn nghệ có phong cách và màu sắc khác nhau. Ngoài ra còn một số tạp chí địa phương khác. Tạp chí *Hợp Lưu* của Khánh Trường, *Thế Kỷ 21* của nhật báo Người Việt do Lê Đình Điều, Phạm Xuân Đài chủ trương, xuất hiện trễ hơn. Anh Mai Thảo cũng như anh Nguyễn Mộng Giác luôn luôn nhắc nhở các bạn văn đóng góp cho *Văn* và *Văn Học*. Lối nhắc của hai người đều nhẹ nhàng, ngắn gọn. Anh Mai Thảo đã quen tôi từ hồi ở Việt Nam trước 1975 nên có khi anh còn nói chuyện riêng, gửi cho một đoạn thơ mới nhận được, của Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, có khi chỉ có hai câu, lén chuyển từ nhà tù “cải tạo” ra ngoài, rồi được gửi ra ngoại quốc. Những lá thư của Nguyễn Mộng Giác còn ngắn gọn hơn nữa, nhưng mỗi lần nhận được một lời nhắn, mình lại cảm thấy phạm tội, vì không đóng góp được gì cho một công việc chung.

Bởi vậy, tôi đã có bữa phải đặt bút viết những ý nghĩ vụn vặt của mình ra thành một bài, sau này là bài mở đầu tập *Tim Thơ Trong Tiếng Nói*. Những ý nghĩ đó đã bật ra khi tôi đọc thơ hay đọc những bài, những sách viết về thơ. Đó là một nhu cầu riêng. Một thôi thúc từ bên trong không thể nào cưỡng được, trong hoàn cảnh tôi đang sống.

Đầu thập niên tôi làm việc tại trường McGill, vừa dạy các lớp cấp cử nhân vừa đóng vai một sinh viên Ph.D. về quản trị kinh doanh. Công việc học các ngành trong môn quản trị, đặc biệt là việc nghiên cứu về lý thuyết tài chánh rất thích thú, bởi vì cái gì đối với tôi cũng mới. Nó mở rộng kiến thức của tôi về con người sống trong tổ chức, về cơ cấu ngành kinh tế, được học thêm các môn toán mới cũng như phương pháp khảo cứu khoa học; tất cả đều ảnh hưởng tới công việc viết lách của tôi sau này. Nhưng bên cạnh những sách báo chuyên môn về quản trị và kinh tế, tôi vẫn đọc thơ, làm thơ. Vì ở cái tuổi mới ngoài 40, cuộc đời đẹp quá không thể nào không xúc động; không thể nào chỉ vui đầu trong các trò chơi của lý trí.

Có lẽ đó cũng là một phản ứng muốn thoát ra ngoài thế giới công việc làm. Đó là quãng thời gian sung sướng nhất tôi đã sống, cho tới bây giờ, trí óc được làm việc trong không khí một đại học chú trọng đến nghiên cứu hơn là dạy học trò. Ở thư viện chính của Đại học McGill, tôi tìm các tài liệu trong báo, sách chuyên môn về hiện tượng ngẫu nhiên, từ đó lại thích thú tìm hiểu lý thuyết về thông tin (Information Theory) trong vật lý học. Khi đọc các khám phá trong kinh tế học nhờ “lý thuyết trò chơi” (Game Theory), thì lại được nghe người ta kể một chuyện ngụ ngôn tiêu biểu kích thích mình suy nghĩ. Có tay “tổ sư” trong ngành viết về lý thuyết Tài Chánh học với những ý tưởng lan man cả những suy nghĩ triết lý siêu hình, lại đặt cái tựa “Clock and Cloud,” nghe như tựa một bài thơ. Họ làm việc với mắt nhìn rộng như vậy, có lúc một tác giả nào đó lại dẫn lời của một thi sĩ, một triết gia. Đọc chú thích về nguồn gốc tài liệu người ta tham khảo, tôi lại tò mò phải tìm đọc cho được bản gốc, thường có ngay trong thư viện. Cứ như thế, sau khi mệt cái đầu với những môn toán về tài chánh học, tôi có cơ là đi lần mò tìm đọc các triết gia, những thi sĩ khắp thế giới khi thấy một cuốn sách họ bàn về việc làm thơ, đọc thơ. Nhiều khi đọc các tác giả này thì chợt thấy điều họ nói cũng là điều mình đã cảm thấy trước rồi, khi đọc thơ của người Việt Nam. Có điều mình chưa bao giờ ghi lại trên giấy, vì thấy đó là một cảm xúc hay ý nghĩ rất riêng tư, chắc không nên làm bận tai người khác. Tôi vẫn nghĩ rằng nói chuyện thơ rất khó, thơ là một chuyện rất riêng tư, người ta khó cảm thông cùng một cách. Thơ như một người đẹp không ký kết ăn đời ở kiếp với mình bao giờ. Người ta đi tìm Thơ suốt đời, được nhìn vào đôi mắt, được bắt tay một cái, là đủ. Không thể nào trao đổi ý kiến, bàn luận với nhau một cách thuần lý như các bài toán.

Nếu không có Nguyễn Mộng Giác hay Mai Thảo nhắc nhở thì chắc những giờ phút đọc, nghĩ ngợi rồi lẩm nhẩm một mình như thế sẽ đi qua, không để lại dấu vết nào cả. Không biết có một lần nào đó, nhận được báo *Văn Học* mới và thư của Giác, tôi tự bảo mình phải đáp lại tấm lòng của con người yêu văn chương này. Tiện nhất là viết một bài về thơ, đọc thơ, làm thơ, rút kinh nghiệm bản thân ra, mời mọi người cùng suy ngẫm thêm về chuyện này. Sau khi bài đầu tiên đăng trên *Văn Học*, Nguyễn Mộng Giác khuyến khích tôi viết tiếp, bởi vì anh thấy bài đã đăng có phong vị riêng, không giống những các tác giả khác đã viết về thơ. Thực ra từ đầu tôi chỉ có ý định viết một bài, rồi thôi, nên lấy tựa là Nói Chuyện Thơ. Coi như chỉ có bấy nhiêu điều để nói, nói cho hết. Nhưng những lời khích lệ của Nguyễn Mộng Giác có hiệu quả. Lười đến mấy cũng phải cố gắng viết thêm. Không gì kích thích người viết bằng phản ứng của người đọc, nhất là một bạn văn. Đó là nguyên ủy việc tôi viết về thơ, và tiếp tục viết trên *Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21* về các kinh nghiệm riêng tư của mình. Cho tới khi chú Châu Văn Thọ, người chủ trương nhà xuất bản Thanh Văn hỏi: “Sao anh không in đi?”

Câu chuyện trên đây là mối chân tình khi tôi nghĩ đến Nguyễn Mộng Giác. Anh là một tác giả viết không mệt mỏi, anh đã đóng góp những tác phẩm được độc giả trong nước, ngoài nước yêu thích. Nhưng một công trình của anh tôi ngưỡng mộ nhất là việc chủ trương một tờ tạp chí văn chương, học thuật trong bao nhiêu năm, trong hoàn cảnh khó khăn của người Việt Nam tị nạn sống ở nước ngoài. Đó là một việc chắc chắn tôi không làm được. Tôi không có đức kiên nhẫn, hiền hòa và nghĩ đến người khác nhiều như anh.

Lúc đó chúng ta có độ bao nhiêu người? Có đến nửa triệu hay một triệu? Lại sống rải rác khắp bốn biển, năm châu. Và số người viết văn, làm thơ cũng không đông được bao nhiêu. Làm sao có thể làm một tạp chí văn chương rồi giữ nó sống được? Bây giờ nhìn cảnh các tiệm sách của người Việt Nam đóng cửa ở mọi thành phố khắp nơi càng thông cảm với nỗi những khó khăn mà Nguyễn Mộng Giác, Mai Thảo, Khánh Trường và Nguyễn Xuân Hoàng đã phải đương đầu. Mà việc xây dựng những diễn đàn cho văn chương của người Việt tị nạn là một nhu cầu lớn. Sau năm 1975, quả thật chúng tôi không trồng cây gì vào các nhà văn miền Bắc trong việc phát triển văn chương của người Việt Nam cũng như các nhà văn còn ở lại Sài Gòn. Bởi vì các tác giả trong nước không được quyền tự do sáng tác, họ không thể nói hết các suy nghĩ và tâm tư, cũng không thể sáng tạo những phong cách mới theo tài năng của họ. Điều này chúng ta đã thấy rõ, khi sau này những nhà thơ, nhà văn có tài như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Chế Lan Viên từng nhìn lại các tác phẩm của họ và tiếc đã phí phạm chính năng lực sáng tạo của họ. Phải đến khi giới văn nghệ Việt Nam được cởi trói lần đầu, những người sống ở nước ngoài mới yên tâm là đã có cơ hội cho văn chương Việt Nam phát triển đúng với tiềm năng của dân tộc.

Trong hoàn cảnh mười năm sau 1975, chỉ còn những người làm văn học sống ở nước ngoài được tự do tiếp tục công việc đẩy văn chương nước ta trên những bước đường mới. Biết như vậy, chúng ta mới thấy công của những người như Nguyễn Mộng Giác, Mai Thảo, Nguyễn Xuân Hoàng và Khánh Trường, cùng Lê Đình Điểu, Phạm Xuân Đài trên tờ *Thế Kỷ 21* rất đáng quý. Những nhà văn trên làm việc theo cách khác nhau. Mai Thảo trông coi tạp chí *Văn* giống như một blog bây giờ; đó là nơi anh sống cuộc đời nhà văn của anh, tiếp xúc với thế giới bên ngoài cùng các bằng hữu. Nguyễn Xuân Hoàng tiếp tay Mai Thảo cũng theo tinh thần đó. Khánh Trường, một blogger khác, dùng tạp chí *Hợp Lưu* múa kiếm, đánh côn để thỏa chí tang bồng không chịu đi theo những bước mòn của đa số. Trên *Văn*, chúng ta thấy Mai Thảo; trên *Hợp Lưu*, chúng ta thấy Khánh Trường; họ đóng vai chính, vừa là đạo diễn vừa làm diễn viên đáng chú ý nhất. Lê Đình Điểu, Phạm Xuân Đài góp công lập một diễn đàn chính trị cũng như văn hóa trên tờ *Thế Kỷ 21*, nhưng không chú trọng về văn chương.

Nguyễn Mộng Giác chủ tâm chỉ làm văn nghệ, nhưng anh đóng vai chủ trương tờ báo *Văn Học* với vai trò một đạo diễn, một trọng tài, một người kéo màn hay một nhà nội trợ nấu nướng, chứ không cốt làm báo để tự mình nhận vai diễn viên số một. Anh đứng đằng sau tờ tạp chí, nhưng nhận một vai trò khiêm tốn. Đó là một điều đáng quý vì cá tính của anh. Nhiều người làm báo vì sở thích hoặc nhu cầu cá nhân, nếu không làm thì không chịu nổi. Nguyễn Mộng Giác xây dựng

một tạp chí văn học vì nhu cầu chung, bao nhiêu người đang muốn bảo vệ tiếng nói Việt Nam, văn chương Việt Nam, tụ họp các tài năng sáng tạo của người Việt Nam. Chúng ta còn thấy các tác giả sống trong nước cũng gửi sáng tác cho đăng trên những tạp chí ở nước ngoài. Quan trọng nhất là các tạp chí *Văn Học*, *Văn* đã kích thích bao nhiêu nhà văn, thi sĩ viết trở lại; bao nhiêu người trẻ sáng tác hăng hái. Thời gian hơn 20 năm trước, nhờ đọc tờ *Văn Học* chúng tôi mới được biết những bài thơ của Ngu Yên, Trần Mộng Tú, Nguyễn Thị Thanh Bình, Chân Phương, Đặng Hiền, Trần Sa, Thường Quán, Đỗ Quyên v.v.

Những truyện ngắn của Miêng, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Ngô Nguyên Dũng, Trần Vũ, v.v.

Chỉ kể một vài thí dụ trong số nhiều nhà văn nhà thơ trẻ đã gây nên một không khí sáng tác trong một cái làng văn nghệ trải rộng khắp thế giới.

Và nhờ không khí văn chương đó vui vẻ náo động, những người ở một chốn hẻo lánh xa xôi như chúng tôi tại thành phố Montréal mới có hứng ngồi xuống viết bằng tiếng Việt Nam, sau một ngày phải sống bằng tiếng ngoại quốc. Nếu không có tạp chí *Văn Học* thì chắc cũng không có tập sách tập nhỏ *Tim Thơ Trong Tiếng Nói*. Nhờ cuốn sách viết vội trong những giờ nhàn rỗi, gọi là tiếp ký, tôi không ngờ đã bắt được những dây thông cảm với cả các thi sĩ và nhà văn sống trong nước. Thi sĩ Phùng Quán đã viết thư chép cho bốn câu thơ của ông mà tôi trích dẫn nhưng không nhớ đúng. Tôi ân hận không bao giờ còn cơ hội gặp ông, biết ơn lời bậc đàn anh gọi “qua nhà làm chén rượu.” Nhà biên khảo Lê Ngọc Trà đã gửi tặng một tác phẩm của ông về văn học, nhà thơ Hoàng Hưng đã gửi tặng tôi thơ của ông khi mới xuất bản. Cả hai vị tôi chưa bao giờ được gặp nhưng sẽ nhớ ơn mãi. Tất cả những giao tình này khiến lòng tôi ấm áp, biết rằng mình vẫn nối được với tiếng mẹ đẻ.

Nguyễn Mộng Giác đã giúp tôi trở về với chuyện thơ và tiếng Việt. Sau khi tập sách in rồi, tôi còn đăng mấy bài khác cũng Nói Chuyện Thơ trên tạp chí *Văn Học*; đó là những bài tôi thích nhất, nhờ chúng mà tôi có dịp gặp lại, trò chuyện với Thanh Tâm Tuyền để chia nhau những cảm xúc thi ca. Tôi sẽ còn nợ Nguyễn Mộng Giác và Thanh Tâm Tuyền, sẽ phải san nhượng lại để in tập *Tim Thơ Trong Tiếng Nói* để tưởng nhớ hai anh lần nữa.

Tháng Tám 2012

Chuyện Giác và tôi Tạp Chí Đại Trường

Đầu óc mòn mõi nên không nhớ được đã biết vào lúc nào, gặp lần đầu ở đâu. Bởi vì tôi chỉ được học chung với anh của Giác, Nguyễn Văn Lân. Ở bộ phận trường Collège Quy Nhơn tản cư đến thôn Hoà Bình, xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn, Bình Định. Năm 2006, cùng Giác “về thăm lại chiến trường xưa” trên hai chiếc xe ôm của hai người trước đó còn giành nhau: “Ông già này của tao, ông già kia của mày”. Và rồi như cảm nhận ở những nơi khác, cái gì trước mắt cũng trở nên nhỏ bé, teo tóp: tấm bình phong vôi gạch của cái đình còn sót lại sau cơn tiêu thổ, một vùng gò mả thênh thang bỏ lết lúc nhỏ nay kéo mấy hàng tre lại gần tầm mắt hơn... Bỏ cái nền trơ vơ của ngôi trường cũ, chạy qua phố Cảnh Hàng tìm con sông lúc thường phải lội nhưng mùa nước lụt phải đi đò. Loay hoay mãi mới nhận ra là đã bước qua cây cầu gỗ nhỏ bắc trên cái mương nước luồn lách giữa những đám ruộng xanh rì. Con mương đó, sách vở dạy tôi rằng chỉ là phần còn lại của giải nước từng chở trên lưng những chiếc thuyền to lớn xuôi ngược, chuyển những các sản phẩm rừng núi, đồng bằng biển khơi qua địa điểm được ghi là Canh Hãn Xã trên tầm bản đồ năm 1774. Và biết đâu dưới lòng đất đó còn có xác những chiến binh, chiến thuyền Lê Lí Trần, Toa Đô rui ro nằm lại trong những cuộc viễn chinh? Văn chương thì nhắc đến thương hải tang điền, còn người hiện đại thì lo chuyện tàn hại môi trường... Không còn gì quan trọng nữa.

Chung học thêm một năm ở Bồng Sơn, thủ phủ của Liên khu V, thì Liên tiếp tục và đi tập kết, còn tôi mắc nạn nhà trở về quê ngoại phía sau nhà thờ Long Sông có tên trong ghi chú của các giáo sĩ, làm thằng bé dở dở ương ương nhưng cũng do đó mà có kinh nghiệm thực chứng về đất nước Dân chủ Cộng hoà. Và tất nhiên không biết Liên có người em tên Nguyễn Mộng Giác. Tuy nhiên vì mối liên hệ dễ quên này mà những lần hiếm hoi về Quy Nhơn được người nhà cho biết ông hiệu trưởng trường Cường Để là em Nguyễn Văn Liên để từ đó nhận ra “Người” trên sách báo. Cũng chẳng chú ý gì hơn giữa bom đạn mịt mù, biểu tình xuống đường rầm rộ nên chỉ nhớ tên *Nổi bật khoãn của Kim Dung* bởi vì tôi cũng là đồ đệ của ông ta, suốt đời ngón tiểu thuyết kiếm hiệp trình thám còn nhiều hơn cái gì gọi là tiền sử, khảo cổ, phong kiến bán nước, tư bản rẫy chết... Rồi lại biết Giác có giải Văn Bút, nhớ được không phải vì tên sách *Bóng thuyền say* mà vì tôi cũng có thể có giải năm đó nếu Văn Bút không đòi nộp trình đến năm bản đánh máy trong lúc tôi chỉ có ba bản, và giải Tổng Thống chỉ đòi có chừng ấy mà lại còn nhiều tiền hơn, theo lời ông bạn Nguyễn Nhã chuyển tiếp giùm! Nhưng có lẽ những liên kết mơ hồ dễ biến mất trong nhịp sống thường lại nổi bật gây kết nối chặt chẽ khi có biến động xô đẩy vào nhau. Lại cũng chẳng nhớ gặp Giác lúc nào ở Sài Gòn. Chỉ biết thấy Giác đứng trước cổng trường Gia Long, đề hỏi về bài của mấy ông Hà Nội kết tội tôi phỉ báng anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, đề cao chính sách Việt Nam hóa của Nixon... những bài mãi sau này mới thấy. Thế rồi được Giác trao đọc *Sông Côn mùa lũ* còn nằm trong bản thảo viết trên các tập giấy ở trường thi mà chắc ông cựu hiệu trưởng vợ vét đâu trong nhà sau cơn biến loạn. Đưa đọc không phải để tỏ tài phê bình văn học của tôi mà vì Giác biết tôi có viết về tiền cổ nên nhờ kiểm chứng các điều liên hệ. Nhớ là cũng chỉ đọc loáng thoáng chứ vào thời đó chẳng ai biết mình có thể làm điều gì rõ rệt cả. Và chắc cũng do đó mà biết nhà Giác ở Thị Nghè để một lúc qua chơi được thông báo là Giác đã dong buồm ra khơi rồi. Thế là mối liên hệ lại rẽ qua ngã khác, mà lần này tuy thăm thẳm ngàn trùng lại rắc rối, “lôi thôi” hơn nhiều.

Ở tù về, thất nghiệp ăn bám nhà ông anh, thấy sách nằm đầy vỉa hè, chợ trời trao qua đổi lại đem về đọc mới thấy ơn Nhà nước cho mình có thì giờ rảnh rang hơn trước, mở mang kiến thức nhiều hơn. Và lại thấy mình bạc bèo hơn: Ở sao chuyện nó phải như vậy mà những bậc tài danh của đất nước ưu việt lại cứ phải nói thế kia, ai nói trái lại thì gạt phăng “trái với chủ nghĩa Mác Lênin (một ông)” là xong ngay. Hồi sách *Lịch sử nội chiến...* tái bản trong nước, tin được đài BBC cho là *top ten* trong tháng, cũng có phỏng vấn phỏng viéc, và tôi trả lời là (đại khái): “Thì trái banh vốn nó tròn cứ bảo là méo nên chê bai, mắng chửi, đến bây giờ tỉnh giấc thấy nó tròn thì “cho qua” chứ có gì lạ đâu!” Tuy nhiên sự đời vốn không thể suôn sẻ như vậy đâu. Ở trong còn lăm điều hay, người cũ, người khác không thể hiểu hết được đời mới. Sách tái bản vẫn có chức quyền lớn tiếng: “Sao lại cho in sách phản động?” Lời nạt nộ cũng khuất lấp vì tháng ngày đã phôi pha nhưng theo một *blogger* thì đã có tin đồn cấm bán một lúc ở Hà Nội.

Hồi đó nhịn không được, viết mấy bài khơi khơi – bởi vì biết không thể đăng ở đâu được. Nhớ hồi vào Sài Gòn sửa bài cho tập *Văn học Lí Trần*, ông Nguyễn Huệ Chi gặp tôi làm thầy cò nơi đó có nói: “Anh có sách gì đưa tôi tìm cách in cho!” Và tôi trả lời: “Sách tôi (lạc quan lắm) thì đến thế kỉ XXI mới in (trong nước) được.” Tôi biết phận mình mà! Đã qua nửa đời người rồi thì còn hi vọng gì ở cái xứ đầy tiếng reo hò “vững bền đến muôn đời con cháu mai sau?” Giáo sư Nguyễn Thế Anh tinh ý nên khi đọc bài “Việt Nam ở thế kỉ X”, đã hỏi lại (đại khái): “Có phải phản ứng với cuộc hội thảo Hoa Lư 1982 không?” Gửi bài cho GS chỉ là tìm một chỗ xả hơi nhân được người bạn Huế cho địa chỉ. Vậy mà bài tới tay Giác.

Bản thân ngu ngơ, sống mịt mù trong khói lửa, bị gạt ra ngoài lề xã hội bưng bưng khí thế, đâu có biết bên tây bên mã người ta in sách báo bằng tiếng Việt? Ông Anh vốn là nhà nghiên cứu hàn lâm đúng nghĩa, coi cái cách các ông ban sử trường Văn Khoa Sài Gòn đối phó với các tay sinh viên tiến sĩ rớt năm 1974 thì đủ rõ. Không nói dóc đầu! Chỉ có một tay chân không tới đất cật không tới trời như TGDĐT mới dẹp được cuộc loạn năm đó. Một phần cũng bởi vì ít nhiều gì

tôi cũng có quen với sinh hoạt báo chí hỗn loạn bên ngoài lúc bấy giờ. Nhắc điều đó để có thể nghĩ ra chuyện ông Anh đưa bài tôi cho Giác chỉ vì Giác “nổi” trong sinh hoạt báo chí hải ngoại – và điều này thì tôi cũng chỉ biết khi qua Mỹ thôi.

Nghe nói lại, ông Anh rất cẩn thận khi chuyển bài, cứ cẩn dặn tìm người đứng đắn mới đưa in, chỉ sợ “người ta chớp mắt ý kiến của anh ấy...” Bản thảo lộn xộn, nhem nhuốc *Thần, người và đất Việt* được đem in, chuyển về Việt Nam qua tay một nhà ngoại giao kiếm có vào Sài Gòn đưa cho tác giả quần áo xài xạc, dép lê không biết đến sự ngượng ngùng trước quan chức một cường quốc. Cứ thế mà bài được in trên *Văn Học, Văn Lang* với các hình tiền điều nhập nhoe ưu ái khoe mình thêm trên báo chợ, sau này được tác giả thấy trong một thùng rác...

Qua Mỹ ở Oklahoma City vì người bảo trợ ở đó. Đâu còn gì để chọn lựa... Trong nước còn chưa biết hết, đi đường sông thì thấy mấy cái ngách cắm bằng Tử địa, lén lút thay đồ *xivin* coi tế đình thì mấy ông làng khuyên: “Bốn giờ rồi, trung uý về đi chớ năm, sáu giờ là ‘họ’ mò ra”. Cái gọi là biên giới biết được là cây cột gỗ gác ngang chặn con đường đất đỏ chạy xa về bên kia, được nói là “đất Miên”! Lệnh đèn đuề đuề cũng là lệnh đèn. Thế mà vẫn thấy có những dự tính lạc loài. Tuổi không còn kịp cho thích ứng, dù là tạm. Thôi đành “mang quê hương theo”. Viết bài trên giấy gói về Cali mà không biết rằng người ta đã dùng *computer*, buộc Giác phải mượn đánh máy. Phần lớn tập *Những bài văn sử* thành hình hồi khủng hoảng này. Và tìm cách về Cali, trong đó có lời thúc giục của ông thầy cũ, Giáo sư Nguyễn Khắc Kham ở San Jose. Hành động ấy nghĩ lại cũng thật liều lĩnh, chỉ thoát được nhờ tinh thần đại gia đình cứu vớt qua những lúng túng bước đầu. Tìm được việc làm cũng là nhờ qua chỉ dẫn của Giác. Nhà Giác là chỗ tôi trốn nắng nóng, đến gõ cửa không cần gọi phon báo trước bởi vì không kịp học hỏi thời văn minh. Chỗ ở đã định, an phận thủ thường. Ngày tám tiếng, tuần năm ngày, việc làm thành quen, muốn lương cao cũng không thể vượt ý ông trời Mỹ. Tìm cách “nghiên cứu” với những gì có dưới tay, làm theo những điều kiện cụ thể chứ không phải theo ước muốn vá trời lúc trẻ. Như đã trả lời với Nhã Nam: “Viết cho những tờ báo không có tiền trả, viết cho nó sống để mình còn có sân chơi.” Toàn thể những bài viết của *Sử Việt, đọc vài quyển* đầu tiên là nằm ở *Văn Học*. Và có chuyện cười riêng với nhau. Giác kể: “Hàng tháng ôm một mớ báo đến nhà sách giao, lấy báo ế về đều đặn suốt mười mấy năm, chỉ trừ có hai lần không những khỏi mang về mà còn được đòi đưa thêm. Đó là hai kì đăng “Sex và triều đại”.

Chuyện kể để đùa chơi nhưng nghĩ lại với tôi còn có ý nghĩa khác. Như tất cả những người dân Miền Nam có cuộc đời sang trang sau tháng 4-1975 vì đây là thay đổi chế độ chứ không phải là đảo chánh, cuộc đời chữ nghĩa của chúng tôi cũng hiện lên hai phần rõ rệt. Với Giác là một cửa Kim Dung và Văn Bút, hai là của các tập trường thiên. *Mùa biển động* đã rõ rệt với cái tên nhưng *Sông Côn mùa lũ* dù khuấy lấp cũng cho thấy phản ứng đối với thời đại. Một dân Hà Nội đã cười cười hỏi: “Đọc sách thấy có đoạn Quang Trung mắng mỏ sĩ phu Bắc Hà, có phải anh mượn người xưa để mắng chúng tôi không?” Thì đúng vậy. Chỉ sau 4-1975 Giác như phần lớn người Miền Nam khác mới gặp tận mặt “người anh em phía bên kia”, những con người huyền thoại trên sách báo thông tin ngoại quốc, của các nhà trí thức “tiến bộ” trong nước giảng dạy, hô hào, viết lách công khai thách đố Bộ Thông tin, và ngay bên cạnh, giữa những lời xàm xì lấm lét trong ngõ hẻm...

Bây giờ gặp tận mặt, Giác mới thấy trong một cuộc hội nghị có ông Thứ trưởng Giáo dục đến nói chuyện mà cán bộ bên dưới ngồi gác chân ngay ở hàng ghế đầu. Trong lúc đó ở các rạp hát, người đi coi chán với phim, đứng dậy ra về thì bị ngăn lại, lần đầu được hiểu về sự tuân phục tuyệt đối của lớp “quần chúng” bên dưới. Gặp nhóm Nguyễn Khải được phái vào Nam lục tìm sách vở cũ để tìm đường lối giúp Đảng đối phó với Mỹ nguy, họ thú nhận rằng đời sống văn hóa Miền Nam trên thực tế không phải như lời dạy bảo của Đảng, nhưng “nói thế cho anh biết chơi thôi chứ đừng hòng chúng tôi phát biểu ra lời”. Không biết bên trong, Trần Trọng Đăng Đàn hay Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Đức Nghinh, Phan Đại Doãn có nghĩ như thế không. Trí

thức Việt tự bản chất là kẻ phục vụ, và chỉ được người cầm quyền coi là tay sai (“thằng bé biên chép”, “gia thần/gia nô”, “con em Công Nông”) nên không thể có phản ứng nào khác ngoài chuyện tập hợp nói lén, như có một lần thấy ghi về Trần Khắc Chung, Đoàn Nhữ Hài xa lắc xa lơ. Hay trong các chuyện tiểu lâm móc ngoéo đầy dẫy sau 1975 để GS Nguyễn Văn Trung ghi chép, phải nằm ấp vài tháng vì bị sinh viên tố cáo – cũng những sinh viên như thế, trước 1975 đã “làm hết” trong các cuộc biểu tình xuống đường, viết tuyên cáo nầy lừa cho các Thầy kí tên! Cho nên ở thế dưới tay, Giác cũng tìm chỗ xả xú bấp trên nhân vật của mình.

Phần trước của tôi cũng có thể nói là trên quyển sách nhỏ kia, và một bản thảo luận án được bắt đầc dĩ cho ra đời trong năm 2011 vừa qua. Phần lớn là của sau 1975, như tôi nói năm 2006 ở Hà Nội giữa những người mới quen: “Quyển sách bị mắng mỏ kia thật tình chỉ là của anh học trò, do thầy, sách vở bảo sao làm vậy, nhất là với lối giáo dục ở xứ mình, chẳng có Nichxơn Mĩ nguy nào trong ấy cả, muốn tìm tội “làm giặc” thì phải coi mấy quyển sách về sau mới được”. Và phải nhấn mạnh ở đây, cái tội làm giặc ấy, Giác phải chia sớt với tôi, phần lớn. Trong riêng tư, đó lại là ơn lớn của Giác đối với tôi.

Tất nhiên cha sinh mẹ đẻ ra thì một cá nhân đã có mặt ở cõi đời này không thể chối cãi được rồi. Chính quyền đòi có một tờ khai sinh để bắt lính, đóng thuế... Nhưng có nhiều người đòi “hiện diện” khác hơn tình trạng thụ động ấy. Đòi được hay không, bị chê trách hay ồn ào xu phụ lại là chuyện khác. Thế mà “hiện diện” lại phải dưới hình thức được thể nhân nhận ra. Giống như kinh có chữ Tam Tạng mang về qua 72 tai nạn và một cơn hồi lộ vậy. Ông Cao Bá Quát cứ giữ riết mấy bô chữ của ông ta trong bụng thì không thể nào được tuyên xưng là Thánh cả. “Dân chữ nghĩa” mà không hiện diện bằng chữ nghĩa thì chỉ là vu khoáng, hay chỉ được người ta tiếc thương với một chút trắc ẩn mà thôi. Ngày viết những bài đầu tiên thật tình cũng chỉ là “viết khơi khơi” như đã nói. Nhưng giận lắm thì cũng phải nguôi, “giận dai con nít nó cười cho”, “ai làm gì ai nào!” Ngày biết bài viết được đăng bên ngoài thấy cũng khoái, nhất là mấy lúc thất nghiệp, chỉ có việc làm nửa ngày còn nửa ngày chui vào thư viện (đã có người quen cho đọc sách), thường xuyên đến nỗi có tên bạn hỏi: “Này, viết cho hải ngoại nó trả tiền khá lắm sao mà rảnh rang quá vậy?” Cười trừ. Và tìm hứng khởi để viết tiếp. Có thể nói nửa đời chữ nghĩa của tôi về sau là của Giáo sư Anh và Giác được không?

Chưa hết. Sách in ra không gọi chút tò mò nào ngoài chuyện “sex và triều đại” trên, cũng như phản ứng khá nhẹ nhàng của ông nào đó bên vực Hùng Vương, cho là có hại cho tinh thần chống cộng sao đó... “Tây” lại càng không biết đến. Chỉ vì họ không đọc được tiếng Việt, phải nhờ các tay khoa bảng chia *fund*, dịch ra, như thế thì chỉ có sách vở nhà nước mới được họ biết đến, nhất là loại sách vở này thấy làm ăn có bài bản lắm. Trăm miệng một lời, có chiến thắng thời đại phụ họa, sao không đáng trích dẫn? Ở một góc ngách đặc biệt lắm như cổ tiền học mới thấy ông François Thierry lưu ý, nhắc đến tên để báo cáo trong hội nghị Cổ tiền học thế giới ở Bruxelles 1991 (và 1997?) cùng đính chính tin tức về Khuôn tiền đá ở Bắc Thái trên một số *Bulletin de la Société Française Numismatique* 1997. Li Tana sờ dĩ biết *Thần, người và đất Việt* là do Giáo sư Anh chỉ, và cũng bởi hợp ý của bà ta về một Đảng Trong khác biệt. (Nói thật tình, tôi không có phản ứng tội lỗi “lớn” đến như vậy đâu, đã nói, các khác biệt đưa ra là từ sự kiện do “cách học” nhận được chứ không phải bởi tiền đề Nam Bắc). Quyển *Thần, người và đất Việt* bản mới, in ra chắc là vì sạch sẽ nên được người mua, gọi bưu điện (!) về Sài Gòn tặng bạn, và *Văn Học*, tác giả nhận được lời mắng thẳng từ nạn nhân: “Các ông chắc cũng già rồi, sao không lo yên phận, đi viết lách làm nhằm để Ban An ninh Thành uỷ gọi tôi lên mắng mỏ ‘Đọc chi sách vở của những tên phản động, viết những điều không bỏ ích gì cho trí óc...’”

Tuy nhiên với thời đại ngày nay thì cũng khó mà bịt miệng, mà mắt thiên hạ. Nhiều người không gặp rủi ro như ông bạn kia. Thế là thấy có những nhận định không đưa tên tác giả, như một số tạp chí *Kiến trúc* nói chuyện cái đình làng từ gốc đình trạm vv. chứ không phải có tự thời Hùng Vương. Rồi có những trích dẫn lẽ tẻ đưa tên người, sách để mở đường cho việc tái bản sách trong nước. Cả đến việc Khoa Văn trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội mở toạ đàm về “Những nghiên cứu của Tạ Chí Đại Trường từ cái nhìn liên ngành” 13-10-2009.

Không biết họ nói những gì nhưng sự lan truyền như thế cũng là điều tự nhiên của tình thế. Chuyện to tuồng lớn tiếng như chính trị, cách mạng cũng không qua được cái nấc bình thường giữa Lạ và Quen. Hồi mới tiếp thu Sài Gòn người ta chê: “Bọn Mĩ nguy ăn một chỗ, ỉa cũng chỗ đó”. Bởi vì quen hưởng thú ỉa đồng sau thú làm Quận công, đổ Thám hoa, cưới vợ đẹp nên trong một trại cải tạo các anh bộ đội đang quản lí hàng chục cầu tiêu tự hoại của trại gia binh mà cứ đào hầm, thọc ống sặc đạn ngồi ỉa trên đó vung vãi tứ tung, bắt nguy dọn mệt nghỉ! Kiến thức chỉ đến từ từ, theo thực tế thúc đẩy mà có khi còn bị bài bác, gây phân hoá. Như nhóm Nguyễn Văn Linh chê Võ Văn Kiệt là tư sản hoá, nhưng chính bởi biết đánh tư-nít mà VVK đã cầm vợt ra sân làm việc hủ hoá với Thủ tướng Thái Lan, kết thúc một màn điều đình ngoại giao ngoạn mục, khác với Thủ tướng Phạm Văn Đồng khoe khoang “từng đánh thắng bao đế quốc sùng sỏ” để người ta trả lời: “Thái Lan hãnh diện là chưa từng va chạm với một đế quốc sùng sỏ nào hết”. Chế Lan Viên phải chết mới có Di cao thơ nhưng Nguyễn Khải cuối đời đã ráng “đặt cục gạch”. Cho nên *Sông Côn mùa lũ* được tái bản trong nước dù Vũ Hạnh phản đối dữ dội. Và tôi “ăn theo” Giác, nhờ cậy những người quen Giác đầu tiên.

Bởi văn học có quần chúng nhiều nên khung giao tiếp của nhà văn rộng hơn ở các ngành chuyên môn khác. Và vì thế mà tội của nhà văn đối với chính quyền mới cũng nặng hơn. Một buổi tối năm 2006, nằm trong phòng ở Quy Nhơn của Giác, nghe có tiếng điện thoại, xong, Giác mới nói: “Cửa Công an Sài Gòn, năm nào họ cũng “mời tới chơi”, năm nay hấp tấp đi thẳng về Quy Nhơn nên họ mới gọi đuổi theo nhắn nhe: ‘Sao về mà không ghé lại chơi!!!?’” Hồi còn ở trong trại cải tạo, có kẻ vượt rào đến gặp tôi chỉ để nói: “Coi thử mày là thằng nào hồi trước không nghe mà bây giờ thấy chúng nó chửi mày dữ vậy.” Con đường Tiến về Sài Gòn của tôi như vậy là có bàn tay của Giác dù không ai biết tới. Không phải chỉ có “Tây” và người chính thống mới lơ là. Sách, bài tôi in ở bên ngoài từ 1986 vậy mà đến năm 2009 mới thấy Wikipedia tiếng Việt cho vài hàng, lấy từ những bài trong nước, của Nhã Nam làm việc “phỏng vấn” chọn lựa điều không động chạm, đăng ở các báo để quảng cáo *Những bài đã sử Việt*, đáng lẽ ra đời từ 2007 nhưng mắc kẹt vì tác giả đã sống cùng “nước” với nguy Lê Xuyên, Dương Nghiễm Mậu, những người đang có sách được tái bản bị chê là khiêu dâm, có mục đích phục hồi nguy mà sao không chịu in sách của người có công với Cách mạng như Vũ Hạnh chẳng hạn. Chẳng quan trọng gì lắm ở cái chuyện Wikipedia nhưng nói ra là để kể công của Giác đối với tôi. Còn ai đó muốn bắt tội đưa đường dẫn lối của Giác thì cứ tự tiện đi theo đuổi bắt! Có gan cùng mình thì cứ tiến hành ý nguyện, còn tôi tuy có trách sao Giác không biết *get line* nhưng vẫn phải nén lòng chờ đến lượt gọi đi mà thôi.

25/Aug/2012

Phụ đính:

Giác & tôi Nguyễn Xuân Hoàng

Tính đến ngày 7/7/2012 khi đứng trước một Nguyễn Mộng Giác đang nằm im lặng trong nhà quán Peek Family ở Quận Cam, tôi nhận ra chúng tôi đã thân nhau hơn một phần tư thế kỷ trên đất Mỹ. Tôi nói hơn một phần tư thế kỷ trên đất Mỹ bởi vì từ trước năm 1975 ở Việt Nam, tôi và Giác, đã từng gặp nhau, nhiều lần trò chuyện với anh như hai người bạn cầm bút. Tháng 4, 1975 trong cái không gian u ám và ngột ngạt chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau, nói về những suy nghĩ trong không khí đầy hoài nghi, hoang mang và sợ hãi. Đôi khi kín đáo hơn chúng tôi nói về một chuyến vượt biên. Sau cùng Giác đã đến được Mỹ trước tôi.

Mãi đến năm 1985 từ trại Bataan Phi luật tân qua, chúng tôi mới gặp lại nhau ở Quận Cam. Mới đó vậy mà giờ đây đã là 26 năm. Nếu làm bài toán chia, tôi có 2 giai đoạn thời gian bằng nhau sống ở hai miền Nam và Bắc Cali: 13 năm ở Quận Cam và 13 năm ở Thung lũng điện tử. Trong suốt 26 năm đó chúng tôi không ngừng nghe tiếng nói của nhau.

13 năm ở Quận Cam...

Đó là thời gian không Chủ Nhật nào là tôi không đến nhà Giác. Nhà của Diệu Chi và Giác là một nơi đón nhận bạn bè trong một không khí đầm ấm và thân ái. Chúng tôi gặp nhau nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, chuyện về đời sống, về công ăn việc làm, và tất nhiên là không thiếu chuyện báo chí sách vở. Một truyện ngắn vừa đọc, một bài thơ của ai đó trên Văn Học, rồi Văn, Thế Kỷ 21 hay Hợp Lưu, Khởi Hành....Hay đôi khi, lúc mọi người đã ra về hết, chỉ còn hai đứa, đó là khoảng thời gian chúng tôi im lặng hơn là nói. Giác vốn là người ít nói, từ tốn, mực thước, thâm trầm, kín đáo. Chúng tôi để chuyện sách vở qua một bên, nói về con người, đặc biệt về những bạn bè cầm bút: *Những người bạn và những người tưởng là bạn*. Những người vừa tuần qua cùng ngồi ở đây – trên chiếc ghế này, ở chiếc bàn này, uống rượu từ chiếc ly này,... đã nói với mình những lời lẽ này, và vẫn người bạn đó, hôm nay ở một nơi nào đó – không xa nơi chốn mình đang ngồi – đã nói về mình bằng những lời trái ngược. Trắng và đen: một nghịch lý khá lớn giữa những điều họ viết ra và thái độ của chính họ trong đời sống bạn bè. Đó là những lúc nghe Giác thờ dài. Và nhiều lần trước khi chia tay, anh thường hỏi tôi: Tại sao? Tại sao? Tôi không có câu trả lời, bởi vì chính tôi cũng rơi vào trường hợp giống như Giác.

Và 13 năm ở San Jose

13 năm sau tôi rời Quận Cam, dọn lên miền bắc Cali, vùng đất người ta vẫn gọi là Thung Lũng Hoa Vàng, một nơi có khác với Quận Cam đôi chút: thành phố hiền lành, con người hiền lành, và tôi có thêm vài người bạn mới. Nhưng sao tôi vẫn cảm thấy thiếu vắng Nguyễn Mộng Giác. Những ngày Chủ nhật tôi thường ngồi ở một quán cà phê hơi xa sở làm, đó là nơi tôi có thể gặp một vài người bạn mới quen và có thể chia sẻ đôi điều về đời sống. Nhưng rồi tôi khám phá ra cũng giống như ở phía nam, những người mới quen đó thật ra cũng chỉ là những người mình tưởng là bạn thôi. Tôi nhớ lại câu chuyện vẫn thường trao đổi với Giác. Tôi quyết định chọn một quán Starbucks gần sở làm, cho tiện, dù cà phê ở đây phải nói là khá nhạt nhưng còn hơn một thứ tình bạn nhạt hơn... Những lúc đó tôi thường gọi điện thoại thăm Giác. Chúng tôi không nói nhiều, phần lớn chỉ hỏi thăm sức khỏe của anh. Thỉnh thoảng Giác kể một vài chuyện về người và việc và bao giờ anh cũng kết thúc bằng một câu hỏi cũ: Tại sao? Tại sao? về những người mà Giác và tôi vẫn thường hỏi/nói: *Tưởng là bạn!*

Mấy năm sau cùng Giác thường ra vào bệnh viện, tôi ít khi được dịp nói chuyện với Giác. Cho đến khi Giác vào hẳn bệnh viện. Về phần tôi, vì nhiều lý do, thời gian sau này tôi rất ít có dịp về lại Quận Cam. Nhưng qua điện thoại, Diệu Chi cho tôi biết sức khỏe của Giác đã ngày càng yếu hơn và bắt đầu đi đứng khó khăn.

Một lần sau cùng, tôi gọi thăm anh. Diệu Chi là người bắt máy và nói Giác đang mệt lắm, đang nằm nghỉ. Tuy vậy, chị nói để chuyển máy cho Giác. Tôi nghe tiếng Giác, giọng yếu hẳn... Và, bỗng nhiên Giác nói với tôi về *một người tưởng là bạn*, nhưng, khi kết thúc câu chuyện tôi không nghe tiếng Giác thờ dài, mà là một tiếng cười. *Thôi kệ! Hẹn ông hôm nào xuống Quận Cam?* Tôi nhớ tiếng cười của Giác sau tiếng *Thôi kệ!* Tôi thấy lòng mình bình an, chính là nhờ tiếng *Thôi kệ* của Giác.

Hơn một phần tư thế kỷ trên xứ người, Nguyễn Mộng Giác đã cho tôi một tình bạn ấm áp.

Tôi muốn nói lời cảm ơn Giác.

Thôi kệ! Ngủ yên nghe Giác.

Trước sau gì thì bạn mình cũng sẽ gặp nhau thôi.

Từ biệt nhà văn Nguyễn Mộng Giác Phan Tấn Hải



Nhà văn Nguyễn Mộng Giác qua nét vẽ Phan Tấn Hải

Họa sĩ Đinh Cường viết, “một ngày không có trăng.”
Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn viết, “nghe lộc mới. thăm thì.”
Nhà thơ/nhạc sĩ Phan Ni Tấn viết, “sẽ còn mãi nụ tình quê.”
Tưởng Năng Tiến nhắc về kỷ niệm ngâm thơ Phùng Quán.
Ban Mai gọi đó là “dám sống và viết theo suy nghĩ của riêng mình.”
GS Nguyễn Văn Sâm gọi đó là “chiều tà, rửa tay gác kiếm.”
Trong khi nhà thơ Anh Vỹ viết, “Không, ông không chết!”
Đó là những dòng chữ thương tiếc nhà văn Nguyễn Mộng Giác, người vừa từ trần lúc 10:15pm
đêm Thứ Hai 2/7/2012 tại tư gia ở Westminster, hưởng thọ 73 tuổi.

Nhà thơ Hoàng Xuân Sơn từ Canada, trên mạng Sáng Tạo (sangtao.org) với bài thơ nhan đề
“Bài ru. tâm. giác” đã có những dòng cuối như sau:

“...hoa bút cầm thư tịch
sáng bên đời diệu chi
đêm qua. cảnh mới chiết
nghe lộc mới. thăm thì.”

*

Họa sĩ Đinh Cường từ Virginia, qua bài thơ dài nhan đề “Không định viết rồi cũng phải viết vài
hàng khi Giác ra đi” cũng trên mạng Sáng Tạo, đã có những dòng, trích sau đây:

“...Giác ơi nhắm mắt rồi sao nhắm mắt đi vào
hư vô đi vào trăng sao dù mùa biển động
biển động rồi kia em đừng tìm kiếm nữa
không còn con dã tràng nào đâu và hàng thùy dương reo
như buổi chiều cuối cùng già từ sơn khê biển nhớ
như cơn bão vừa qua virginia khi giác thở hơi cuối cùng
đêm trước ngày rằm một ngày không có trăng...”

Nhà thơ/nhạc sĩ Phan Ni Tấn từ Canada, qua bài tùy bút “Nhớ Nguyễn Mộng Giác” cũng trên
mạng Sáng Tạo đã viết:

“...Dưới đây là bài tứ tuyệt tôi viết tặng anh như một nén nhang để tưởng nhớ anh, một người
anh, một người bạn thân mến.

Mai này ngựa năn chân bon
Thu tầm mắt lại ngược con đường về
Sẽ còn mãi nụ tình quê
Còn hương trên mái tóc thề Huế xưa.”

Nhà văn Tường Năng Tiến từ San Jose, trên trang blog riêng ở www.RFA.org/vietnamese có bài viết nhan đề “Phùng Cung Giữa Trăng Sao Và Mộng Chí,” ghi lại một kỷ niệm:
“...Những người không uống rượu thường (hơi) nghiêm nghị. Tôi ít khi giao du với họ. Ông Nguyễn Mộng Giác là một người như thế. Bởi thế, trong suốt thời gian ông ấy còn sống độc thân (tại chỗ) chúng tôi chỉ ngồi lâu được với nhau – đàm thẩm và tương đắc – chỉ độ mươi lần. Có lần, ông Giác có tâm sự chi buồn, và (chắc) buồn ghê lắm. Thoáng thấy tôi, đương sự mừng ra mặt, lật đặt lòi đầu ra một chai rượu bự, và hào sảng rót ngay ra hai ly đầy ắp. Sau vài lần cạn ly đầy (rồi đầy ly cạn) thì nhà văn của chúng ta (bỗng) biến thành một... nhà thơ. Ông cao giọng đọc thơ Phùng Quán:
Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phần uất ...”

Rồi trầm giọng bình thơ Khoa Hữu:

“Thơ không còn là món trang điểm đua tranh sức chói lọi nơi cung đình. Thơ không còn là món đưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho người ta phùng xòe trước đám đông và che dấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng... Thơ là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” (*)

Coi: mới hết có nửa chai mà thằng chả đã “xỉn” hết biết luôn! Thay vì nói rằng “tiền là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” thì ông Nguyễn Mộng Giác nói lộn thành “thơ”. Ở đâu mà ra cái thứ thơ văn bảnh bao và ngon lành (quá cỡ) như vậy, cha nội?”(hết trích)

Trong khi đó, trên Blog Nguyễn Xuân Hoàng ở đài VOA (www.voatiengviet.com), nhà văn Ban Mai với bài viết “Tác giả Mùa Biển Động vừa qua đời” gửi ra từ Quy Nhơn, trích:
“...Năm 1986, Nguyễn Mộng Giác giữ địa vị chủ biên tạp chí Văn Học ở California suốt 19 năm. Ông là một trong số ít những nhà văn hàng đầu xây dựng nên nền văn học Việt Nam ở hải ngoại...”

Tuy nhiên, sự nghiệp văn chương của Nguyễn Mộng Giác đến nay vẫn chưa được nhiều người biết đến ngoài tác phẩm “Sông Côn Mùa Lũ”, những sáng tác rất có giá trị khác của ông chưa được người đọc trong nước biết đến vì chưa xuất bản. Đó còn là một thách thức bỏ ngỏ cho giới nghiên cứu khi muốn tìm hiểu về ông về những giá trị mà các tác phẩm của ông phản ánh. Nếu như ở trong nước bộ tiểu thuyết “Sông Côn Mùa Lũ” của Nguyễn Mộng Giác được đánh giá cao thì ở hải ngoại bộ trường thiên “Mùa biển động” mới là tác phẩm để đời của ông. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác suốt cuộc đời luôn ưu tư về thái độ sống của người trí thức. Trong mọi thời kỳ lịch sử và hoàn cảnh mà ông đã trải qua, nhà văn luôn giữ phẩm giá của một trí thức có cái nhìn tỉnh táo, đúng mực, dám sống và viết theo suy nghĩ của riêng mình, đó là điều không dễ trong bối cảnh phân ly của cộng đồng Việt Nam.” (hết trích)

Giáo Sư/nhà văn Nguyễn Văn Sâm phổ biến lại, bài viết từ năm ngoái nhan đề “Chiều tà, rửa tay gác kiếm: Nguyễn Mộng Giác” trong đó có những dòng thương tiếc:

“...Luật nhân sinh rồi cũng đến, đối với người này người nọ, chậm hay mau mà thôi. Tôi biết rõ lòng bạn mình. Chiều tà của đời bắt buộc phải rửa tay gác kiếm văn chương, nhưng lòng tha thiết với cái đẹp của văn nghệ, với lẽ công bình của cuộc đời luôn luôn là niềm ám ảnh. Tốt thôi bạn ơi khi ta hướng về cái đẹp dầu bằng hành động hay chỉ bằng ý tưởng.” (hết trích)

Và nhà thơ Anh Vỹ trên mạng vanthoviet.com với bài thơ nhan đề “Nguyễn Mộng Giác Không Chết” đã ghi xuống những dòng chữ:

“...Ai bảo ông chết?

Không, ông không chết!

Chết là khi không ai nhắc tên mình!” (hết trích)

Và sau cùng, người viết bài này xin góp lời thương tiếc nhà văn Nguyễn Mộng Giác:
“Anh Giác ơi, Hải xin mời anh nghe kinh... sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, Tướng, Hành, Thức diệc phục như thị... gate gate paragate parasamgate bodhi svaha!”

Tác giả *Mùa Biển Động* đã qua đời Ban Mai



“... Tôi phải xa lìa quê hương và phải tự mình chịu trách nhiệm đời mình, chịu trách nhiệm cái tự do của mình. Không còn ai bảo bọc tôi, không còn ai cấm đoán tôi. Thành công, tôi không biết khoe với ai. Thất bại, tôi không thể đổ thừa cho ai. Tôi trợ trợ, không mang trên người nhãn hiệu “nhân danh,” “đại diện,” “phát ngôn viên” để hưởng những ưu quyền (và ưu phiền) dành cho một đám đông, một cộng đồng xã hội. Với ai khác không biết, với tôi, tôi thích được là mình, và không thích làm đại diện của bất cứ ai, không khoái nhân danh bất cứ ai, không muốn nợ nần bất cứ ai.” (“Sống và viết tại hải ngoại” – Nguyễn Mộng Giác)

Nguyễn Mộng Giác sinh năm 1940 tại Bình Định, trong một gia đình gồm 7 anh chị em. Ông là người con thứ hai. Cha ông, một nhà giáo trong thời Pháp thuộc, thưở nhỏ ông cắp sách theo cha đi nhiều nơi vì thời gian đó nhà giáo luôn được truyền chuyển công tác liên tục. Ông thừa hưởng nếp sống mô phạm từ cha mình.

Nguyễn Mộng Giác tốt nghiệp thủ khoa Trường Đại học sư phạm Huế năm 1963, sau đó được mời làm giáo sư tại trường Nữ trung học Đồng Khánh. Nơi này ông đã gặp và yêu Nguyễn Khoa Diệu Chi một người con gái Huế duyên dáng, nết nã, hết lòng vì chồng con. Chính tình yêu này là chỗ dựa tinh thần giúp ông đứng vững trong những năm tháng nhiễu nhương của đời người.

Sau tháng 4 năm 1975, xã hội Miền Nam bị xáo trộn dữ dội. Trên phương diện dân sinh, phần lớn người miền Nam làm việc cho chính phủ Cộng Hòa đều bị tập trung cải tạo. Từ người lính chiến, đến anh nhà văn, từ chị công chức, đến anh nhà giáo... đều bị nghi ngờ, tình nghi “thành phần nợ máu”. Cuộc sống của nhiều gia đình đảo lộn. Vì sau khi đổi đời, họ bị thất nghiệp, nhiều người lâm vào cùng quẫn. Một số bị tịch thu nhà cửa, một số về quê sinh sống, một số phải đi “kinh tế mới” trên những vùng rừng hoang vu. Cảnh quan thành phố tiêu điều xơ xác. Trầm trọng hơn nữa: Sự xơ xác tinh thần của trí thức miền Nam không còn được tự do trình bày suy nghĩ, không còn được tự do hấp thu tri thức nhân loại. Năm 1979, khi Việt Nam tiến quân vào Campuchia chấm dứt chế độ diệt chủng Pol Pot và chiếm đóng xứ này, Trung Quốc liền tấn công biên giới phía Bắc để “*dạy cho Việt Nam một bài học*”. Những người Việt gốc Hoa từ bao đời sinh sống trên đất Việt đột nhiên lâm vào cảnh khó xử. Nhà nước đề phòng “nội ứng”, cho phép người Hoa nộp tiền, đóng thuyền, tự do ra khỏi nước. Phong trào *vượt biên bán chính thức* của Hoa kiều bộc phát ồ ạt, cùng lúc với cao trào vượt biên của người dân miền Nam. Họ lũ lượt ra đi, không hẳn vì kinh tế, mà rất nhiều người vì khao khát tự do muốn thoát khỏi những áp đặt ràng buộc vô lý, mà kẻ chiến bại phải gánh chịu hậu quả sau cuộc chiến. Hy vọng tìm lấy cho mình, cho gia đình và con cái mình một tương lai tươi sáng, được đối xử bình đẳng, đầy đủ cơm áo và thụ hưởng tự do tinh thần trên những xứ sở bình yên trở thành giấc mơ lớn của trí thức, văn sĩ và cả dân lao động.

Trong bối cảnh lịch sử đó, cuộc đời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng không thoát khỏi những biến động chung của đất nước, trên cái nền lịch sử đã phân ly, vừa sang trang. Từng giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Nam Trung học Cùrig Đê Quy Nhơn, rồi Chánh sự vụ Sở Học chánh Bình Định, và sau cùng là chuyên viên nghiên cứu của Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam Cộng Hòa. Sau 30-4-1975, Nguyễn Mộng Giác bỗng nhiên thất nghiệp. Nhà văn đi bán sách cũ, đi làm công nhân cho một tổ hợp gia công mì sợi. Bị bắt đi tù 3 lần. Từ trí thức bị tước quyền phát biểu, từ nhà văn bị tước quyền xuất bản, đến nhà giáo bị tước quyền dạy học, Nguyễn Mộng Giác rớt xuống đáy tuyệt vọng. Như rất nhiều người dân miền Nam khác, như hầu hết các nhà văn miền Nam thời kỳ này, Nguyễn Mộng Giác quyết định tìm tự do. Ngày 29-11-1981, Nguyễn Mộng Giác vượt biên, sau năm ngày sáu đêm trôi lênh đênh trên mặt biển mênh mông, giữa sống và chết, chiếc thuyền mong manh của ông may mắn được tàu giàn khoan của Công ty liên hiệp Tây Đức – Nam Dương vớt lên đưa vào đảo KuKu, Indonesia. Hơn hai tháng ở lại đảo KuKu, một nơi biệt lập với thế giới bên ngoài, không có gì làm ngoài việc chờ tàu đến đón chuyển về trại chính, Nguyễn Mộng Giác trở lại với công việc cầm bút. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác khởi viết từ thời sinh viên nhưng tính thận trọng ông không gửi đăng. Đến năm 1971 lần đầu tiên ông gửi bài trên Tạp chí Ý Thức, từ đây những tác phẩm của ông lần lượt ra đời.

1. Những tác phẩm đã xuất bản:

- *Nỗi Băn Khoản Của Kim Dung* (tiểu luận, NXB Văn Mới, Sài Gòn, 1972),
- *Bão Rớt* (tập truyện ngắn, NXB Trí Đăng, Sài Gòn, 1973),
- *Tiếng Chim Vườn Cũ* (NXB Trí Đăng, 1973),
- *Qua Cầu Gió Bay* (truyện dài, NXB Văn Mới, Sài Gòn 1974),
- *Đường Một Chiều* (truyện dài, NXB Nam Giao, Sài Gòn 1974). Đoạt giải thưởng Văn Bút Quốc Tế Pen Club 1974.
- *Ngựa Năn Chân Bon* (tập truyện ngắn, NXB Người Việt, 1983),
- *Xuôi Dòng* (tập truyện ngắn, NXB Văn Nghệ 1987),
- *Mùa Biển Động* (trường thiên tiểu thuyết gồm 5 tập, NXB Văn Nghệ 1984-1989),
- *Sông Côn Mùa Lũ* (trường thiên tiểu thuyết, NXB An Tiêm, Hoa Kỳ 1991 và NXB Văn Học – Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội 1998). Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học, nhà xuất bản Văn Học và nhà sách Văn Lang (Sài Gòn) tái bản lần thứ nhì năm 2003. Nhà xuất bản Văn

Học và Nhà sách Thanh Nghĩa tái bản lần thứ ba năm 2007
- *Nghĩ về văn học hải ngoại* (tiểu luận, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ 2003)
- *Bạn văn, một thuở...* (tạp luận, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ 2005)

2. Tác phẩm chưa xuất bản:

- *Tình và Đạo trong thơ Hàn Mặc Tử* (tiểu luận)
- *Vào đời* (truyện dài), đã đăng một phần trên tạp chí Bách Khoa (Sài Gòn, 1973-1974)
- *Đêm hoang* (truyện dài), đã đăng trên tuần báo Đồng Nai (Hoa Kỳ)
- *Mây bay về đâu* (truyện dài)

Và nhiều bài phê bình, tiểu luận đăng trên tạp chí Văn Học California, Hoa Kỳ.

Năm 1986, Nguyễn Mộng Giác giữ địa vị chủ biên tạp chí Văn Học ở California suốt 19 năm. Ông là một trong số ít những nhà văn hàng đầu xây dựng nền văn học Việt Nam ở hải ngoại.

Năm 2000, bộ tiểu thuyết “*Sông Côn Mùa Lũ*” của Nguyễn Mộng Giác viết về ba anh em nhà Tây Sơn Nguyễn Huệ xuất bản tại Việt Nam, và ngay lập tức có tiếng vang trong giới nghiên cứu văn học nghệ thuật. Có lẽ, đây là tác phẩm hải ngoại đầu tiên được tái bản nhiều lần trong nước, được Đài Truyền hình Tp. Hồ Chí Minh mua bản quyền để đóng phim. Và đây cũng là tác phẩm hải ngoại đầu tiên được Đài Tiếng nói Việt Nam chọn trích đọc hàng đêm trên sóng phát thanh trong chuyên mục “*Đọc truyện đêm khuya*”. Bộ tiểu thuyết “*Sông Côn mùa Lũ*” cũng đã được nghiên cứu trong các trường đại học, là đề tài nghiên cứu trong các luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ...

Tuy nhiên, sự nghiệp văn chương của Nguyễn Mộng Giác đến nay vẫn chưa được nhiều người biết đến ngoài tác phẩm “*Sông Côn Mùa Lũ*”, những sáng tác rất có giá trị khác của ông chưa được người đọc trong nước biết đến vì chưa xuất bản. Đó còn là một thách thức bỏ ngỏ cho giới nghiên cứu khi muốn tìm hiểu về ông về những giá trị mà các tác phẩm của ông phản ánh. Nếu như ở trong nước bộ tiểu thuyết “*Sông Côn Mùa Lũ*” của Nguyễn Mộng Giác được đánh giá cao thì ở hải ngoại bộ trường thiên “*Mùa biển động*” mới là tác phẩm đề đời của ông. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác suốt cuộc đời luôn ưu tư về thái độ sống của người trí thức. Trong mọi thời kỳ lịch sử và hoàn cảnh mà ông đã trải qua, nhà văn luôn giữ phẩm giá của một trí thức có cái nhìn tỉnh táo, đúng mực, dám sống và viết theo suy nghĩ của riêng mình, đó là điều không dễ trong bối cảnh phân ly của cộng đồng Việt Nam.

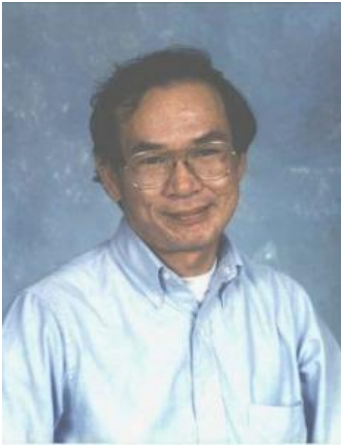
Sau một thời gian dài bạo bệnh, ngày 2/7/2012 nhà văn Nguyễn Mộng Giác qua đời vào lúc 22h15 ở California, Hoa Kỳ trong vòng tay yêu thương của gia đình. (Tức 12h ngày 3/7/2012 giờ Việt Nam).

Với tôi, ông như một người thầy, người cha mà tôi kính trọng. Từ lần gặp đầu tiên ông đã cho tôi cảm giác ấm áp đó, và cho đến bây giờ 7 năm đã trôi qua. Từ xa, nghe tin dữ tôi rất đau lòng, tiếc thương một nhà văn lớn của dân tộc, một người con ưu tú của Bình Định. Bài viết này như một nén nhang kính viếng hương linh ông, cầu mong linh hồn ông siêu thoát về miền cực lạc.

Quy Nhơn, ngày 3/7/2012

Một chữ thành
Hoàng Xuân Sơn

Bài viết này vốn đã được đăng trên Văn Học 233 – tháng 9&10 / 2006 – số đặc biệt về Nguyễn Mộng Giác. Nay nghe hung tin anh đã vĩnh viễn từ giã cõi đời, xin được viết lại với tất cả niềm thương tưởng, như một lời chia tay và đưa tiễn bạn văn Nguyễn Mộng Giác về chốn non ngàn



Hồi còn bên nhà, lúc bắt đầu khởi nghiệp (chương) viết lách lai rai vào khoảng thập niên 63/64-giai đoạn hiển lộ của những cây bút miền trung trên các diễn đàn Văn, Văn Học v.v. – tôi chưa thấy tên tuổi Nguyễn Mộng Giác hiện diện trên các mặt báo. Đùng một cái, anh xuất quân ào ạt như thác lũ, bắn những phát trọng pháo đầu tiên vào trường văn chương chữ nghĩa. Thật thế, Nguyễn Mộng Giác (NMG) xuất hiện trên văn đàn, khởi từ Bách Khoa, như một hiện tượng. Chẳng phải là nhờ bàn tay phù phép, lãng xê của một ai, anh đến với văn chương bằng tài năng đích thực của mình (mặc dù NMG là một trong những đồng hương mật thiết với nhà văn uy tín, gốc Bình Định, Võ Phiến thời bấy giờ). Những gì NMG viết ra đã gạt được lòng tin cậy của bạn đọc cũng như văn giới. Trước tác của NMG, hầu hết, nặng ký. Anh viết nhiều thể loại khác nhau : truyện ngắn, truyện dài, tiểu luận, nhận định văn học v. v. Mỗi một dòng chữ viết ra được dẫn dắt bởi một ngòi bút cẩn trọng, chín chắn, luôn luôn tạo một ấn tượng hay đặt để một điều gì đó cần suy gẫm nơi bạn đọc. Chẳng phải là những sáng tác hời hợt, đọc lướt qua, thỏa mãn một nhu cầu giải trí nào đó. Nói điều khiêm nhượng như thi gia tiền bối Nguyễn Du từng thốt lộ, những trước tác dù mua vui cũng được một vài trống canh của NMG cũng đã đoạt được một vài giải thưởng văn học nghệ thuật quan trọng (hình như là Bông Thuyền Say hay Đường Một Chiều, nếu không nhầm trong trí nhớ tồi tệ của tôi). Trong anh còn tiềm tàng một nguồn lửa sáng tạo âm ỉ đốt, và rất mãnh liệt khi cần bùng cháy. Chẳng thế mà những bộ trường thiên Mùa Biển Động, Sông Côn Mùa Lũ viết trong hoàn cảnh khó khăn cũng đã rả rã góp mặt với đời tạo được nhiều tiếng vang đáng kể .

Tôi không quen biết NMG từ trước. Họ chẳng chỉ có người bạn lâu năm của tôi, nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn (HNT), (đã già biệt chúng ta năm hai ngàn lẻ năm vừa qua) là có mối dây liên lạc mật thiết và tình thân đậm đà với NMG. Nói trộm vía HNT (và cả NMG, giờ đây) tôi cũng lầy lăm lẹ là hai người hai cá tính khác biệt mà có thể gần gũi nhau được: NMG mực thước, thâm trầm trong lúc HNT có phần luông tuồng, buông thả trong giao tiếp. NMG đã dung chứa HNT một khoảng thời gian khá dài ở Bình Định (?) - theo lời HNT kể- khi bạn ta bị sa cơ (Tuấn đi lính thứ dử, chịu trận không nổi, tự cho phép mình giải ngũ). Theo tôi, NMG có lòng lân tài, hết mình thương bạn lúc thất thế, có thể chịu đựng được cái nét bất thường nơi bạn. Cái khó là còn chị Diệu Chi, phu nhân nhà văn NMG nữa chi ?! Một chữ thành Bình Định rõ nét! Một điểm son cho tình bằng hữu qua thời nhiều nhượng. Có người nghĩ tếu, cho rằng chẳng qua NMG/HNT thân nhau là vì cùng ở một lò Võ Phiến/Bách Khoa Lê Ngọc Châu mà ra. Thật ra chẳng có lò bệ gì ráo. Võ Phiến & Bách Khoa chẳng qua đúng lúc, kịp thời giới thiệu được tài năng của NMG/HNT ra trước công chúng. Có lẽ qua HNT, NMG có biết chút đỉnh về

tôi. Cho nên khi cộng tác với tờ Văn Học (VH) ở hải ngoại sau này, tôi không bị bỏ ngõ, và có cảm tưởng như đã thân thiết từ lâu. Cũng là một cái tài khéo xử của một trong những vị chủ báo văn nghệ lâu năm. NMG còn là người chung thủy, hết lòng với văn học (viết thường và viết hoa), và giỏi lèo lái nữa. Kể từ khi kế nhiệm tờ Văn Học Nghệ Thuật và sau đó cải đổi thành Văn Học (khoảng 1986/87) từ tay Võ Phiến/Lê Tất Điều, đứng mũi chịu sào là NMG. Lèo lái con thuyền Văn Học qua phong ba cũng NMG. Ai cũng biết làm báo văn nghệ tại hải ngoại thì chỉ có từ chết tới bị thương. Vậy mà anh gồng mình chịu được cũng tài. Có những lúc đuối sức phải tạm trao y bát cho Hoàng Khởi Phong, Khánh Trường, cho Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy. Nhưng rồi thuyền chưa tới bến anh cũng đành chèo chống trở lại. Đó là cái tình, cái lòng của NMG; bao hàm cả sự hi sinh trong đó nữa. Vác ngà voi mà không bị cơm nhà trách cứ thì thật là nhất anh! Tròm tròm hai mươi năm đâu có ít ỏi gì! Tôi cũng biết ơn anh NMG và VH đã vui vẻ tiếp thu bài vở HXS từ những bước đầu hội ngộ. Hầu như sáng tác nào gửi cho VH cũng được chiếu cố. Nhờ đó mà tôi có được chút phần kích để nuôi lửa (tịch mịch?), cộng tác với VH qua nhiều "triều đại" và còn thơ thẩn nhè nhàng cho tới giờ này.

Tôi định cư tại xứ tuyết Gia Nã Đại từ cuối năm 1981. Mãi tới năm 93, lần đầu tiên tôi mới có dịp ghé thăm miền Cali nắng ấm. Lẽ dĩ nhiên là có liên lạc với ông chủ báo và ghé thăm tòa soạn VH. Tôi đã được anh chị Giác/Chi niềm nở tiếp đón. Và được hưởng một buổi dạ tiệc hội ngộ đông vui có đàn ca thơ phú với các bạn văn nghệ cũ mới tại tư gia hai vị này. Nhớ có Nguyễn Xuân Hoàng/Trương Gia Vy, anh chị Mai Kim Ngọc, vợ chồng Nghiêu Đề (hồi ời đây là lần cuối gặp bạn!), Quỳnh Giao/Nguyễn Xuân Nghĩa, Phan Nhật Nam, Nguyễn Chí Kham... và nhiều bạn khác nữa. Hôm sau còn được chị Diệu Chi cho ăn bữa cơm gia đình có mắm cà, dưa món và trách cá nục kho đúng điệu Huế mềm, ngon hết sảy và không thể nào quên được. NMG là người ít nói, trầm ngâm, từ tốn đúng về con nhà mô phạm. Tôi có thể ăn nhậu bốc phét, suồng sã một tí với các bạn Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư, Khánh Trường... Nhưng với anh Giác, vẫn còn một cái kẽ nhỏ giữ đầu đó. Tuy nhiên không đến nỗi hời hợt quá, xã giao qua quít. Trong chừng mực nào đó, chúng tôi có thể ngồi lại bên nhau đàm đạo chuyện trên trời dưới đất, văn chương chữ nghĩa, kể cả chuyện đời thường.

Khoảng cuối năm 2004, tuổi đời và tình trạng sức khỏe không cho phép NMG tiếp tục công tác văn học nữa. Anh chính thức giã từ vũ khí, trả lại ngà voi, về ăn cơm nhà nuôi gà cho vợ. Và tờ VH cũng được trao tay, không biết lần thứ mấy, cho Cao Xuân Huy với sự trợ giúp của Trịnh Y Thư (cũng vẫn hai chàng khinh binh tuyến đầu dễ thương này). Phần tôi, bệnh trạng không kém, cũng bớt hăng hái văn nghệ văn gừng, liên lạc mật thiết với các bạn văn như thuở ban đầu. Tuy nhiên, cứ mỗi lần cầm tờ VH trên tay, tôi lại nhớ đến anh; Nguyễn Mộng Giác của một thời. Một Nhà Văn đúng nghĩa với chức năng. Con người thành hậu ấy!

(Cuối tháng tám hai nghìn lẻ sáu)

Bài ru. tâm. Giác

*thiệt ra đương nằm mộng
biết rằng mình đương mộng
thức chơi cùng cô ma
rủ yêu về cô đong
bảy mươi khoanh một nét
rồi lọt thỏm vô trong
một chữ thành thơ thới
với chữ nhân ngộ cùng*

*cuộc đời đi ba vạn
rồi về chơi một dù
ừ. thì chơi sát ván
chẳng thẹn cùng miên du
hoa bút cầm thư tịch
sáng bên đời diệu chi
đêm qua. cảnh mới chiết
nghe lộc mới. thăm thì*

(Tháng bảy năm hai ngàn mười hai)

Nhớ Nguyễn Mộng Giác Phan Ni Tấn



Từ trái: nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhạc sĩ Lê Uyên Phương, họa sĩ Khánh Trường, nhà văn Mai Thảo, Phan Ni Tấn, nhạc sĩ Trần Duy Đức & nhà văn Nguyễn Mộng Giác (California, 1989)

Trước 1975 tôi chẳng biết gì về cuộc đời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, ngoài tên tuổi của anh, cho đến khi mất nước chúng tôi mới gặp nhau trong một đêm văn nghệ hát chui tại một quán café ở Sài Gòn. Quán café Ban Mê bên Thị Nghè do chị em cô K.O quán xuyên rất đông khách, mỗi tối thường quy tụ một số văn nghệ sĩ miền Nam đến gặp gỡ nhau tán gẫu chuyện đời. Cô K.O tốt nghiệp thủ khoa âm nhạc tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn trước 1975, có tinh thần văn nghệ rất cao, cô thường chọn những ca khúc có trình độ cao để diễn tả bằng một giọng hát tenor đòi hỏi kỹ thuật ngân nga cao vút.

Một hôm, cô K.O, tổ chức một buổi hát chui tại quán café Ban Mê với một số anh em văn nghệ sĩ quen biết còn sót lại ở Sài Gòn. Khoảng 9 giờ tối quán đóng cửa không tiếp khách. Sau lưng cánh cửa khóa, chúng tôi vừa thưởng thức café, trà nóng vừa hát những bài tình ca đôi lứa, tình ca quê hương và những ca khúc đấu tranh, rồi tán dóc đủ thứ chuyện trên trời dưới đất từ chuyện tiểu lâm đến chuyện vượt biên. Chúng tôi có nhắc đến nhà văn Mai Thảo, vợ chồng Nhã Ca-Trần Dạ Từ, nhà văn Nguyễn Đình Toàn, nhà thơ Thanh Tâm Tuyền... Quanh bàn tròn, ngoài một số thân hữu tôi không nhớ tên, còn có mặt nhạc sĩ Lê Uyên Phương, anh

Thanh Tuệ (nhà xuất bản An Tiêm), nhà biên khảo Lê Huy Oanh, anh Thuận (bên làng báo chí), ba họa sĩ kiêm điêu khắc gia Phạm Văn Hạng, Trương Đình Quế, Nghiêu Đề và nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Đó là lần đầu tiên tôi gặp anh. Đêm đó hầu như anh không nói nhiều chỉ ngồi cười cười, yên lặng lắng nghe. Tính tình anh vốn hòa nhã, trầm tư đúng với dáng vẻ của nhà mô phạm.

Một buổi trưa, tôi đang bán sách cũ ở chợ sách Đặng Thị Nhu thì gặp anh Nguyễn Mộng Giác đạp xe đạp cà tàng sau yên chờ một lô sách truyện bằng Anh ngữ (pocketbook) đến bán cho tôi. Hai anh em gặp lại tay bắt mặt mừng, ngã giá trao đổi xong anh nói cần bán thêm một số sách cũ và hẹn ngày giờ tôi đến nhà anh.

Nhà của nhà văn Nguyễn Mộng Giác bên Thị Nghè cũng bình thường như mọi căn nhà mái tôn vách ván bình thường khác nhưng bên trong lại chứa đựng cả một kho tàng văn học. Nhìn lên kệ sách anh cho biết bên cạnh những cuốn sách đã xuất bản của anh có những thùng giấy cứng bằng carton trong đó đựng xấp bản thảo Sông Côn Mùa Lũ và những tác phẩm khác chưa xuất bản của anh. (*)

Cuối năm 1979 tôi vượt biên đến trại Leam Sing, Thái Lan rồi đi định cư tại Canada đến nay. Năm 1986, nghe tin anh làm chủ bút tạp chí Văn Học ở California, tiền thân là tờ Văn Học Nghệ Thuật của Võ Phiến và Lê Tất Điều, tôi gửi bài không những anh cho đăng liên tục mà còn chịu khó thư riêng cho tôi nhắc lại tháng ngày gặp nhau ở Sài Gòn. Thư từ qua lại đến năm 1989, nhân buổi ra mắt sách của tôi do nhà văn Mai Thảo và họa sĩ Khánh Trường tổ chức tại hội trường báo Người Việt Orange County, tôi mới gặp lại nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

Từ đó thỉnh thoảng tôi có trở lại Cali nhưng không còn có dịp gặp lại anh. Sau đó nghe tin anh bệnh một thời gian dài rồi mất ngày 2/7/2012 vừa qua tại Westminster, Nam California, Hoa Kỳ. Dưới đây là bài tứ tuyệt tôi viết tặng anh như một nén nhang để tưởng nhớ anh, một người anh, một người bạn thân mến.

*Mai này ngựa năn chân bon
Thu tâm mắt lại ngược con đường về
Sẽ còn mãi nụ tình quê
Còn hương trên mái tóc thề Huế xưa.*

04/07/2012

Chiều tà, rửa tay gát kiếm: Nguyễn Mộng Giác Nguyễn Văn Sâm

Nguyễn Mộng Giác, một thời là linh hồn của tạp chí Văn Học, California gần hai mươi năm, tươi cười đón chúng tôi tận cửa như ngày nào còn trẻ, còn khỏe. Cái cười thân thiện gắn liền trên môi anh mấy chục năm nay tôi nhận ra liền đầu chủ nhân của nó có thay đổi theo thời gian và sức khỏe.

Người vợ tám mấn của anh, giọng Huế trong suốt, đứng kế bên chồng, lú lo chào đón khách. Nhìn cặp vợ chồng vui vẻ bên nhau, nhìn nụ cười tươi tắn của người chồng, tôi khó lòng tưởng tượng ra bạn mình đã một hai lần thoát khỏi lưới hái tử thần trong gang tấc vì những căn bệnh quái ác của tuổi già và cuộc sống. *Mùa Biển Động* có vẻ yếu đó, có dáng đi chậm chạp đó, một cánh tay không còn mạnh mẽ bình thường như xưa đó, nhưng nụ cười thiệt tươi, cặp mắt thiệt sáng vẫn như ngày nào. Thân thiện và cởi mở. Ngồi nói chuyện với anh mới thấy anh nói năng khôn ngoan, nhận định sâu sắc của người không những luôn theo dõi những sinh hoạt văn nghệ VN ở ngoài này và ở trong nước mà còn đào sâu những suy nghĩ về những điều mình nghe thấy, mình cảm nhận. Tôi để ý những nhận xét xác quyết của anh: Tạp chí văn nghệ thuần túy ngoài này hoàn toàn đi vào bế tắc. Ra tờ nào thì chết tờ này dầu lực lượng người viết

hùng mạnh đến cỡ nào. Người ta không còn thói quen đọc tạp chí văn nghệ in ấn nữa. Có đọc hay không những bài viết trên internet thì không rõ, nhưng chắc chắn là tạp chí văn nghệ thuần túy chữ nghĩa và chuyên về khảo cứu văn học, chuyên chở tư tưởng thì khó lòng thọ, có sống thì cũng ẹ ạch rồi chìm lìm thoi. Người có tài điều hành lắm như Viên Linh mới có thể cho tờ Khởi Hành sống được. Nhưng đây là trường hợp ngoại lệ. Còn ngoài ra thì ... Người nói không cần nói hết câu. Lâu lắm anh mới nói tiếp: ...Có thể *xuống cấp*, nếu người chủ trương đồng ý cho đăng chuyện tương đối *mát mẻ*, truyện kinh dị, tài liệu minh tinh Hồng Kông, Hàn Quốc .. Nhưng như vậy thì không phải là tờ tạp chí văn học nữa rồi.

Anh cười buồn và hóm hỉnh ở từ *mát mẻ* mà tôi mới học được trên net gần đây đưa ra giúp khi anh đương tìm chữ. Tôi xác quyết anh đã không xuống cấp tờ Văn Học đầu trong bao nhiêu năm sự có mặt của tờ báo đồng nghĩa với sự khó khăn gói ghém tài chánh của anh. Giọng bạn thiết khiêm tốn: Thì làm cho vui đời vậy mà. Gánh nặng đã tự mình đặt lên vai thì phải bước đi thoi. Càng bước nhiều càng say sưa, và càng mệt. Lúc đó bà xã chưa qua. Vợ chưa qua có nghĩa là trách nhiệm với gia đình mình chưa hình dung được rõ ràng, đủ tiền mình ăn mì gói hằng ngày là vui rồi.

Chợt thương bạn vô cùng. Như cay cay mắt. Giống như mình, những người đàn ông mê say chữ nghĩa, sa đà vô sách vở tới nỗi nhìn đời lơ láo, bước chập chững của người cõ trên sa xuống trần, mản nguyện với tiền kiếm được đủ sống từ ngày. những chuyện khác của cuộc đời phú cho trời. Trời sanh voi sanh cỏ.

Chị Chi phân bua:

Anh biết không, khi tôi qua đến sau hơn mười năm ở lại bên đó, anh ấy dành dụm trong ngân hàng được mấy chục đồng! Nhìn con số mà muốn khóc thành tiếng. Chỉ còn biết cười.... ra nước mắt.

Sau câu nói là giọng cười dòn của người phụ nữ vui tính, chung thủy và chịu đựng. Tôi hiểu câu nói như là lời mắng yêu chứ không phải là lời oán trách về sự lựa chọn trái đời đối người chồng nhà văn,

'Chị xem, bây giờ nhà cửa anh chị khang trang, ở nơi đô hội thuận tiện. Đó không phải là phần thưởng của Đảng Toàn Năng ban cho anh chị thì là gì. Chị nghĩ lại coi, bao nhiêu người được như anh: định hướng và xây dựng cho tòa nhà văn học hải ngoại. Tờ Văn Học đã góp công lớn vào sự hình thành bộ mặt văn học của người Việt lưu vong. Tiếng nói đó không ầm ĩ nhưng tác động rất mạnh, rất sâu, nó là một trong những tiếng lương tâm của người Việt lưu vong thời nó còn hiện diện.'

Chị Chi bỏ vào bếp lục đục gì đó.

Giác già nua vẫn cười, không ra tiếng, nhưng rất hiền lành:

'Tạp chí Văn Học ảnh hưởng nhiều lên người viết, người đọc. Nhưng người chủ trương, thì... như ông biết đó....'

Tôi không để cho vấn đề đi quá sâu vào ý nghĩ bi quan. Thầm nghĩ. Mỗi người chỉ có một đời để hành động. Cốt sao mình không phụ với lương tâm và thỏa mãn sở thích thì được. Làm bậy, nếu lương tâm mình không lên tiếng thì lương tâm của số đông chung quanh sẽ lên tiếng. Cái 'bậy' trước sau cũng lộ ra. Đó là nói người có tầm vóc lớn, còn lục lục thường tài, cơm áo gạo tiền thì chẳng có gì đáng nói cả, tỷ tỷ người như vậy, sách vở nào bàn cho hết được!

Tôi nói một câu thiết lãng nhách, nhạt phèo: Bạn đã làm quá hơn nhiệm vụ nhà văn.

Giác như không để ý đến câu của bạn, nói thêm: 'Rồi đây về sau, tâm trạng người Việt, văn chương Việt thời sau 75 tới cuối thế kỷ 20, người ta chỉ đi tìm ở *văn học hải ngoại* và ở *văn chương truyền miệng trong nước* mà thôi, không ở đâu khác. Mà văn học hải ngoại có nghĩa là sáng tác thơ văn các loại trong tập san và báo chí trên bất cứ nước nào có người Việt định cư.' Giác có quá chủ quan hay không, tương lai sẽ trả lời nhưng chắc chắn một điều là văn chương của tự do luôn luôn phản ảnh đúng đắn nhất sự suy tư của đám đông nói ngôn ngữ của thứ văn chương đó.

Trầm ngâm thiệt lâu, trôi chảy theo dòng suy tư của mình, lâu lắm Nguyễn Mộng Giác chép miệng:

'Tôi nghiệp Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh. chết thảm!' Tôi ậm ừ. Lưu Quang Vũ của những vở kịch *nhật người* một thời sôi động ở nhà hát Tây Sài Gòn trong những năm đất nước mới trở mình. Có liên hệ chăng giữa sự làm nhật người và tai nạn bi thảm?

Ngựa Năn Chân Bon nghiêm trang hơn, không cười: 'Dân chúng Ai Cập sau mấy chục năm bị khóa miệng giờ vui mừng có được tự do. Vui mừng nhưt là có tự do tư tưởng và ngôn luận. Chế độ nào khóa miệng dân chúng đều không tồn tại lâu.'

Tôi nhắc đến việc các nhà xuất bản quốc tế vừa trao giải thưởng tự do xuất bản năm 2011 tại Á Căn Đình cho nhà xuất bản Giấy Vụn của ông Bùi Chát, Giác đúng ý, cười, sửa lại thể ngữ: Phải quá đi chớ, ông ta can đảm, mở đường phản đối những vô lý. Việc mở đường nào cũng gian nan nguy hiểm. Tôi, NVS, nhớ đến hai câu thơ chót của Robert Frost trong bài *The Road Not Taken: I took the one less traveled by, / and that has made all the difference.* Phải, con đường ít người đi có chông gai đó, nhưng quan trọng là làm thay đổi. Mọi thay đổi đều làm cuộc đời tươi đẹp hơn.

Chị Chi trong bếp ra, đến nhắc chồng uống thuốc. Giác ơ hờ cầm thuốc bằng bàn tay còn mạnh, chưa uống vội, vẫn say sưa nói chuyện như thời sung mãn của những năm vừa điều khiển báo, vừa làm tư chức toàn thời gian, vừa đi diễn thuyết, vừa viết truyện dài, vừa nuôi con. Nhìn bạn ở trong tình trạng lão hóa: răng cò xệu xạo, người yếu đuối, nghe bạn nói hăn say đầy lửa, tôi cảm thương cho kiếp người. Luật nhân sinh rồi cũng đến, đối với người này người nọ, chậm hay mau mà thôi. Tôi biết rõ lòng bạn mình. Chiều tà của đời bắt buộc phải rửa tay gác kiếm văn chương, nhưng lòng tha thiết với cái đẹp của văn nghệ, với lẽ công bình của cuộc đời luôn luôn là niềm ám ảnh. Tốt thôi bạn ơi khi ta hướng về cái đẹp dầu bằng hành động hay chỉ bằng ý tưởng.

Trước khi từ giả ra về tôi đọc mấy câu thơ làm sẵn ở nhà tặng bạn:

*Mùa Biển Động
phong ba đen cùng khắp.
Ngựa Năn Chân Bon
đánh ngòi đó
ngắm nhân gian.
Thuyền Viễn Xứ
biết phương nào trôi dạt!
Sông Côn chẳng?
Cũng Mùa Lũ hoành hành.*

Chủ nhân xiết chặt bàn tay khách. Bàn tay bạn lạnh nhưng tôi thấy lòng mình không có cái buồn trĩu nặng như tôi tưởng trước khi đến căn nhà từng hội họp bạn bè văn nghệ ở khu phố Bolsa này trong biết bao nhiêu năm.

Victorville, CA (Dec 2010 – Apr. 2011)

Tiếc thương Nguyễn Mộng Giác, 1940-2012 Đặng Tiến

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác vừa qua đời tại Mỹ, ngày 02-7-2012 sau một cơn bệnh dài, là tác giả hai bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa biển động*, tiểu thuyết thời sự, sáng tác tại Hoa Kỳ

1982-1989, gồm năm tập, 1 800 trang, và bộ tiểu thuyết lịch sử *Sóng Côn Mùa Lũ*, viết trong nước, 1978-1981, 4 tập, 2000 trang, là hai bộ tác phẩm đồ sộ nhất trong ngành tiểu thuyết Việt Nam, sau *Cửa biển*, của Nguyên Hồng xuất bản trong nước đã lâu.

Tác phẩm *Mùa biển động* đã được độc giả hải ngoại đón tiếp nồng nhiệt. Tập một, *Những đợt sóng ngầm*, in năm 1984, đã được tái bản nhiều lần, *Bão nổi* (1985) cũng vậy ; tập ba mang tên toàn bộ *Mùa biển động*, 1986, đã tái bản. *Bèo giạt* in năm trước, 1988, thì năm sau tác giả cho in tập cuối, dài nhất, là *Tha hương*.

Tiểu thuyết *Mùa biển động* là một biến cố quan trọng trong nền văn chương Việt Nam ở hải ngoại, cần được chào đón xứng đáng, và cần được phân tích, thảo luận, phê phán cặn kẽ, bên ngoài cái vòng khen chê tùy hứng và lẫn lộn, hay cuồng nộ theo những định kiến chính trị hay phe phái.

Bài này giới thiệu từng tập một, theo giá trị ở thời điểm xuất bản, và cuối cùng sẽ có phần tổng luận về năm tập. Để bạn đọc có thể đặt *Mùa biển động* vào thể loại văn học của nó, tôi có bài khác, về tiểu thuyết trường thiên nói chung – đăng kèm.

Nguyễn Mộng Giác sinh năm 1940 tại Bình Định, đã có tác phẩm in tại Sài Gòn trước 1975 : Ba truyện dài, hai tập truyện ngắn và một tiểu luận. Vượt biển năm 1981, ông khởi viết *Mùa biển động* ngay từ trại tị nạn Kuku, và viết tiếp tại Hoa Kỳ. Nguyễn Mộng Giác có một sức viết, một ý chí lao động nghệ thuật đặc biệt : trong tám năm tha hương, phải làm nhiều nghề vất vả để sinh nhai, ông đã xuất bản năm truyện dài, hai tập truyện ngắn³ và viết nhiều bài nghiên cứu văn học giá trị. Từ 1985, ông chủ trương tạp chí *Văn học nghệ thuật*, từ 1986 đổi tên là *Văn học*, hiện nay là tờ báo văn nghệ Việt Nam thuộc loại đứng đắn và hay nhất, so với nhiều tạp chí khác cả trong lẫn ngoài nước. Khi viết xong – nghĩa là rảnh nợ *Mùa biển động* - Nguyễn Mộng Giác có tâm sự : « *Từ bảy năm nay, tôi vừa viết vừa lo đánh máy, vừa tự bỏ tiền in mấy bộ truyện dài này, trong khi vẫn phải dành thì giờ cho việc kiếm sống... Xin bạn đọc hiểu cho rằng đây là tim óc tôi, là mồ hôi của tôi, là máu của tôi* »⁴. Một gương cần mẫn, một tình yêu văn nghệ, một cống hiến cho tiếng nói dân tộc, ở mức ấy, ở một người Việt lưu vong, đáng cho nhiều người suy nghĩ.

Nguyễn Mộng Giác là người di tản, độc giả của ông, trước hết là người di tản. Tác phẩm của ông phản ánh thế giới quan của người bỏ nước ra đi ; ông không mấy cảm tình với chế độ cộng sản, điều đó dễ hiểu và không quan hệ gì với nghệ thuật.

Mùa biển động kể lại đời sống, vật chất và tinh thần, một thế hệ thanh niên đồng lứa tuổi với Nguyễn Mộng Giác, quay chung quanh mười nhân vật nam và nữ, thuộc ba gia đình ở Huế. « *Tôi muốn qua cuộc đời thăng trầm của ba gia đình, phản ánh giai đoạn có nhiều thăng trầm bể dâu nhất của người miền Nam, từ lúc chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ đến ngày tôi vượt biên* » 4 – 1981.

Nhân vật chính của Nguyễn Mộng Giác toàn là những thanh niên trí thức thành thị, phần nhiều thuộc thành phần khá giả, bị cuốn vào những cơn bão của lịch sử, trong non hai mươi năm. Tác giả đưa vào tiểu thuyết những sự kiện có thật, nhân vật có khi trùng tên thật của nhiều người thật, nhưng khẳng định rằng *Mùa biển động* không phải là tiểu thuyết lịch sử mà chỉ là « *biến chuyển tâm trạng của [một] thế hệ thanh niên trưởng thành trong chiến tranh [...], cuối cùng trôi nổi theo một nhân vật chính đến chỗ tha phương* »⁵ (nhưng cuối cùng, các nhân vật chỉ « *tha hương* » mà không « *tha phương* »).

Hai tập đầu, *Những đợt sóng ngầm* (1984) và *Bão nổi* (1985), gợi lại phong trào tranh đấu miền Trung khoảng 1964-67 với những biểu tình, xô xát, tuyệt thực, hội thảo, bàn thờ Phật xuống đường, xe tăng lựu đạn đàn áp.... Không khí tiểu thuyết sôi nổi, biến cố dồn dập, các nhân vật thường xuyên dao động trong thời sự nóng bỏng, được tác giả phản ánh dồi dào, trung thực. Nhưng cái hay là tâm trạng của một lớp thanh niên : họ làm chính trị hàng ngày, hàng giờ, với lập trường, quan điểm, vì cơn bão lịch sử đã thổi tạt họ vào một đám cháy, chứ

bản thân họ không phải là những con người chính trị. Và sự lựa chọn của họ, chỉ tự do trong chừng mực nào đó, trong những điều kiện xã hội nào đó mà thôi.

Khi hai tập đầu ra mắt, đã có một số người phản ứng mãnh liệt trên vài tờ báo chống cộng ở Bắc Mỹ. Đại khái họ chê trách Nguyễn Mộng Giác o bế những nhân vật thân cộng, sau này theo Mặt trận giải phóng, như Tường, bôi bác quân đội Sài Gòn qua nhân vật Lăng, và cả chế độ Sài Gòn nữa, và tác giả đã đánh bóng cho phong trào Phật giáo, v.v... Khi sự công kích trở thành thô bạo, đã có nhà văn lên tiếng bênh vực Nguyễn Mộng Giác, và ông cũng có lần trả lời, đại ý rằng bộ tiểu thuyết chưa xuất bản toàn bộ, vậy không thể đánh giá lập trường tác giả qua hai cuốn đầu tiên.

Thật ra thì Nguyễn Mộng Giác đã viết *Những đợt sóng ngầm* và *Bão nổi* với tất cả tấm lòng tha thiết với kỷ niệm, với tất cả những mất mát của bản thân ; nếu ông có nâng niu sự cố này hay nhân vật kia, thì đó cũng là tình cảm thương tình của người mẹ với những đứa con – dù là con hư. Mà dù trong thâm tâm Nguyễn Mộng Giác có nuôi nấng chút tình cảm nào đó với phong trào tranh đấu miền Trung 1964-67, thì cũng chưa chắc gì ông đã tán thành quan điểm chính trị và phương pháp hành động của phong trào đó. Nguyễn Tuân, khi đề cao tài chém treo ngành của một đao phủ hay lòng yêu nghệ thuật của một cai ngục, không chắc gì đã ưa nghề đao phủ hay cai ngục. Thậm chí, viết văn, đôi khi chỉ là cách vãn về một vết thương trong đời mình.

Nhà văn Nhật Tiến yêu thích hai tác phẩm này là có lý do sâu sắc ⁶.

Nhưng dường như Nguyễn Mộng Giác cũng thấm đòn. Đến *Mùa biển động*, tập 3 (1986, không có tên riêng), ông đã thận trọng hơn, chừng mực hơn, « giữ võ » kỹ hơn. Động tác chỉ xảy ra mấy ngày Tết Mậu Thân 1968 tại Huế, với những trận đánh, những vụ « xử lý » chôn người mà mọi người đều biết ; tác giả mô tả cảnh thảm sát ở một chương áp chót và giải thích hiện tượng đó ở chương cuối, như một tư liệu. Nhắc lại những tàn bạo của các đơn vị Mặt trận giải phóng tại Huế, Nguyễn Mộng Giác chỉ nêu lên một sự thật lịch sử, một trong nhiều sai lầm của phe giải phóng, nhưng thuộc loại tàn bạo nhất. Nhưng cũng là một cách chứng tỏ rằng ông không phải là người thân cộng, với những ai cần biết rõ điều đó để an tâm.

Về cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968 tại Huế, ngày nay ta có nhiều tác phẩm tư liệu : từ *Giải khăn xô cho Huế* (1969), *Tình ca cho Huế đổ nát* (1967) của Nhã Ca, đến bút ký của một số nhân vật đã từng sống trong *Mùa biển động* như Hoàng Phủ Ngọc Tường (*Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu*, 1971), hay Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Quang Hà, Tô Nhuận Vỹ (*Huế những ngày nổi dậy*, 1979), hoặc của tướng Lê Chưởng, chính ủy mặt trận Huế thời đó (*Đất nước vào xuân*, 1979). Đây là những chứng từ có giá trị lịch sử và văn chương. Ngoài ra còn có những hồi ký mặt trận của các tướng Lê Tự Đồng, Trần Quý Hai. Có lẽ Nguyễn Mộng Giác chưa đọc, chỉ dựa vào hồi ký của tướng Lê Minh và cuốn *The battle for the Tet 1968* của Keith William Nolan.

Tuy nhiên *Mùa biển động III* là một cuốn sách hay, qua thuật kể chuyện trầm tĩnh, chừng mực và hấp dẫn. Tác giả khéo gạn lọc những chi tiết làm nổi bật tâm lý của người Huế trung bình lúc đó. Chúng ta lại có dịp so sánh để thấy đặc tính của ba thể loại văn chương : Hoàng Phủ Ngọc Tường viết bút ký, Lê Chưởng viết hồi ký, Nguyễn Mộng Giác viết tiểu thuyết. Họ khác nhau không phải chỉ ở « lập trường » hay vị trí quan sát, hay cách nhìn, mà còn ở hành văn, ở thể loại. Điểm cuối cùng này về mặt văn học, tôi rất thích thú.

Đến *Bèo giạt*, tập 4, dường như *Mùa biển động* đã đưa Nguyễn Mộng Giác đến Tiên Đường. Nợ tình đã trả xong trong hai cuốn đầu, ân oán cũng đã phân minh với cuốn 3, tác giả phát triển tài năng của mình thoải mái. Trước hết, ông đổi không gian : từ Huế, động tác chuyển vào Qui Nhơn, và phần nào Sài Gòn. Thời gian cũng im ắng hơn : kỷ niệm Mậu Thân đang kéo dài non thành sẹo, người ta lo lắng cho hòa bình. Chuyện xảy ra từ 1968 đến Hiệp định Paris 1973 : Ngũ, nhân vật chính, một hạ sĩ quan đã làm việc tại tòa tỉnh trưởng Thừa Thiên, được chuyển vào Sài Gòn, học thêm, thi tú tài, vào trường sĩ quan Thủ Đức, rồi được về làm việc tại tiểu khu Quy Nhơn. Không khí chính trị bớt căng thẳng : không còn những đấu tranh sôi nổi của hai tập đầu, cũng không còn sự ngọt ngào giữa hai lần đạn như trong tập 3. *Bèo giạt* là sự chờ

đợi, suốt thời gian hòa hội Paris. Cuộc tranh chấp chính trị, giới hạn trong phạm vi cá nhân, quyền bính và địa phương, không phản ánh được sự chuyển mình của miền Nam lúc đó ; ngược lại, các nhân vật sống nhiều hơn đời sống riêng tư của mình : tình yêu, tình gia đình, tình bạn xen kẽ vào những chương trình thời sự. Lời kể chuyện nhẹ nhàng, linh hoạt, hấp dẫn hơn, « tiểu thuyết » hơn ; các nhân vật thoát ly phần nào ra khỏi tù trường của thời đại, đã xê dịch, sinh hoạt, đối thoại tự nhiên hơn. Về phương diện kỹ thuật, *Bèo giạt* có những ưu điểm nhất định.

Những ưu điểm đó cần được trả giá : trước hết là sự chênh lệch so với ba tập trước. Từ một không khí nặng trĩu thời cuộc đè bẹp định mệnh, những nhân vật như Tường, Ngô, Nam, bước sang *Bèo giạt* người đọc như hụt hẫng khi nghe các ông trung tá, đại tá, giữa những canh mặt chược, đàm luận về cách làm tỉnh trưởng : tỉnh lớn phải thế này, tỉnh nhỏ phải thế kia. Trong khi đó, những năm 1970-73 miền Nam đang đi vào khúc quanh quyết định : hòa hội Paris, chính sách Việt Nam hóa chiến tranh, mặt trận Trị Thiên, mùa hè đỏ lửa, cuộc đấu tranh tại các đô thị chống tham nhũng, độc tài... Tác giả có viện lý do không viết tiểu thuyết lịch sử đi nữa, thì người đọc vẫn mong đợi nhiều âm vang hơn của thời sự, dù chỉ là thời sự của tỉnh Bình Định, một địa phương quan trọng, thời đó có nhiều sự cố.

Để vớt lại nhược điểm đó, tác giả đưa ra nhiều nhận định tổng quát về chính trị : về chế độ Ngô Đình Diệm (tr. 1076), về tác dụng vụ tấn công Mậu Thân (tr. 1080) – cả hai nhận định đều không mấy liên quan đến *Bèo giạt*, có liên quan là những ý kiến về chương trình bình định nông thôn (tr. 1068), tiếc rằng những trang viết này vừa dài dòng, vừa sơ lược và nằm ở ngoại vi tiểu thuyết.

Tóm lại, *Bèo giạt* dễ đọc hơn ba cuốn trước nhờ lối kể chuyện của tác giả. Nhưng cũng như toàn bộ *Mùa biển động*, tác phẩm mang nặng tâm tình của tác giả - một Nguyễn Mộng Giác bết say đắm và trầm tĩnh hơn.

Mà kỷ niệm vẫn thiết tha, dằm thắm : tiếng cửa sắt mở hé ở tòa soạn *Bách Khoa* ; tiếng đánh máy chữ lóc cóc giữa tiếng ì ầm của máy in, ở tòa soạn báo *Văn*, hai chữ « tình thân » ở cuối thư, vẫn còn gợi nhiều âm hưởng da diết đối với nhiều người, trong đó có Nguyễn Mộng Giác, có cả tôi : chúng tôi bắt đầu yêu, yêu cuộc sống, yêu văn chương qua những âm hưởng đó. Và nay, đọc lại Nguyễn Mộng Giác, sau bao nhiêu mùa biển động, bầu trời trong tôi bỗng ánh ỏi rất nhiều tiếng chim vườn cũ.

29 tháng giêng 1990

1 *Mùa biển động*, năm tập đều do nhà Văn nghệ (California) xuất bản ; tập cuối *Tha hương*, 1989, giá 21 đôla Mỹ. Địa chỉ: P. O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.

2 *Cửa biển*, gồm có *Sóng ngầm* (1961), *Cơn bão đã đến* (1967), *Thời kỳ đen tối* (1973), *Khi đưa con ra đời* (1976), đều do nhà Văn học xuất bản, Hà Nội. Riêng *Sóng ngầm* in lại trong *Tuyển tập III Nguyễn Hồng*, nxb Văn học, Hà nội, 1985.

3 *Ngựa nắn chân bon*, 1984, *Xuôi dòng*, 1987, nxb Văn nghệ, California.

4 Nguyễn Mộng Giác, *Tha hương*, sách đã dẫn, tr. 1860 và 1853

5 Lời giới thiệu ở trang bìa.

6 Nhật Tiến, tạp chí Văn học số 39, tháng 4-89, California, tr. 45.

MÙA BIỂN ĐỘNG (2)

Mùa biển động tập 5, *Tha hương*, là tập cuối, dày nhất, hơn 600 trang, quan trọng nhất và được đọc giả mong đợi, để biết số phận nhân vật sẽ ra sao, qua cuộc « đối đời » tháng 4-1975.

Sự kiện dồn dập, xen kẽ vào nhau, gồm năm chuyển động chính :

- Quân đội Sài Gòn « rút lui chiến thuật » ra khỏi Cao nguyên và vùng Trị Thiên (chương 124-142)

- Những ngày cuối cùng của chế độ Sài Gòn trong âu lo, sợ hãi, chuyện di tản, những người chiến đấu tuyệt vọng đến khi chính quyền Sài Gòn hoàn toàn sụp đổ (chương 143-155)
- Sau ngày 30-4-1975 : các nhân vật chính, Ngữ, Lãng, Tường... lần lượt trở về, kẻ thoát chết từ phía này, kẻ chiến thắng từ phía kia, họ gặp lại gia đình, vợ con, bạn bè (chương 156-161).
- Đời sống Sài Gòn dưới chế độ mới. Tác giả dành một phần quan trọng cho sinh hoạt văn nghệ (chương 161-166) và phân khác cho những dị biệt, va chạm về tư tưởng, thái độ chính trị giữa các nhân vật, nhất là khi Ngô từ Hà Nội bỏ nhiệm vụ về Sài Gòn (chương 167-173).
- Đời sống dân chúng Sài Gòn chiếm trọn phần cuối : những khó khăn tinh thần, vật chất của người dân, chủ yếu là những gia đình có thân nhân đi học tập cải tạo ; sự biến chất, chao đảo của một số cán bộ cộng sản, như Tám Lúa, Ngô, Mươi Chí...
Vào trang cuối, Ngữ vượt biên, bị chủ bãi bỏ lại, bị bán chết (chương 174-186).
Tác giả có thêm mười hai trang giải bày tâm sự trong « *lời cuối cho một bộ trường thiên* ».

Năm phần nói trên xòe ra và gấn bó như năm ngón tay trên một bàn tay ; *Tha hương* là một cuốn tiểu thuyết hay, hấp dẫn, linh động. Nếu xem *Tha hương* là một ngón tay, ngón út của *Mùa biển động*, lại càng lý thú hơn, vì tác giả đã tháo gỡ nhẹ nhàng những mối tơ rối rắm, từ *Những đợt sóng ngầm*.

Phần đầu, mô tả chuyện lính Sài Gòn tháo chạy khỏi vùng II và vùng I chiến thật, là phần dài nhất và dở nhất. Về hai cuộc rút quân này, Nguyễn Mộng Giác dựa theo cuốn *Ngày N* của Hoàng Khởi Phong, một cựu sĩ quan quân cảnh ở Pleiku, và cuốn *Tháng ba gãy súng* của Cao Xuân Huy, cựu sĩ quan thủy quân lục chiến đóng tại Trị Thiên, dĩ nhiên là với sự đồng tình của hai tác giả. « *Có thể nói rằng Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong là đồng tác giả với tôi trong hai đoạn viết về cuộc rút lui trên liên tỉnh lộ 7 và cuộc tan hàng ở Thừa Thiên năm 1975* » (tr.1859).

Dù sao, viết theo tác phẩm người khác, vừa được ấn hành, vẫn là một việc không nên, gây ra một tiền lệ phiền phức. Nguyễn Mộng Giác giải thích : « *Tôi thiếu những kiến thức và kinh nghiệm cụ thể về quân sự [...]. Mỗi lần viết về chiến tranh là ngồi bút tôi trở nên gập ngừng, lúng túng.* » (tr.1858). Lý do chính có lẽ còn vượt xa lời tâm sự và trường hợp cá nhân Nguyễn Mộng Giác. Văn chương Việt Nam, ở đâu cũng vậy, vẫn có những khu rừng cấm. Nguyễn Mộng Giác không viết về chiến tranh vì không có « con tem », chỉ vậy thôi.

Mười sáu chương đầu mang nhiều tư liệu chiến sự, và có giá trị lịch sử nhất định, nhưng trong cơ cấu tiểu thuyết *Mùa biển động* thì lạc lõng. Tác giả cố gắng cho nhân vật của mình lẫn lộn với biến cố, nhưng họ vẫn là những hình bóng mờ nhạt : trong cuộc tháo chạy bi đát trên liên tỉnh lộ 7B, trung úy Ngữ không làm được gì, chỉ nhìn và triết lý vụn vặt, lẩn thẩn. Trong cuộc rã ngũ tại Huế, Lãng vẫn còn khôn vật, chuôi cho sếp mình nắm tiền và khẩu súng lục, nhưng chẳng có hành động gì – ngoài việc luộc một con chó mà luộc không chín. Suối non hai trăm trang, nhân vật chính là đại úy Vinh, trung úy Huy – ngoại cuộc trong thế giới *Mùa biển động*.

Khi mô tả không khí Sài Gòn trước giờ chính quyền tan rã, ngồi bút Nguyễn Mộng Giác, lúc đầu còn lúng túng, nhạt loãng, nhưng dần dần tìm lại được mạch văn : ông phớt lờ những biến cố lịch sử, ví dụ ông chỉ viết một dòng, một dòng thôi, nhắc lại « *lúc 11 giờ 55 bộ đội đã chiếm dinh Độc Lập* » (tr.1512). Ngược lại, ông đã dành nhiều tâm tình để làm sống lại không khí thành phố, tâm trạng người dân thuộc nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Bút pháp Nguyễn Mộng Giác luôn luôn chừng mực. Ông thuyết phục người đọc bằng những chuyện vừa phải, đáng tin, mà vẫn bi đát : ví dụ chuyện bà trung tá Thanh ăn cắp mắm sả của Quỳnh Trang là một đoạn văn cảm động (tr.1733). Văn Nguyễn Mộng Giác đặc biệt ở chỗ dí dỏm (*humour*), u mặc nhẹ nhàng, không cay chua, không độc ác, nhưng thâm trầm. Như đoạn Quỳnh Trang chuẩn bị cho chồng đi học tập cải tạo. « *Đây là cái túi vải em may để anh*

dùng pha cà phê. *Cái gói này là hộp tẩm em đã luộc chín để khử vi trùng. Tăm tre tụi Chợ Lớn làm ở đường Tân Đà, em có tói, họ làm cầu thả, dơ dáy lắm, mình dùng tẩm dơ xĩa răng mà không biết.»* (tr.1633). Lối hóm hình kiểu ăng-lê này, trước kia thỉnh thoảng có gặp trong văn Nhất Linh, càng về sau càng hiếm. Văn chương ngày nay thường chuộng dao chuộng búa, chắc ăn hơn.

Về số phận nhân vật, Nguyễn Mộng Giác giải quyết ổn thỏa, công bình. Nhân vật *Mùa biển động*, tuy đông đảo, phức tạp, truân chuyên, nhưng không có ai xấu, họ đều ở hiền, gặp lành : đây là một nét đặc biệt trong phong cách Nguyễn Mộng Giác. Người Việt Nam suốt trong hai mươi năm *Mùa biển động* đã sống bao nhiêu đọa đày, khổ nhục, giá dụ ai cũng được số phận của nhân vật Nguyễn Mộng Giác thì đỡ quá. Muốn bàn cãi, người đọc vẫn có thể bàn cãi về một số kết cuộc : tại sao đại úy Thường, một người công giáo có lý tưởng, lại tự vẫn ; động cơ nào đưa Mười Chí vượt biên ; tại sao Ngô lại bắt mẫn, đào nhiệm. Và cái chết của Ngử có cần thiết không, nhất là Ngử chết... lạ quá, chỉ trong mấy dòng, và chết lẳng xẹt ; người đọc cho rằng tác giả cho Ngử chết lạ cho xong chuyện vì... lười. Chưa chắc đã sai.

Những sự kiện tiêu thuyết, do tác giả tưởng tượng, ta có thể thích hay không thích, vẫn thuộc quyền sinh sát của tác giả. Điều chính và hay, là Nguyễn Mộng Giác đã mô tả được đời sống thành phố Sài Gòn những năm 1975-80. Có gian khổ, đọa đày, lam lũ, nhưng đến một mức nào đó. Nguyễn Mộng Giác gây được cảm tình lâu dài của người đọc nhờ sự chừng mực và công bình của ngòi bút. Nhưng từ đó, người đọc có thể đặt ra một đôi vấn đề với tác giả.

Nhân vật *Mùa biển động*, dù là nhân vật phụ, phái bên này hay bên kia, đều là những người thất bại. Nguyễn Mộng Giác giải quyết định mệnh của họ theo xu hướng tự nhiên, nhưng cuối cùng cũng nhận ra điều đó, và đúc kết là đã cố gắng « *ghi lại tâm tình của thế hệ tôi, thế hệ lớn lên đã bị cuốn vào chiến tranh, rồi cũng bị chiến tranh vùi dập* » (tr.1851), « *cái thế hệ thất bại của lớp tuổi tôi* » (trang cuối).

Về mặt tiêu thuyết, Nguyễn Mộng Giác đã thành công trong dụng ý, trên những... thất bại của một lứa tuổi nào đó – nói rõ hơn là của một lớp thanh niên trí thức trung lưu ở thành thị miền Nam.

Nhưng bản thân tác giả có nên tự mình nêu vấn đề để hướng dẫn người đọc hay không ? Và nêu lên có đúng không ? Tôi trả lời hai lần không.

Trước hết, thành công hay thất bại, trong một đời người, chỉ là những cảm giác chủ quan, tương đối. Nói chi đến một thế hệ ? Có kẻ được xem thành công vì toại nguyện trong cuộc sống, hoặc có địa vị nào đó trong xã hội, có kẻ thành tài, thành danh hoặc... thành nhân. Những nhân vật chính của *Mùa biển động* cho ta cảm giác là họ đồng tình thất bại. Lý do không phải chỉ có việc « thế hệ », mà họ là những con người thiếu nghị lực, không biết mình muốn gì nên không đi đến cùng định mệnh. Lấy Ngử và Tường làm ví dụ.

Ngử, nhân vật chính được tác giả o bế nhất, là một sĩ quan suốt đời hầu cận, hết vin vào ông tá này thì dựa vào ông tá kia, hết tá rồi lại bám vào một ông đại úy, và trong những giai đoạn căng thẳng nhất trên chiến trường, Ngử không có hành động nào xuất sắc. Mang danh là nhà văn, Ngử không viết lách gì, cũng không tỏ được tiết tháo của người cầm bút. Mọi việc trong đời sống đều nhờ vào tay vợ ; sau khi học tập vài ba năm, thì được vợ mua sẵn cho một khu vườn đất đồi ở Bảo Chánh, gàn ga xe lửa đường Xuân Lộc, nhưng không thấy Ngử cày cuốc bao nhiêu, chỉ thấy chàng cà phê, thuốc lá, ngâm thơ Đường, thơ Tống, thỉnh thoảng làm tình với cô Diễm, khi người yêu cũ ghé qua, rồi để lại « *mùi da thịt trên nếp chăn [...] sợi tóc mảnh trên gối, [...] thổi son Elizabeth Arden còn bỏ quên* » (tr.1791). Chán làm rầy thì về lại thành phố, có đạp xích lô, có vá bánh xe đạp... nhưng vẫn nhờ vợ buôn bán sau lưng và cô em gái ở Mỹ gửi quà về. Lúc vượt biên là do vợ và người tình thu xếp, còn Ngử chỉ « *chuẩn bị ra đi một cách khác, lẳng đặng tài tử* » (tr.1834). Nguyễn Mộng Giác có ý thức chỗ yếu của Ngử nên đã rào đón : « *Ngử không thuộc vào thiểu số những người có cá tính liều lĩnh, mạnh bạo, dám*

bước ra ngoài luật lệ, dám chấp nhận thử thách [...] để trở thành những kẻ làm lịch sử. Trong thiếu số đó, chắc chắn rất nhiều người thất bại, nhưng cuối cùng một số ít sẽ thành công [...] Ngữ thuộc vào đa số những người bình thường và tầm thường, bị hoàn cảnh đưa đẩy nên phải gắng chịu đựng để sống còn, lặn trong đám đông vô danh, vui buồn theo những vui buồn vụn vặt từng ngày từng giờ. Cái đám đông ấy cũng cố gắng tìm ra một thứ triết lý để biện minh cho cái tầm thường thụ động của mình.» (tr.1734).

Nguyễn Mộng Giác thấy đúng quá. Nhưng đã thấy vậy rồi, sao lại còn đặt ra chuyện thất bại và thành công, và khái quát thành một « thể hệ thất bại », trong một xã hội mà những giá trị tinh thần thường xuyên bị đảo lộn ?

Nói rằng Ngữ – và thế hệ – thất bại vì không có chỗ đứng trong xã hội Việt Nam sau ngày 30-4-1975 và họ cảm giác « *bẽ bàng lơ láo như sống tha hương* » (tr.1829), thì cũng được. Nhưng thực ra là lúc đó họ bị đàn áp, miệt thị, khai trừ, đày đọa. Chế độ mới có cho họ cái cơ hội nào để sống bình thường đâu mà nói chuyện thất bại với thành công ?

Cuối cùng, nói rằng Ngữ đã thất bại vì thua trận là gán cho cuộc đời quân ngũ của Ngữ một nội dung chính trị – điều mà Nguyễn Mộng Giác không làm suốt 2 000 trang giấy. Mà dù có chấp nhận lập luận này, vẫn không thể nói đến « *một thế hệ thất bại* ». Giá dụ « thể hệ » ấy thành công, thì sẽ thành công ra sao ? « *Nếu miền Nam đứng được năm năm nữa, qua vài nhân vật đã giới thiệu trong cuốn bốn. Lớp người đó mà nắm được quyền thì miền Nam chưa đến nỗi.* »⁽¹⁾. Chưa đến nỗi, là chưa đến nỗi ... nào ?

Nhân vật chính « *phái bên kia* » là Tường. Bị cuốn hút vào cơn bão lửa chính trị đã đốt cháy miền Trung vào những năm 1963-66, Tường « nhảy núi » – cùng với nhiều thanh niên khác –, để lại một bào thai trong bụng người yêu, cô Nam, em Ngữ. Tường về lại Huế trong cuộc tổng công kích Mậu Thân, 1968, chỉ còn là một hình bóng co ro, mờ nhạt, sợ sệt ; và còn nhếch nhác hơn nữa khi trở về Sài Gòn, năm 1975, làm cán bộ thành đoàn, rồi xin sang tuyên huấn. Tường chỉ hùng hồn với bạn bè, hùng hổ với cha mẹ, còn với cán bộ quyền uy thì nín khe, sẵn sàng viết bài chửi bới anh em cũ. Con người quy lụy, trái với hình ảnh hào hùng thuở nắm micrô trước các giảng đường đại học, biểu tình, hội thảo, xem thường xe tăng, lựu đạn. Với vợ con, Tường cũng hững hờ, chấp vác, vì lý nhiều hơn vì tình. Bất mãn, thất vọng với chính quyền, Tường cho bé Thúy, đưa con gái mười tuổi – giọt máu của cách mạng hiểu theo cái nghĩa lãng mạng nhất – vượt biển để sang sống nhờ em gái là Quỳnh Như, lấy chồng Mỹ, được liệt vào hạng CIA. Sự chọn lựa này, và những hậu quả hiển nhiên, chứng tỏ Tường không còn tin tưởng vào chế độ mà mình đã xây dựng và phục vụ. Cho rằng Tường « thất bại » là đúng, nhưng Tường không tiêu biểu được cho « thể hệ thất bại ». Có lần hỏi Ngữ, « *Tường tức giận, nói như quát : « Vậy mày muốn cái gì ? » Một lần nữa, họ đi vào lối cụt.* » (tr.244). Đoạn cuối, đáng lẽ Tường cũng nên tự vấn mình muốn gì. Muốn đất nước được giải phóng, thống nhất, hòa bình, trong chế độ xã hội chủ nghĩa ư ? Tường đã xả thân và hy sinh cho vợ con, cho lý tưởng đó, bây giờ, đã đến bờ, đến bến, còn thờ dài than vãn gì nữa ? Chế độ của Tường nay không đáp ứng hoài bão của Tường, hoặc cho anh một địa vị anh nghĩ rằng không xứng đáng, thì là tâm sự của Tường, không phải là thất bại hay thành công của thế hệ.

Những « đồng chí » của Tường đều mang chung một niềm u uất : Ngô đang làm đài phát thanh Hà Nội, đào nhiệm, vào Sài Gòn sống bụi đời ; Mười Chí, đảng viên cốt cán, vượt biển. Còn lại Năm Được, có chức mà không có quyền... Nguyễn Mộng Giác đã gọi ra được một xã hội đang tan rã, « *tha hương trên quê hương* », từ những cán bộ nòng cốt, chiến thắng và nắm quyền đến người dân vô danh, muôn đời làm nạn nhân cho thời cuộc ; chúng ta hiểu tâm sự Nguyễn Mộng Giác khi ông nói đến « *tâm tình của một thế hệ [...], cái thế hệ thất bại* ». Chúng ta, thế hệ nào cũng vậy thôi, đều thất bại khi cảm thấy mình không đóng góp gì được cho một đất nước rách nát, đau thương mà mình yêu mến. Mặc cảm thất bại còn thấm thía hơn nữa với những người phải sống xa đất nước. Tôi hiểu tác giả, nhưng vẫn muốn được bàn lại, để nói rằng *Mùa biển động* chỉ là một mảnh nhỏ của thời cuộc.

Một vấn đề, nhỏ thôi, làm tôi suy nghĩ, về mặt tâm cảm : nhân vật *Mùa biển động*, thôi thì cứ nhận phứt là bạn của Nguyễn Mộng Giác, và của cả tôi nữa, đã thất bại về mặt xã hội. Họ còn thất bại về mặt mưu cầu hạnh phúc. Những chàng tuổi trẻ ấy, dường như không ai thực sự có hạnh phúc, vì họ không có khả năng yêu đương đến nơi đến chốn. Vàng của họ chưa bao giờ thử lửa đến nồng độ của tình yêu. Đừng nói gì đến Tường, trong cơn cuồng say chính trị, đã đẩy người yêu đến chỗ tự thiêu ; hãy lấy Ngũ làm ví dụ.

Anh chàng này đào hoa, được cả vợ, Quỳnh Trang, và Diễm, người tình, yêu tha thiết. Ngũ ái ân với Diễm, trước khi nàng lấy chồng, có con với Diễm, mà... mười năm sau vẫn không biết (tr.1548), khi vẫn tiếp tục ái ân. Chưa hết. Đây là cách chàng yêu vợ : « *Giữa lúc ta lắng nghe xúc cảm càng lúc càng cao trên từng thớ thịt làn da, thì nghe Trang khóc. Ban đầu ta tưởng nàng rên rỉ vì cảm khoái.* » (tr.1786). Có thể đây là lối hóm hỉnh của tác giả, nhưng nó đã đưa nhân vật đi quá xa.

Cô Nam lấy chồng cán bộ, cô Diễm lấy chồng giàu, đều không hạnh phúc. Cô Quỳnh Trang, nếu được bình an, thì là sức chịu đựng và cố làm ngơ. Thậm chí cô Quỳnh Như, lấy chồng Mỹ cũng hăm hiu. Sao vậy ?

Nguyễn Mộng Giác thuộc một thế hệ thanh niên đã đánh mất đóa hoa hồng cài trên mũ. Đã xa rồi thời của chàng Siêu chậm chậm lau bàn chân cô Mùi trong *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh, thời của chàng Triệu một buổi trưa thong thả của Nhất Linh, thong thả đu đưa trên võng, thỉnh thoảng nắm tay cô Dung trong *Nguyên vẹn* của Võ Phiến.

Nhân vật *Mùa biển động* là lớp người khi thì chạy giặc, khi thì chữa cháy. Họ ít chú tâm vào hạnh phúc.

Về mặt xã hội, người đọc cũng có thắc mắc. Trong ba gia đình người Huế, ông bà Văn, ông bà Thanh Tuyền và ông bà Bổng làm tam giác để Nguyễn Mộng Giác đặt trọng tâm cho *Mùa biển động*, thì gia đình ông bà Bổng, với ba người con Ngô, Ngọc và cô Diễm là ít được tình cảm nhất và đồng thời là gia đình nghèo nhất.

Trong các cô gái Huế thướt tha dọc *Mùa biển động*, Diễm là người đàn bà tội lỗi nhất. Diễm lấy chồng giàu chỉ vì tiền, và trước đám cưới đã cần thận trao thân cho người tình, và có thai. Lấy chồng rồi, cô đi lại với ông nọ, ông kia để buôn bán, đồng thời xướng ngôn cho đài *Mé Việt Nam* của Mỹ tuyên truyền chống cộng, và vì những nguồn lợi khác. Sau ngày 30-4-1975, Diễm vẫn tiếp tục móc nối với cán bộ, buôn bán vật tư, bị bỏ tù. Giữa hai chuyến áp phe, nàng ghé lại làm tình với Ngũ. Cuối cùng, nàng tổ chức vượt biên để lấy tiền, và vượt biên. Động cơ đầu tiên là nghèo : « *Em không muốn con cái em phải khổ, phải nhục như em vì nghèo đói.* » (tr.1433). Diễm có quyền chọn cuộc đời mình. Còn Ngọc, anh cô ? Học xong y khoa, Ngọc lấy vợ giàu, mua mấy tiệm thuốc Tây ở Sài Gòn, sang Mỹ có đưa cháu ruột (con Diễm) cũng bỏ rơi... Còn ông Bổng, bà Bổng, thậm chí đến Ngô đều là những nhân vật xoàng. Cái khó nó bó cái đẹp chẳng ? Hỏi như vậy là có phần oan cho Nguyễn Mộng Giác, vì trong thâm tâm, ông không đặt vấn đề như thế : Diễm là nhân vật được tác giả âu yếm, nuông chiều nhất, và có lẽ là nhân vật đạt nhất trong *Mùa biển động*, linh động, đa dạng và sắc sảo nhất. Các cụ bảo « con chiều là con hư », cũng phải.

Mùa biển động, tiểu thuyết thời đại, vắng bóng đa số quần chúng, số dân nghèo gồm những kẻ buôn thúng bán bưng, những công nhân và khối nông dân. Hình ảnh Việt Nam trong *Mùa biển động* không có « *lũy tre còm tá tơi* » như trong nhạc Phạm Duy, không có « *bóng cau với con thuyền một dòng sông* » như trong Văn Cao. Nguyễn Mộng Giác kể chuyện đô thị, nhưng chúng ta không thấy bóng hàng chục triệu người tránh chiến tranh trôi dạt về thành phố. Tác giả biết chỗ yếu của mình nên có lần chống chế : « *Minh chỉ thỏa mái khi nói, nghĩ, viết đối với một giới nào đó thôi[...]. Quả tình tôi chỉ thấy thỏa mái trong giới tôi biết rõ cho nên không dám viết về nông dân, về quần chúng lao động. Bởi vì nếu viết về họ cũng chỉ là viết gượng mà thôi.* » (*). Chúng ta quý trọng sự lương thiện ấy, nhưng muốn hỏi lại ông : khi vẽ lại tâm tình một thời đại, mà ông không viết về đa số người nghèo, vì không thỏa mái ; không viết

về chiến tranh, vì không sành quân sự, không viết về người cộng sản chính hiệu, mà chưa giải thích tại sao, thì bức tranh thời đại của ông có sơ lược chăng ? *Mùa biển động* là một bữa tiệc lớn, mà chủ nhân chỉ lưu ý nền nước ngọt và các món tráng miệng, Nguyễn Mộng Giác lại giải thích là muốn « *viết về những người tầm thường, như chính tôi... Họ là đám đông góp phần lớn vào các biến chuyển của lịch sử, nhưng họ chưa đáng được nhắc tới, dù là một dòng [...]. Thế thì tôi phải chú tâm đến đám đa số thiếu tiếng nói.* » (tr.1855). Những Ngử, Tường mà thiếu tiếng nói ư ? Hay là ở thính đường nào, lớp học nào, micrô nào, tờ báo nào, quần chúng cũng phải nghe họ ra rả ít nhất là trong mười năm ? Họ lên đường, xuống đường, xây dựng nông thôn, chinh trang quận 8, tâm ca để nổi vòng tay lớn, du ca để tiếng hát át tiếng bom, nghe họ đến đình tai nhức óc, sao bảo không có tiếng nói ? Còn lịch sử, thì họ viết chứ ai viết nữa ?

Quần chúng thật sự trầm lặng không được lời nói, tiếng thờ dài nào trong cơn xôn xao vô tận của *Mùa biển động*. Về người nông dân những năm 1970, Nguyễn Mộng Giác còn những câu như « *anh nhà quê lúng ta lúng túng đứng xơ rớ cho các quan trên sai vặt* » (tr.1069). Nhất Linh viết một câu về Hai Lãm mà bị mang tiếng cả đời, ông Giác không nhớ sao ? Trong suốt nửa thế kỷ, người nông dân đã có những đóng góp lớn lao cho lịch sử, điều này đã rõ. Nhưng Nguyễn Mộng Giác lại bảo : « *Họ nắm chính quyền, và cái mộng được làm lý tưởng, trương tuần họ giấu kín bao nhiêu đời, bây giờ họ nắm « giác mộng » ấy trong tay. Cộng sản thuyết phục được dân quê nghèo khổ vì cái tham vọng quyền lực bị ẩn ức đời đời kiếp kiếp ấy.* » (tr.1079).

Những câu đại ngôn như thế, may thay, ít có trong sách, và chúng ta không nên dựa vào đó mà phê phán Nguyễn Mộng Giác.

Tôi xin chỉ góp ý với tác giả về hai chi tiết nhỏ :

- Vụ bầu cử, khoảng 1970, tại « *xã Nhơn Mỹ, thuộc loại xôi đậu* », « *tổ chức hội đồng xã thật dân chủ* » (tr.1137), nhưng kết quả là mấy ông dưới thành phố đắc cử : « *ông chủ tiệm چاپ phố gốc Hoa trốn lính, ông y sỹ quân y mở phòng mạch tư hút bạc* » (tr.1138). Chuyện đó có thể có thật, nhưng chỉ là một ví dụ đơn lẻ. Từ thời cải lương hương chính rất xa xôi, 1920, 1930... tại một số thôn xã Trung kỳ và Bắc kỳ đã có bầu cử, tranh cử, tranh chấp, có nơi đã bầu dân chủ ; và sau này, người dân quê đã biết vào dân vệ cầm súng chống cộng hay đào hầm nuôi cán bộ, thì nhất định là họ biết sử dụng lá phiếu. Vì tác giả đánh giá thấp nông thôn nên mới để « *ông Thường tuyệt vọng vì cái thực tế không chối cãi được này* » (tr.1158). Nói chung, Nguyễn Mộng Giác, nếu có sai lầm, là do hời hợt về chính trị, chứ không phải vì quan điểm.
- Ở đoạn cuối, ông nhấn mạnh vào các nhân vật đảng viên như Mười Chí, Năm Được, nhắc lại vai trò của họ trong phong trào sinh viên tranh đấu tại Huế khoảng 1963-68. Điều này, trong hai tập đầu, rất hay và sôi nổi, ông không đề cập đến. Ông muốn điều chỉnh đạo đạo ? Có nên không ? Vai trò của Đảng cộng sản trong giai đoạn này, cho đến nay, vẫn chưa được sáng tỏ. Trong hồi ký *Đất nước vào xuân*, tướng Lê Chường, chính ủy thời đó, cho rằng thanh niên sinh viên thất bại vì không được nông thôn yểm trợ ; trong hồi ký *Huế Xuân 1968*, tướng Lê Minh, tư lệnh mặt trận lúc đó, cho rằng sinh viên học sinh không có lực lượng đặc công. Hai ý kiến này gặp nhau một điểm : Đảng cộng sản lúc đó (có lẽ ?) không quyết tâm ủng hộ cuộc tranh đấu của dân thành phố. Vì nông thôn là... ông Lê Chường nắm, còn đặc công thì... trong tay ông Lê Minh ! Về mặt tiểu thuyết, thà để lửng câu chuyện, còn hơn là gán cho phong trào tranh đấu miền Trung 1963-68 một cốt lõi chính trị không lay gì làm bằng.

▪ Tiểu thuyết, trước tiên, là nghệ thuật, giống như một bức tranh. Chỗ mạnh, chỗ yếu, nét đậm, nét nhạt bổ sung cho nhau, nuôi dưỡng nhau ; không có chỗ yếu, thì không có chỗ mạnh ; từ những nét đậm, gạt đi những nét nhạt, là phá bức tranh. Nguyễn Mộng Giác là một nhà văn sáng suốt, nên thấy trước hơn ai hết chỗ yếu của mình, « *tôi chỉ mô tả được biển động xã hội trên bề mặt* » (*). *Mùa biển động* mạnh ở hai điểm : lối kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn, làm nổi bật

tâm tình một thể hệ thanh niên trung bình, trưởng thành trong các đô thị miền Nam vào những năm 1960. Đó là hai trục chính : truyện kể và tâm tình. Những thành tố khác – lịch sử, tư tưởng, hành văn... – chỉ xê dịch trên hai trục đó. Trích dẫn câu văn này, chi tiết nọ để khen hay chê, đều không khó, mà không đúng vì đưa những lưu điểm ra khỏi tọa độ thẩm mỹ của nó.

Mùa biển động là một sự cố quan trọng trong đời sống văn học Việt Nam, trong và ngoài nước. Trước hết là do bề thế lớn lao : bộ sách non hai ngàn trang, viết trong bảy năm (1982-89) trong hoàn cảnh khó khăn, trong tâm trạng chưa chìm lắng của một thuyền nhân vượt biển. Non hai trăm chương sách mà không có chương nào non yếu hoặc xu thời, nịnh thị hiếu.

Thứ đến là nghệ thuật : Nguyễn Mộng Giác có lối viết nhanh nhẹn, dễ dàng ; cũng có câu dễ dãi, vội vàng, nhưng không độc hại gì mấy cho lối kể chuyện. Ngòi bút linh động phục vụ cho óc quan sát nhạy bén và nhận định tinh tế – có khi còn tinh quái. Từ chương này sang chương khác, ngòi bút có lúc thiếu sức, nhất là ở tập ba và tập bốn, nhưng nói chung không nhàm, không nhảm, thậm chí khi đọc lại vẫn thấy vui. Đóng góp lớn của Nguyễn Mộng Giác là đã đưa lối kể chuyện miền Nam – quay chung quanh số phận một nhân vật trung tâm – vào địa bàn của tiểu thuyết hiện đại, với nhiều tuyến nhân vật đồng đảo trong một xã hội đảo điên. Khác với truyện Vân Tiên : đời Vân Tiên truân chuyên, nhưng xã hội Vân Tiên im lìm trong những giá trị tinh thần không biến chuyển.

Điều thứ ba, điều cuối cùng nâng cao giá trị tinh thần *Mùa biển động* là thái độ ung dung, thanh thoát của Nguyễn Mộng Giác. Ông là người vượt biển, với những động cơ nhất định, ông viết một pho sách về những năm 1963-80 khi miền Nam gập tràn máu lửa, mà ngòi bút ông không thù hận, không biểu dương, thậm chí không cay đắng. Dĩ nhiên là ông phải có cảm tình với nhân vật này, mỉa mai sự kiện kia, nhưng tình cảm nằm ngoài vòng ân oán, thành kiến và chính kiến. Thái độ ung dung ấy, có lẽ là do bản tánh tác giả, như ông đã có lần nói « *tôi không hận thù đến độ viết tàn nhẫn* » (*), nhưng có phần do tác giả biết tự chủ, ý thức được giá trị đạo đức của văn chương, nó nằm bên ngoài những tranh chấp và bên trên những mê chấp. *Mùa biển động* không có anh hùng, không có gian hùng và không có thị phi, chỉ có những con người tầm thường – trong đời sống tầm thường bị lịch sử bẻ gãy, giày xéo.

Nguyễn Mộng Giác là một tác gia chừng mực, từ tốn. Quảng cho ông nhiều vòng hoa đạo đức, nghệ thuật thì có cái gì không chỉnh. Nhưng *Mùa biển động* là một trường hợp Việt Nam đáng được chúng ta suy nghĩ.

Những đợt sóng ngầm đã đưa bao nhiêu bè giạt tha hương. Quê nhà đã quá xa xôi và phai phôi. *Mùa biển động* để lại trong tôi âm hao bài hát Jean Ferrat phổ nhạc Aragon : « *une saison d'homme, entre deux marées... Quelque chose comme un chant égaré... Au bout de mon âge... Qu'aurais-je trouvé... Vivre est un village... Où j'ai mal rêvé...* »

Một mùa người.. giữa hai đợt sóng...
Có chút lạc lõng.. như bài hát bơ vơ...
Tôi thấy được gì... khi buổi chiều xế bóng...
Sống là một thôn làng...
Tôi lỗi mộng làm mơ...

07-5-1990

Orleans, đọc lại, 02-7-2012, để tưởng niệm Mùa Biển Động

Tiếc thương Nguyễn Mộng Giác, 1940-2012
Đặng Tiễn

Về thể loại TIỂU THUYẾT TRƯỜNG THIÊN

Trường thiên tiểu thuyết là thuật ngữ Nguyễn Mộng Giác đã dùng để gọi thể loại mà ông sử dụng khi viết *Mùa biển động* : một tiểu thuyết dài nhiều lần hơn mức trung bình, chia thành nhiều tập, đưa ra một tuyến nhiều nhân vật, sống trong một giai đoạn lịch sử dài, và những hoàn cảnh khác nhau.



Đình Cường : *Chân dung Nguyễn Mộng Giác*

Có thể nói Nguyễn Mộng Giác là « chuyên gia » về thể loại này : ông còn là tác giả bộ tiểu thuyết lịch sử, lấy thời kỳ Tây Sơn làm bối cảnh, bộ truyện *Sông Côn Mùa Lũ*, bốn cuốn, dài khoảng 2000 trang, viết tại Sài Gòn từ tháng 5-1978 đến tháng 3-1981, tu chính tại Hoa Kỳ 1990, và nhà An Tiêm của Thanh Tuệ xuất bản, cùng năm, tại Cachan-Paris và California. Sách được tái bản trong nước, tôi không nhớ xuất xứ, vì tôi có một bộ nhưng đã gửi tặng... tác giả ! Sách, vì ấn hành trong nước, đã gây tai tiếng và phiền hà cho người viết tại Mỹ.

Như vậy, mấy chữ trường thiên tiểu thuyết đã mất nghĩa đầu tiên của nó : trước kia, nó chỉ là truyện dài, khác với trung thiên tiểu thuyết là truyện vừa, và đoản thiên tiểu thuyết là truyện ngắn. Từ ngày báo *Phong Hóa*, năm 1932, đưa ra từ truyện ngắn, thì dần dần người ta chỉ còn dùng hai chữ truyện dài, truyện ngắn. Cũng cần thêm rằng, hai chữ truyện ngắn mượn của người Anh, dịch từ *short story*, chứ người Pháp và người Trung Quốc, thầy ta lúc ấy, không có khái niệm truyện ngắn, hiểu theo quan niệm bây giờ.

Tiểu thuyết trường thiên không phải là một phát minh son trẻ. *Đông Châu liệt quốc* hay *Tam quốc chí* đã là truyện trường thiên hay, đọc lại không chán và không thấy dài. Người Pháp có truyền thống tiểu thuyết trường thiên từ Rabelais đến Balzac, Zola, Jules Romain, v.v.

Ở Việt Nam, người thí nghiệm tiểu thuyết trường thiên đầu tiên có lẽ là Nhất Linh, phần nào dưới ảnh hưởng của các tác gia Pháp nói trên, và một số tác phẩm bề thế khác của Tolstoi mà ông rất hâm mộ. Ông trình bày quan niệm và dự tính sáng tác qua lời giới thiệu bộ truyện *Xóm Cầu Mới*, khởi thảo từ 1940 viết dang dở và in năm 1973 : « *Xóm Cầu Mới là bộ trường giang tiểu thuyết gồm một loạt truyện dài, đặt dưới tên chung Xóm Cầu Mới. Mỗi truyện*

dài lại có tên riêng. Những truyện dài có liên can hoặc xa hoặc gần đến cái xóm Cầu Mới, mà các nhân vật chính hay phụ phần nhiều lấy ở số người tị nạn cư trong xóm. Tuy có cái tên chung, và tuy các nhân vật có thể có mặt ở trong hết cả hay một số lớn các truyện, nhưng độc giả có thể đọc một truyện mà không cần đọc truyện khác cũng không bị thắc mắc hay ngỡ ngàng [...]. Tôi mong viết độ hai chục cuốn nữa thành một bộ gần vạn trang mới đủ để tả đầy đủ sự phức tạp và muôn mặt của cuộc đời.».

Đoạn trích dẫn đồng dài, nhưng nói lên được những nét chính của thể loại tiểu thuyết trường thiên – thời đó gọi là trường giang – như các tác gia phương Tây đã quan niệm. Ý định Nhất Linh chỉ thực hiện được một phần mười : hai tập *Xóm Cầu Mới* chỉ ngoài 700 trang là đi trước ; nhà Phương Giang đã xuất bản mười năm sau khi Nhất Linh quá cố, ngày nay gia đình đã in lại, có phụ lục hồ sơ sáng tác, nxb Văn Mới, 2002, California, *Xóm Cầu Mới* là một tác phẩm hay, hành văn giản dị, các nhân vật được mô tả tinh vi trong dáng điệu, lời nói, nếp suy nghĩ và rung cảm. Đời sống hàng ngày của những con người tầm thường trong một xã hội tầm thường, đó là nội dung nghệ thuật Nhất Linh mà ít người đạt tới.

Bộ *Dòng sông Thanh Thủy* gồm ba cuốn : *Ba người bộ hành*, *Chi bộ hai người* và *Vọng quốc*, tổng cộng hơn 600 trang, Nhất Linh viết rất nhanh, ba bốn tháng gì đó (1960-61). Tác phẩm kể lại hoạt động chính trị của một số cán bộ Việt Quốc và Việt Minh sang hoạt động tại Côn Minh khoảng 1944. Tuy có hình thức một tiểu thuyết trường thiên, nhưng *Dòng sông Thanh Thủy* chỉ là một truyện dài, vì chỉ mô tả số phận một vài nhân vật chính, chứ không gọi ra được một khung cảnh xã hội lớn lao. Điều đó nhắc lại rằng : tiểu thuyết trường thiên, hay chu kỳ, không phải do số trang, mà còn do cơ cấu nội tại. *Những kẻ khốn nạn* (*Les misérables*) của Victor Hugo hay *Jean-Christophe* của Romain Rolland, thậm chí *Đi tìm thời gian đã mất* (*A la recherche du temps perdu*) của Marcel Proust, tuy là dài, vẫn không phải là tiểu thuyết chu kỳ. Ở Việt Nam, hai tập *Bão biển* (1969) và *Đất mặn* của Chu Văn, *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn (1985) là truyện dài, nhưng *Vỡ bờ* hai tập (1962 và 1970) của Nguyễn Đình Thi, tuy gọi là tiểu thuyết, lại mang vóc dáng một tác phẩm trường thiên, vì tính cách sử thi đã làm sống lại cả xã hội miền Bắc trong năm năm chuyển mình, chuẩn bị cuộc Cách mạng tháng Tám. *Vỡ bờ* thuộc vào tác phẩm lớn lao, đã được tác giả ôm ấp và sáng tác trong hai mươi năm, từ 1948. Những tiểu thuyết riêng lẻ của Tô Hoài, từ *Quê Người*, 1941, *Giăng Thề*, 1944 đến *Mười Năm* 1957, lấy làng dệt Nghĩa Đô làm khung cảnh, cũng mang dáng dấp tiểu thuyết chu kỳ ; trong ý tác giả, dường như *Người ven thành*, 1972, và *Quê Nhà*, 1981, cũng nằm trong chu kỳ này.

Ở miền Nam trước 1975, *Khu rừng lau* của Doãn Quốc Sĩ là một bộ trường thiên quan trọng vì ghi lại tâm trạng một lớp thanh niên theo kháng chiến chống Pháp rồi bỏ kháng chiến, di cư vào Nam. Những truyện của Võ Hồng gom lại, cũng có tính cách trường thiên tiểu thuyết về đời sống tại miền nam Trung bộ thời kháng chiến chống Pháp.

Tiểu thuyết trường thiên tiêu biểu của văn học Việt Nam là bộ *Cửa biển* của Nguyên Hồng, khoảng hai nghìn trang, chia ra làm bốn cuốn : *Sóng gầm* (1961), *Con bão đã đến* (1967), *Thời kỳ đen tối* (1973), *Khi đưa con ra đời* (1976), mô tả đời sống cay cực của lớp người nghèo tại thành phố cửa biển Hải Phòng trong mười năm 1936-1945, đã vùng lên làm cuộc Cách mạng tháng Tám.

Bộ sách viết trong mười lăm năm (1959-74), thời gian đó Nguyên Hồng không làm việc gì khác, và đi đâu cũng kệ nệ tập bản thảo, sợ... mất. Trong hồi ký *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* (1978), ông đã kể lại kinh nghiệm sáng tác *Cửa biển*, sự thành hình những nhân vật nhô lên từ ký ức hay thực tại, quá trình tái sinh những sự kiện, những hình ảnh. Đây là một hồ sơ sáng tác quý hiếm, nếu không phải là duy nhất giúp ta tìm hiểu sự thai nghén và khai hoa một tác phẩm nghệ thuật. Nguyên Hồng đã thổ lộ nỗi vất vả và vật vã của kẻ « *đã thai nghén và mang rất nặng, đẻ thì đau quá sức lẽ mình, vậy mà lại đẻ ra người giấy, nhân vật giấy* » : « *Năm 1959, tôi bắt đầu viết tập đầu là tập Sóng gầm trong bộ Cửa biển. [...] Sang năm 1960 thì được hơn 150 trang bản thảo, giấy là mặt sau của trang sổ khổ rộng, giấy màu hồng hồng, của một công sở hay nhà buôn gì đó hồi Pháp thuộc bỏ lại [...]. Bốn, năm chương của tập đầu*

đã thành chữ với hơn 150 trang kia, chính mình đọc mà cũng chán ngấy. Chán vì nó nhạt hoét, giả khướt. Mà nó nhạt hoét, giả khướt vì sáo mòn, dễ dàng, nông choèn [...]. Tôi bỏ hẳn tập bản thảo đầu với hơn 150 trang khổ rộng, giấy màu hồng hồng nõ. Tôi viết tập bản thảo hai, bản thảo ba. Nhà tôi chép lại, tôi lại sửa và đưa đăng báo mấy chương. Đánh máy, đăng báo rồi (Báo Văn nghệ 1961), tôi lại sửa. Đưa nhà xuất bản, đánh máy duyệt in, vẫn sửa. Thành trang đưa đọc để máy chạy trọn vẹn, cũng vẫn sửa... Vẫn sợ nhạt loãng, vẫn lo sự giả tạo, vẫn phải sao thật tinh táo với chính mình nếu có chút gì gian dối. »

Ấy là Nguyễn Hồng đã sáng tác trong hoàn cảnh ưu đãi của xã hội mà ông phục vụ, vì đã đăng ký đề cương sáng tác với Hội nhà văn, ký giao kèo sáng tác trong mười năm... Chữ thật ra *Cửa biển* đã được ấp ủ từ 1941. Từ khi khởi thảo tác phẩm, đến Khi đưa con ra đời (!), 1976, là 35 năm, thời gian dài hơn hai cuộc kháng chiến cộng lại. Và phần gian lao ắt cũng tương đương. Kết quả đáp ứng xứng đáng với công lao động ấy : *Cửa biển* của Nguyễn Hồng là tác phẩm quan trọng hàng đầu trong ngành tiểu thuyết Việt Nam, ở tầm vóc của nó, và ở giá trị nhân đạo, xã hội, lịch sử và nghệ thuật nữa.

Gần đây hơn, Phan Tứ đã viết bộ tiểu thuyết trường thiên *Người cùng quê*, về xã hội tại địa phương vùng nam Trung bộ, chủ yếu là Quy Nhơn, đã xuất bản ba tập (1985, 1995, 1997) khoảng 1500 trang. Chúng tôi không biết những tập sau.

Tiểu thuyết trường thiên đòi hỏi sức lao động bền bỉ, và hoàn cảnh sáng tác thuận lợi, dù ở mức tương đối. Nhưng công trình có khi bạc bẽo : trong xã hội nhiều đột biến như Việt Nam từ mấy mươi năm nay, có khi tác phẩm viết xong rồi – hai mươi năm sau – thì không còn đáp ứng với sở thích người đọc, như trường hợp *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh. Khối độc giả mới, đa số là thanh niên, không còn thu thái độ nhâm nhi những tinh vi, tế nhị của Nhất Linh, nhưng tác phẩm cũng gây một ảnh hưởng nào đó trong tiến trình tiểu thuyết, mà ta gặp lại trong tiêu đề *Bèo giạt* của Nguyễn Mộng Giác, là một trong những tên cũ của *Xóm Cầu Mới*.

Võ bờ của Nguyễn Đình Thi, *Cửa biển* của Nguyễn Hồng cũng chịu số phận lao đao, vì những lý do khác. Nguyễn Hồng, Nguyễn Đình Thi là những người cộng sản trung kiên, đã đi theo cách mạng từ thời kỳ trứng nước, đã vào tù, ra khám, đã trường thành trong chiến đấu, đã quán triệt mọi lập trường, quan điểm, yêu cầu giai cấp. Thế mà khi tác phẩm in ra thì bị các nhà phê bình tuyên huấn hạch sách trăm thứ bà dằn, đến độ bỏ Thi cẩu sườn, trả lời đại khái là : tôi là người buôn ngựa, các anh là kẻ lái trâu, nên đã chê ngựa tôi... không có sừng.

Những truyện của Tô Hoài, người đã theo cách mạng rất sớm, viết về những người thợ dệt làng Nghĩa Đô, quê ông, ở ngoại thành Hà Nội, thu vén lại cũng thành trường thiên tiểu thuyết : đó là hoài bão của ông khi ông viết truyện *Mười năm* (1957) mà ông đã thai nghén trong... mười năm. Khi sách xuất bản, bị đập tơi bời – vì sai lập trường cách mạng, không nêu lên được « con người mới ». Tô Hoài chán, một thời gian, không viết nữa. Những người lãnh đạo Việt Nam phải chịu trách nhiệm về sự bế tắc của tiểu thuyết Việt Nam.

Tiểu thuyết xưa nay vẫn là niềm an ủi của quần hùng chiến bại, là tiếng kèn bi thảm của hiệp sĩ Roland từ đèo Roncevaux đáp lại lời kêu cứu thất thanh của Quan Công khi thất thủ Kinh Châu, là tâm sự của Từ Hải, chết rồi còn đứng giữa trận tiền để đợi chàng Julien Sorel rưng đầu bên máy chém. Tiểu thuyết, nơi hẹn hò của những Hạng Võ khi biệt Ngưu Cơ. Ngược lại lịch sử là triều đình của những người chiến thắng, của Tần Thủy Hoàng, Lưu Bang, Câu Tiễn, Trần Thủ Độ, Đặng Trần Thường, tiểu thuyết là lối về của người chiến bại, những Kinh Kha, Ngũ Tử Tư hay Ngô Thời Nhậm. Trong đám tàn quân rã ngũ đó, có cả nhân vật *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác – và có lẽ có cả Nguyễn Mộng Giác. Tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa, ở một chân trời khác, thì lật ngược quy luật : các nhân vật chính và chính diện – con người mới – sau khi chiếm đoạt lịch sử thì chế ngự luôn cả nghệ thuật ; họ làm anh hùng hai lần, chỉ với một mũi tên ; họ xe duyên với Thúy Vân rồi ép duyên cả Thúy Kiều, họ có cái vẻ vang luộm thuộm lẫn cái hạnh phúc lúng túng của những người đàn ông hai vợ.

Ngày nay, mấy chữ tiểu thuyết trường thiên nghe nó xa xôi quá. Cứ gọi là bộ truyện *Cửa biển*, *Mùa biển động*, *Sông Côn mùa lũ*, nghe gần gũi hơn, và đúng hơn. Vì khái niệm tiểu

thuyết, du nhập từ phương Tây, từ thời kỳ này sang thời đại khác, đã nhiều lần biến chất, và hiện nay là một văn loại đang tự hủy hay băng hoại trước nhưng thể loại khác và phương tiện truyền thông mới. Cái còn lại là cốt lõi, là phần « truyện », hiểu theo nghĩa nôm na : truyện Tam Quốc, truyện Thạch Sanh. Khi mọi người đều nói truyện *Mùa Biển Động*, thì Nguyễn Mộng Giác có quyền sung sướng.

*Orleans, 05 tháng hai 1990, đọc lại và cập nhật 02-7- 2012,
để tưởng niệm Nguyễn mộng Giác*

Không định viết rồi cũng phải viết vài hàng khi Giác ra đi Đình Cường



Nguyễn Thụy Dao Tiên đang dìu bỏ Nguyễn Mộng Giác lên xe từ quán Vỹ Dạ ra . tháng 4-2012, California (ảnh: Đình Cường)

Ra đi thật rồi sau cơn đau dài
Nguyễn Mộng Giác người bạn hiền lành
của chúng tôi có nụ cười lúm đồng tiền
tóc gọn sóng đôi kính cận
nhớ huế nhớ qui nhơn nhớ sàigòn
gặp nhau ngày xa xưa
nhớ mùa hè hoa cỏ khô chạy vòng vòng
trên bãi cát trắng bờ biển qui nhơn
nhớ hàng hoa sầu đông tím nhạt
ở bến ngự, ngõ trúc vĩ dạ
nhớ nhà từ đường Nguyễn Khoa, Nguyễn Khoa
Diệu Chi vợ Giác luôn nở nụ cười ...

Tôi như còn nghe tiếng Diệu Chi cười nói
như lấp đi nỗi đau khó xê chia
Giác ơi nhắm mắt rồi sao nhắm mắt đi vào
hư vô đi vào trăng sao dù mùa biển động
biển động rồi kia em đừng tìm kiếm nữa
không còn con dã tràng nào đâu và hàng thùy dương reo
như buổi chiều cuối cùng già từ sơn khê biển nhớ
như cơn bão vừa qua virginia khi giác thở hơi cuối cùng
đêm trước ngày rằm một ngày không có trăng ^[1]

Cây nhang thấp khói bay nhẹ vào hư không
lời niệm nhỏ trên môi khô Giác ra đi nghe
nhớ phòng 25 A Alta Gardens Care Center
ở đường Blackbird, Garden Grove, tháng tư vừa qua
huy phương đưa Nguyễn Xuân Thiệp và tôi
đến thăm Giác không gặp sau đó hoàng thi thao
phone nói gặp Giác ở quán vĩ dạ
chúng tôi đã đến đó gặp nhau mừng tủi
Giác như ứa nước mắt chúng tôi như ứa nước mắt
buổi ăn cuối cùng đó sao buổi ăn ở vĩ dạ.
Không định viết nhưng khi ngồi vẽ chơi với hai cháu nội
tôi đã nhắm mắt nhớ bạn vẽ trong từng sát na
khuôn mặt hiền từ tình nghĩa tròn vẹn
như bài viết của Nguyễn Chí Kham đọc đã lâu rất hay
và làm sao tôi quên những ngày đầu đến Mỹ năm 1989
đã về Cali thăm ở với Giác và Thầy Từ Mẫn
nhà có treo bức tranh nguyên khai
nay Thầy Từ Mẫn gọi quen hơn gọi anh Võ Thắng Tiết
vẫn về ở chung nhà với Giác, nhớ căn phòng Giác nằm
nhớ năm nào về ở lại, Diệu Chi xếp tôi ở phòng với Giác
tôi ra chiếc sofa đen nằm thoải mái hơn nhìn khu vườn bên hiên nhà
đầy cây xanh tươi, nơi sofa đen này bao nhiêu bạn bè đã ngồi
đã cười nói đã chụp ảnh cùng Giác, Giác ơi ... và chiếc computer bên góc
Giác chỉ chỗ làm việc thời còn lo cho tờ Văn Học ...
Mùa Biển Động và Sông Côn Mùa Lũ tôi vẽ bia nói không lấy tiền
mà Giác cứ trả, như ngày khổn khó sau bảy lần chia nhau gói mì sợi
tình bạn tôi muốn im lặng giữ cho riêng mình mà sao như có tiếng gọi
từ sâu thẳm : *Bạn ơi, tiếng người dạo trong lòng tôi như
tiếng trùng dương vọng giữa hàng thông đang lắng nghe.* [2]
Tôi đang lắng nghe từng tiếng tim giữa chiều nắng lửa
ôi ngọn lửa ngày kia sẽ thiêu, tro cốt một nhà văn ... [3]

Virginia, 4 July 2012

Nguồn: Tác giả gửi thơ và ảnh

[1] Nguyễn Mộng Giác mất 10 giờ 15 phút tối thứ hai 2 tháng 7, 2012
nhằm ngày 14 tháng 6 năm Nhâm Thìn tại tư gia, thành phố Westminster- California

[2] Tagore- Khúc Hát Dâng Đờn

[3] Lễ hỏa táng : Chủ Nhật ngày 8 tháng 7 lúc 3 giờ chiều tại nhà quan

Tiểu sử và tác phẩm Nguyễn Mộng Giác Trần Doãn Thọ

I. Vài dòng tiểu sử:

Sinh năm 1940 tại Bình Định, miền Trung Việt Nam.

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế năm 1963.

Dạy học tại Huế, Quy Nhơn và làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục Bộ Giáo Dục, Sài Gòn.

Bắt đầu viết văn năm 1971, đã cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức.

Vượt biển tị nạn năm 1981 qua ngã Nam Dương, đến định cư tại Hoa Kỳ cuối năm 1982. Cộng tác với các báo Đồng Nai, Việt Nam Tự Do, Người Việt, Văn, Văn Học Nghệ Thuật. Chủ bút tạp chí Văn Học, California, Hoa Kỳ, từ 1986 đến tháng Tám /2004. Hiện định cư tại thành phố Westminster thuộc quận Orange, California, cùng với gia đình.

II. Tác phẩm

1. Tác phẩm xuất bản tại miền Nam trước năm 1975:

- *Nỗi buồn khoả của Kim Dung* (tiểu luận, nxb Văn Mới, Sài Gòn 1972)
- *Bão rút* (tập truyện ngắn, nxb Trí Đăng, Sài Gòn 1973)
- *Tiếng chim vườn cũ* (truyện dài, nxb Trí Đăng, Sài Gòn 1973)
- *Qua cầu gió bay* (truyện dài, đăng trên tạp chí Bách Khoa từ số 350 đến số 357, nxb Văn Mới, Sài Gòn, in thành tập năm 1974)
- *Đường một chiều* (truyện dài, Giải thưởng Trung tâm Văn bút Việt Nam, 1974, nxb Nam Giao, Sài Gòn 1974)

2. Tác phẩm xuất bản ở hải ngoại:

- *Ngựa nân chân bon* (truyện ngắn, nxb Người Việt, Hoa Kỳ 1984)
- *Xuôi dòng* (tập truyện ngắn, nxb Văn Nghệ, Hoa Kỳ 1987)
- *Mùa biển động* (trường thiên tiểu thuyết, nxb Văn Nghệ, Hoa Kỳ, xuất bản từ 1982-1989) gồm tất cả 5 tập:

- *Những đợt sóng ngầm*, 1984
- *Bão nổi*, 1985
- *Mùa biển động*, 1986
- *Bèo giạt*, 1988
- *Tha hương*, 1989

Tái bản lần thứ 6 năm 2001.

- *Sông Côn mùa lũ* (trường thiên tiểu thuyết, 4 tập, viết từ năm 1977-1981)
- Nhà xuất bản An Tiêm (Hoa Kỳ) xuất bản những năm 1990,1991
- Nhà xuất bản Văn Học (Hà Nội) và Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học tái bản lần thứ nhất năm 1998
- Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học, nhà xuất bản Văn Học và nhà sách Văn Lang (Sài Gòn) tái bản lần thứ nhì năm 2003
- Nhà xuất bản Văn Học và Nhà sách Thanh Nghĩa tái bản lần thứ ba năm 2007
- *Nghĩ về văn học hải ngoại* (tiểu luận, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ 2003)
- *Bạn văn, một thuở...* (tạp luận, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ 2005)

3. Tác phẩm chưa xuất bản:

- *Tình và Đạo trong thơ Hàn Mặc Tử* (tiểu luận)
- *Vào đời* (truyện dài), đã đăng một phần trên tạp chí Bách Khoa (Sài Gòn, 1973-1974)
- *Đêm hoang* (truyện dài), đã đăng trên tuần báo Đồng Nai (Hoa Kỳ)
- *Mây bay về đâu* (truyện dài)

4. Những bài viết trên tạp chí Văn Học (California, Hoa Kỳ):

- *Thư gửi một người bạn trẻ* (VH 11)
- *Thư mùa xuân gửi người bạn trẻ* (VH 12-13)
- *Đàm thoại với nhóm Thế Hệ ở Houston* (VH 15)
- *Tim hiểu thế giới nhân vật của Võ Phiến* (VH 19)
- *Tạ ơn đời, tạ ơn anh* (VH 21)
- *Đạo Quốc Sĩ, người anh khả kính* (VH 31)
- *Những ý nghĩ về một bài báo đăng trên Đoàn Kết* (VH 38)

- *Lời cuối cho một bộ trường thiên* (VH 42)
- *Nhìn lại một chặng đường* (VH 45)
- *Đôi điều suy nghĩ* (VH 49)
- *Phan Huy Ích ở Phú Xuân* (VH 55)
- *Chaka* (VH 70-71)
- *Lại bàn một chuyện cũ* (VH 74)
- *Bệnh hoang tưởng. Câu chuyện văn học* (VH 76)
- *Mùa Vu lan, nghĩ về mẹ* (VH 77)
- *Cơn khủng hoảng của truyện ngắn* (VH 79)
- *Nhìn lại một năm sinh hoạt văn học và xuất bản hải ngoại* (VH 80-81)
- *Văn học lưu vong hay văn học di dân* (VH 99)
- *Triển vọng của văn học hải ngoại* (VH 103)
- *Chúc Tết* (VH 105-106)
- *Trời xanh bên kia sông* (VH 108)
- *Hai mươi năm văn xuôi hải ngoại* (VH 109)
- *Viết về chiến tranh Việt Nam* (VH 115)
- *Nhìn lại một năm văn chương* (VH 117-118)
- *Hoạt cảnh của ngày xuân* (VH 129-130)
- *“Đi với về cùng một nghĩa như nhau”* (VH 133)
- *Đi vào cõi thơ Khoa Hữu* (VH 141-142)
- *Vĩnh biệt nhà văn Mai Thảo* (VH 143)
- *Kho tàng của quá khứ* (VH 149)
- *Tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn học* (VH 153-154)
- *Đọc “Thiên nga giữa cõi người”* (VH 159)
- *Đọc “Chân mang giày số 6”* (VH 160)
- *Đọc Miêng* (VH 161)
- *Hai con đường vào đời, vào thơ* (VH 162)
- *Đọc “Tùy bút” của Trúc Chi* (VH 164)
- *Đọc “Về với biển cả”* (VH 177-178)
- *Mười sáu năm nhìn lại* (VH 181)
- *Thực chất và huyền thoại* (VH 183)